

Số: /ĐA-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN
VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bình Định là tỉnh thuộc khu vực duyên hải Nam Trung bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Lãnh thổ của tỉnh trải dài 110 km theo hướng Bắc - Nam, với 6.066,40 km² diện tích tự nhiên¹, diện tích vùng lãnh hải là 36.000 km² và quy mô dân số 1.800.046 người². Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông với đường bờ biển dài hơn 134 km.

Bình Định là tỉnh có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về địa chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, được xem là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên và vùng Nam Lào, Đông bắc Campuchia và Thái Lan, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về đường hàng hải quốc tế với hệ thống cảng biển lớn là đầu mối tiếp cận với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng là tiềm năng để phát triển nhanh và toàn diện các ngành kinh tế như: công nghiệp chế biến lâm - nông - thủy sản, vật liệu xây dựng, may mặc, cơ khí; phát triển dịch vụ cảng và logistics,... và đặc biệt là du lịch. Có giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không phát triển đồng bộ, hiện đại, là điều kiện thuận lợi để giao lưu, phát triển du lịch, thương mại và hợp tác đầu tư trong và ngoài nước.

Với những ưu thế về điều kiện tự nhiên, tiềm năng kinh tế - xã hội và chính sách lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Bình Định sẽ tiếp tục phát triển bền vững, hướng đến văn minh, hiện đại bậc nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Với sự phát triển nhanh về dân cư đô thị trong quá trình đô thị hóa, cùng với sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung phát triển về thương mại - dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đã tạo cho tỉnh nhu cầu lớn về phát triển hệ thống hạ tầng đô thị. Tỉnh Bình Định hiện có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 02

¹ Theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022.

² Theo số liệu quản lý của Công an tỉnh Bình Định, tính đến 31/12/2023, tỉnh Bình Định có quy mô dân số 1.800.046 người, trong đó: dân số thường trú là 1.792.476 và dân số tạm trú quy đổi là 7.570 người.

thị xã và 08 huyện, trong đó thành phố Quy Nhơn là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa - giáo dục, tài chính của tỉnh; 159 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 116 xã, 32 phường, 11 thị trấn.

Năm 2023, tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư âm ảm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tập trung triển khai các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh có xu hướng phục hồi tích cực và đời sống người dân, thu nhập người lao động được cải thiện. Tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả khả quan, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2023 theo giá so sánh 2010 đạt 60.466,3 tỷ đồng, tăng 7,61% so với cùng kỳ; GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 78,1 triệu đồng/người/năm, tăng 10,5% so với năm 2022; cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng chiếm 30,39%, thương mại - dịch vụ chiếm 38,90% và nông - lâm - thủy sản chiếm 26,38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,33%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 3,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 103.161,9 tỷ đồng, tăng 15,1%; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 1.600 triệu USD, giảm 2,8%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2023 tăng 2,19% so cùng kỳ; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 11.855,6 tỷ đồng, giảm 14,3% so cùng kỳ; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 28.768,9 tỷ đồng, tăng 13,6%. Tỉnh tiếp tục thu hút 1.150 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 6,7% so với cùng kỳ, với tổng số vốn đăng ký đạt 9.037 tỷ đồng, giảm 14,8%; vốn bình quân một doanh nghiệp đạt 7,9 tỷ đồng, giảm 8,7% so cùng kỳ. Số doanh nghiệp quay trở lại thị trường là 350 doanh nghiệp, giảm 3,3% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, chi phí nguyên vật liệu đầu vào cao, nguồn tài chính không bảo đảm, sự cạnh tranh khốc liệt của hàng hóa trong và ngoài nước đã làm nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể. Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 630 doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động, tăng 18,6%; 90 doanh nghiệp giải thể, tăng 8,4% so với cùng kỳ.

Thị xã An Nhơn nằm ở phía Nam của tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 20 km về phía Tây bắc, với 244,49 km² diện tích tự nhiên³ và quy mô dân số 208.396 người⁴, mật độ dân số 852 người/km², trong đó người dân

³ Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

⁴ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, thị xã An Nhơn có quy mô dân số 208.396 người, trong đó: dân số thường trú là 207.615 người và dân số tạm trú quy đổi là 781 người.

sống tại đô thị chiếm 45,28% và sống ở vùng nông thôn chiếm 54,72%. Có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 05 phường và 10 xã.

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã An Nhơn trong việc tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phát huy mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; quốc phòng - an ninh được tăng cường, củng cố trên địa bàn có tốc độ phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ bậc nhất của tỉnh Bình Định trong thời gian qua.

Đến nay, thị xã An Nhơn nói chung và 06 xã trực thuộc nói riêng đã bảo đảm các điều kiện, đạt đủ các tiêu chuẩn thành lập phường và thành lập thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định xây dựng Đề án thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận 48-KL/TW ngày 30/01/2023 Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển thị xã An Nhơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Công văn số 262/UBTVQH14-PL ngày 17/4/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;

- Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

- Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;

- Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 219/QĐ-BXD ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã An Nhơn là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Định;

- Công văn số 6525/BNV-CQĐP ngày 20/12/2022 của Bộ Nội vụ về việc thành lập phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035;

- Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035;

- Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

- Quyết định số 4934/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị thị xã An Nhơn đến năm 2035.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã An Nhơn trong việc tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phát huy mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; quốc phòng - an ninh được tăng cường, củng cố trên địa bàn có tốc độ phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ bậc nhất của tỉnh Bình Định trong thời gian qua.

Các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An là 06 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, có địa hình bằng phẳng, điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp liền kề với các phường nội thị hiện hữu của thị xã An Nhơn, nên trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của thị xã An Nhơn, khu vực các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, kinh tế - xã hội đã có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Địa bàn các xã là nơi thu hút các dự án đầu tư phát triển kinh tế, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn,... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong quá trình phát triển đô thị, từng bước hình thành lõi sống đô thị, góp phần làm thay đổi mạnh mẽ diện mạo đô thị của thị xã An Nhơn nói chung và các xã nói riêng.

Nhằm cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Quốc gia, Vùng và các dự án có liên quan; tạo điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng yêu

cầu quản lý của chính quyền địa phương đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao, bảo đảm phát triển hài hòa và bền vững; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn, gắn kết chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tạo động lực thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng; tạo cơ sở pháp lý cho các thủ tục tiếp theo nâng cấp đô thị theo định hướng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tổ chức lập đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn và phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2024. Theo đó, khu vực nội thị của đô thị An Nhơn được mở rộng bao gồm 05 phường hiện hữu: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và 06 xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An; 04 xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân thuộc khu vực ngoại thị. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn đã từng bước lập và phê duyệt quy hoạch phân khu cho các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, đồng thời tiếp tục tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn các xã. Kết quả của quá trình đầu tư xây dựng, các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An đã bảo đảm đạt tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để thành lập phường thuộc thị xã An Nhơn theo quy định⁵.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thị xã An Nhơn nói chung và các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An nói riêng phát triển mọi mặt về kinh tế - xã hội đã làm gia tăng nhanh dân số cơ học (thu hút lượng lớn lao động từ các địa phương khác đến sinh sống và làm việc), phát sinh nhiều bất cập trong quản lý của chính quyền địa phương như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường,... mô hình quản lý của chính quyền nông thôn (xã) như hiện nay không còn phù hợp, đòi hỏi sự ra đời của một bộ máy chính quyền đô thị (phường) nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của địa phương.

Do đó, việc thành lập 06 phường: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An thuộc thị xã An Nhơn là thật sự cần thiết, phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh trên địa bàn các xã trong thời gian qua; tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, giải quyết các bất cập trong quản lý của chính quyền địa phương; phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; phù hợp với các định

⁵ Quyết định số .../QĐ-BXD ngày .../.../2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực 06 xã dự kiến thành lập phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; là nguyện vọng thiết tha của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị xã An Nhơn nói chung và các xã nói riêng. Đồng thời, ranh giới 06 phường dự kiến thành lập phù hợp với phạm vi rà soát, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Sự cần thiết thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định

- Về vị trí địa lý, vai trò:

Thị xã An Nhơn nằm ở phía Nam của tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 17 km về phía Tây Bắc, cách Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát khoảng 8 km về phía Nam, trong đó một phần diện tích Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát nằm trên địa bàn thị xã An Nhơn. Phía Đông giáp huyện Tuy Phước; phía Tây giáp huyện Tây Sơn; phía Nam giáp huyện Vân Canh và Tuy Phước; phía Bắc giáp huyện Phù Cát.

Thị xã An Nhơn có hệ thống giao thông phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại, bao gồm: đường bộ, đường sắt và đường hàng không, với Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn thị xã dài 14,1 km; tuyến tránh Quốc lộ 1 dài 8,5 km; Quốc lộ 19 qua địa bàn thị xã dài 14,3 km kết nối cảng biển quốc tế Quy Nhơn với các tỉnh thuộc khu vực vùng Bắc Tây Nguyên qua các cửa khẩu quốc tế Đức Cơ, Bờ Y và vùng biên giới 03 nước Việt Nam - Lào - Campuchia, là một trong những tuyến đường quan trọng trong hệ thống trục ngang ở miền Trung Việt Nam hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi liên kết Đông - Tây, thúc đẩy giao lưu kinh tế, hợp tác phát triển; Quốc lộ 19B đoạn qua thị xã dài 7,8 km, là tuyến kết nối đường ven biển - Quốc lộ 1 - sân bay Phù Cát - Quốc lộ 19; đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài dài 1,8 km, kết nối với thành phố Quy Nhơn về phía Đông Nam. Về đường sắt có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua dài 12 km và ga tránh Bình Định. Trong thời gian tới khi dự án đường cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định hoàn thành sẽ rút ngắn thời gian di chuyển từ Quảng Ngãi đến thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn xuống còn hơn 1 giờ, đồng thời phát huy hiệu quả khai thác của tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi và hầm Cù Mông. Dự án đường sắt có tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến Quy Nhơn - Pleiku, tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh, thuận tiện cho việc đi lại và giao thương hàng hóa từ thị xã An Nhơn đến các khu vực khác trong tỉnh, cả nước và quốc tế.

Với những lợi thế về vị trí địa lý trong tỉnh nói riêng và liên vùng nói chung, thị xã An Nhơn có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng vai trò quan trọng về phát triển công nghiệp, phát triển đô thị của tỉnh Bình Định. Là địa bàn cầu nối mở rộng hợp tác, liên kết không gian phát triển kinh tế và đô thị giữa thành phố Quy Nhơn, vùng phụ cận với hành lang kinh tế dọc Quốc lộ 19 và khu vực công nghiệp trọng điểm phía Nam Quốc lộ 19. Là địa để mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ trong khu vực tam giác phát triển An Nhơn - Quy Nhơn - Nhơn Hội, cân bằng mật độ tập trung công nghiệp, là địa

bàn để phát triển các cơ sở dịch vụ mới trong tình hình quỹ đất ở thành phố Quy Nhơn đang dần lấp đầy và quá tải. Thị xã An Nhơn được xác định thuộc Tiểu vùng số 01 trong 02 vùng không gian phát triển của tỉnh Bình Định, thuộc trục hành lang kinh tế Đông - Tây dọc tuyến Quốc lộ 19, là một trong các trung tâm động lực vùng quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, được định hướng là một trong các trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh Bình Định; đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận, được định hướng phát triển công nghiệp dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông vùng - quốc gia như Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Quốc lộ 19B; phát triển du lịch gắn với văn hóa, lịch sử Chăm-pa, Thành Hoàng Đế; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế.

- Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội:

Năm 2023, tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và tỉnh có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh có xu hướng phục hồi tích cực và đời sống người dân, thu nhập người lao động được cải thiện.

Trên địa bàn thị xã An Nhơn hiện có 01 khu công nghiệp (Nhơn Hòa), 10 cụm công nghiệp và 24 làng nghề, giải quyết việc làm cho khoảng hơn 30.000 lao động tại chỗ và khu vực lân cận. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành năm 2023 đạt 39.673,34 tỷ đồng, tăng 19,96% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 27.037,50 tỷ đồng, tăng 20,45%; thương mại - dịch vụ đạt 8.728,02 tỷ đồng, tăng 22,75%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 3.907,82 tỷ đồng, tăng 11,19% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023, kinh tế của thị xã An Nhơn tăng trưởng bình quân đạt 13,67%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó năm 2023, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 69,94%; thương mại - dịch vụ chiếm 21,97%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 8,09% trong cơ cấu kinh tế của thị xã An Nhơn. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.285,26 tỷ đồng, tổng chi ngân sách trên địa bàn đạt 2.113,46 tỷ đồng.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn thị xã giảm còn 1,43%; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được duy trì thường xuyên; công tác xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của

nhân dân trên địa bàn. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Về thực trạng phát triển đô thị:

Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định đến năm 2025, An Nhơn là đô thị loại III và trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Bình Định. Đến năm 2030, An Nhơn là 01 trong 21 đô thị và là 01 trong 02 đô thị loại III thuộc tỉnh Bình Định, với định hướng là đô thị phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Nam tỉnh Bình Định; là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quy Nhơn và ngược lại, có các chức năng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông đa năng.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ xác định mục tiêu: Phát huy lợi thế vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế biển, xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng. Nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á. Trong đó, thị xã An Nhơn được xác định thuộc Tiểu vùng số 01 trong 02 vùng không gian phát triển của tỉnh Bình Định, thuộc trục hành lang kinh tế Đông - Tây dọc tuyến Quốc lộ 19, là một trong các trung tâm động lực vùng quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, được định hướng là một trong các trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh Bình Định; phát triển công nghiệp dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông vùng - quốc gia; phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế. Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các định hướng quy hoạch của Trung ương, của Tỉnh xác định đến năm 2035, toàn tỉnh Bình Định có 18 đô thị, trong đó thị xã An Nhơn được định hướng là đô thị loại III và trở thành thành phố thuộc tỉnh trong năm 2025.

Với vị trí địa lý thuận lợi, sự ưu tiên tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các cấp chính quyền, An Nhơn đã có bước phát triển vượt bậc. Kết quả của việc tập trung đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chương trình phát triển đô thị, thị xã An Nhơn đã được công nhận là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Định tại Quyết định số 219/QĐ-BXD ngày 02/3/2021 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng. Trong đó, phạm vi đánh giá phân loại đô thị là toàn bộ địa giới đơn vị hành chính thị xã An Nhơn, khu vực nội thị bao gồm 05 phường: Nhơn Thành, Đập Đá, Nhơn Hưng, Bình Định, Nhơn Hòa và 10 xã ngoại thị: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân.

Nhằm cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Quốc gia, vùng và các dự án có liên quan; tạo điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao, bảo đảm phát triển hài hòa và bền vững; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn, gắn kết chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tạo động lực thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng; tạo cơ sở pháp lý cho các thủ tục tiếp theo nâng cấp đô thị theo định hướng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tổ chức lập đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn và phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2024. Theo đó, khu vực nội thị của đô thị An Nhơn được mở rộng bao gồm 05 phường hiện hữu: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và 06 xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An; 04 xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân thuộc khu vực ngoại thị. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn đã từng bước lập và phê duyệt quy hoạch phân khu cho các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, đồng thời tiếp tục tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn thị xã An Nhơn nói chung và các xã, phường trực thuộc nói riêng.

Xác định phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật là yếu tố rất quan trọng, thời gian qua thị xã An Nhơn đã huy động đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau để kịp thời đáp ứng tốc độ phát triển của thị xã hướng đến đô thị hiện đại, văn minh. Từ đầu năm 2020 đến nay, nhằm đầu tư đồng bộ các tiêu chí đô thị loại III cho khu vực nội thị mở rộng và hướng đến thành lập thành phố An Nhơn, thị xã đã huy động tổng hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai đầu tư có trọng điểm trên các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, văn hóa - thể thao - du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế, quốc phòng - an ninh; hạ tầng kỹ thuật dân cư, khu đô thị, chỉnh trang môi trường đô thị; phát triển thương mại, cấp nước, thoát nước,... trên địa bàn với tổng mức đầu tư các công trình được phê duyệt hơn 5.713 tỷ đồng, bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng, tiềm năng thế mạnh của địa phương được khai thác hiệu quả, cơ sở hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, giao thông - giao thương đi lại ngày một thuận tiện, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc, đời sống người dân ngày được nâng cao. Thị xã đã triển khai thi công các công trình giao thông trọng điểm để phát triển hạ tầng khung và kết nối giao thông trên địa bàn thị xã với tổng chiều dài 40,683 km, hệ thống hạ tầng khung giao thông bảo đảm đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời thị xã đã phối hợp với các sở ngành và 02 Nghiệp đoàn Pháp (Nghiệp đoàn Hỗn hợp sản xuất nước sạch Fensch - Lorraine và Nghiệp đoàn nước sạch và Vệ sinh môi trường Fontoy - Thung lũng sông Fensch) đang triển khai dự án “*Nghiên cứu khảo sát hệ thống thu gom xử lý nước thải, xây dựng Kế hoạch thực hiện các dự án ưu tiên và tìm kiếm nguồn tài trợ cho dự án tại đô thị An Nhơn tầm nhìn đến năm 2040*”. Ngoài ra, hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã lập đề xuất dự án “*Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định*”.

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn thị xã diễn ra nhanh chóng đã mang đến những công năng đô thị mới đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong cuộc sống hiện đại của người dân trên địa bàn và đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn của một thành phố năng động trong tương lai. Sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện đó đã tạo động lực thúc đẩy cho sự phát triển của tỉnh Bình Định nói riêng và các tỉnh lân cận trong vùng duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên nói chung. Kết quả của quá trình đầu tư, xây dựng của tỉnh Bình Định nói chung và thị xã An Nhơn nói riêng trên địa bàn thị xã trong thời gian qua, thị xã An Nhơn (dự kiến mở rộng khu vực nội thị gồm 05 phường hiện hữu và mở rộng thêm 06 xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An; khu vực ngoại thị gồm 04 xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân) đã bảo đảm đạt tiêu chí đô thị loại III theo quy định. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định hiện đang tiếp tục huy động các nguồn lực, tập trung đầu tư trọng điểm vào các tiêu chuẩn đô thị loại III mà thị xã còn chưa đạt, đồng thời nâng chất các tiêu chuẩn khác, bảo đảm khắc phục toàn bộ các tiêu chuẩn còn chưa đạt trước năm 2030 và hướng đến đô thị loại II trực thuộc tỉnh trong giai đoạn sau năm 2030.

Cùng với sự phát triển rất nhanh về kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa cao và sự phát triển, lấp đầy của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thị xã đã kéo theo lực lượng lao động từ các địa phương khác tới làm việc và sinh sống, làm tăng áp lực cho hệ thống cơ sở hạ tầng như: nhà ở, giao thông, y tế,... đồng thời tạo ra những khó khăn, áp lực nhất định trong công tác quản lý hành chính, trật tự an toàn xã hội, trật tự xây dựng, quy hoạch, kiến trúc, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, điện, nhà ở xã hội, quản lý về kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và các thiết chế xã hội,... đối với bộ máy quản lý hành chính Nhà nước được tổ chức theo mô hình hiện nay. Từ thực tế đó, việc thành lập thành phố An Nhơn là thật sự cần thiết, nhằm tổ chức bộ máy chính quyền phù hợp để quản lý, giải quyết những bất cập do sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa cao trên địa bàn như hiện nay.

Việc thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định là phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của thị xã trong thời gian qua, tạo cơ sở

pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, tạo tiền đề cho thị xã An Nhơn hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước. Bên cạnh đó, việc thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị xã An Nhơn là phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 và các định hướng quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc thành lập thành phố An Nhơn không làm mất đi vị thế chiến lược của thị xã mà còn tăng cường, củng cố hơn nữa cho An Nhơn trong thế trận phòng thủ, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đô thị. Đây cũng là cơ hội thuận lợi giúp đẩy mạnh và phát huy mạnh mẽ hơn nữa những lợi thế, tiềm năng sẵn có để An Nhơn bứt phá vươn lên, phát triển bền vững, vì mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân trên địa bàn; bảo đảm chất lượng đô thị theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đáp ứng nguyện vọng thiết tha của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Định nói chung và thị xã An Nhơn nói riêng.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ THỊ XÃ AN NHƠN

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ NHƠN LỘC

1. Lịch sử hình thành

Do hoàn cảnh và điều kiện lịch sử khác nhau nên nguồn gốc cư dân ở Nhon Lộc tự cư về cũng không giống nhau. Có thể khái quát nguồn gốc dân cư ở Nhon Lộc là dân tộc Chăm, Hoa và Kinh (gắn liền với công cuộc di dân của đông đảo người Việt từ miền Bắc di cư vào khai khẩn lập làng từ thế kỷ thứ XVII).

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lý An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhon Hưng, đến năm 1852 phủ lý dời về thôn An Thái, xã Nhon Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhon Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhon Nghĩa thành Nhon Nghĩa Thượng và Nhon Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lý An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay. Xã Nhon Lộc lúc bấy giờ là thôn Nhon Lộc thuộc tổng Nhon Nghĩa Thượng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi huyện An Nhơn thành quận An Nhơn với 13 đơn vị hành chính, trong đó có xã Nhon Lộc.

Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Ngày 24/3/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 127-CP về việc điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Theo đó, thành lập xã Nhon Tân trên cơ sở một phần của xã Nhon Thọ và xã Nhon Lộc.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhon Lộc là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn Lộc với 06 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Nhơn Lộc là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã nằm ở phía Tây của thị xã An Nhơn, cách trung tâm hành chính thị xã khoảng 9 km về phía Tây Nam. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp phường Nhơn Hòa;
- Phía Tây giáp huyện Tây Sơn;
- Phía Nam giáp xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân;
- Phía Bắc giáp xã Nhơn Phúc và xã Nhơn Khánh.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả Thống kê đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có 12,27 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 8,33 km², chiếm tỷ lệ 67,89%;
- Đất phi nông nghiệp là 3,16 km², chiếm tỷ lệ 25,75%;
- Đất chưa sử dụng là 0,78 km², chiếm tỷ lệ 6,36%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có quy mô dân số 10.388 người, trong đó: dân số thường trú là 10.368 người và dân số tạm trú quy đổi là 20 người.

Hiện nay, trên địa bàn xã Nhơn Lộc, dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm xã, dọc theo các trục đường chính như ĐT.638, đường An Thành 1. Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn Lộc là 7.336 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.133 người, chiếm 15,44%;
- Lao động phi nông nghiệp là 6.203 người, chiếm 84,56%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã An Nhơn lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và chịu

ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19 năm 2021, nhưng nhờ sự chỉ đạo thường xuyên, sát sao của các cấp từ trung ương đến cơ sở, dưới sự quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã An Nhơn nói chung và xã Nhơn Lộc nói riêng, kinh tế xã tiếp tục phát triển ổn định và vượt mục tiêu đề ra. Trong đó, xã chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phát triển đa dạng các ngành nghề thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh, tăng quy mô cả về số lượng và chất lượng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã đạt 655,10 tỷ đồng, tăng 17,76% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 343,30 tỷ đồng, tăng 18,99%; thương mại - dịch vụ đạt 199,80 tỷ đồng, tăng 25,74%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 112,00 tỷ đồng, tăng 2,85% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023 kinh tế của xã Nhơn Lộc tăng trưởng bình quân đạt 15,41% (trong đó, năm 2021 đạt 10,81% và năm 2022 đạt 17,66%, năm 2023 đạt 17,78%). Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 52,44%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 30,50% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 17,06% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2023 đạt 80,25 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 80,24 tỷ đồng.

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Trong những năm qua, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục có những chuyển biến mới cả về số lượng và chất lượng, các loại hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã ngày càng phong phú, đa dạng. Một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp như: mua bán sửa chữa điện lạnh, cửa hàng sắt nhôm, sửa chữa máy cày, may gia công, các cửa hàng xăng dầu,... hoạt động khá tốt và hiệu quả. Đặc biệt trên địa bàn xã có 02 làng nghề truyền thống là Rượu Bầu Đá và Bánh Tráng Trường Cửu luôn được quan tâm, khuyến khích phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước. Xã đã khuyến khích các cơ sở sản xuất tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP cấp thị xã năm 2022. Kết quả có 3 sản phẩm đạt điểm 4 sao (cơ sở Rượu Bầu Đá Hoa Thương), 13 sản phẩm Rượu của 12 cơ sở xuất rượu Bầu Đá đạt 3 sao, 01 sản phẩm Bánh Tráng Trường Cửu đạt 03 sao. Có 02 sản phẩm của cơ sở bánh tráng Trường Cửu (Bùi Tấn Chung) và rượu Bầu Đá Hoa Thương được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Bình Định năm 2022. Khuyến khích các hộ làng nghề bánh tráng Trường Cửu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, có 10 hộ trang bị máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất bánh tráng. Tính đến cuối năm 2023, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng theo giá hiện hành của xã đạt 343,30 tỷ đồng, tăng 18,99% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 52,44% trong cơ cấu kinh tế, góp phần quan

trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân trên địa bàn.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã Nhơn Lộc hiện có 02 công trình thương mại - dịch vụ là chợ Trường Cửu và chợ Nhơn Lộc, với diện tích từ 442 - 5.312 m², bảo đảm đáp ứng nhu cầu buôn bán, giao thương của người dân trong khu vực. Để thúc đẩy thương mại, dịch vụ phát triển, xã đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, tạo thuận lợi cho giao thương hàng hóa; khuyến khích các hộ có nhà mặt đường mở rộng sản xuất, kinh doanh đa dạng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu mua sắm phục vụ sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân trong và ngoài địa bàn; tăng cường bảo đảm công tác an ninh trật tự cho người dân yên tâm đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh. Tiếp tục phát triển làng nghề truyền thống rượu Bầu Đá và khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể, đặc biệt là các hộ kinh doanh làng nghề truyền thống rượu Bầu Đá và làng nghề bánh tráng Trường Cửu phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng tích hợp đa chiều nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Năm 2023, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ theo giá hiện hành của xã đạt 199,80 tỷ đồng, tăng 25,74% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 30,50% trong cơ cấu kinh tế của xã.

c) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Cùng với sự phát triển vượt bậc của ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trên địa bàn thị xã An Nhơn nói chung và xã Nhơn Lộc nói riêng, ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn giữ vai trò hết sức quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã. Năm 2023, giá trị sản xuất ngành nông - lâm - ngư nghiệp theo giá hiện hành đạt 112,00 tỷ đồng, tăng 5,19% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 17,06% trong cơ cấu kinh tế của xã.

- Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng năm 2023 đạt 1.482,7 ha, giảm 19,9 ha so với năm 2022. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 8.760 tấn, đạt 105% kế hoạch năm, giảm 95,8 tấn so với năm 2022. Đặc biệt, xã đã tập trung chỉ đạo HTX nông nghiệp liên kết với các công ty giống, bố trí 04 cánh đồng mẫu lớn và 03 cánh đồng lớn liên kết chuỗi sản xuất, tiêu thụ lúa giống với 1.713 hộ tham gia trên diện tích 496,3 ha lúa giống.

- Về chăn nuôi: Xã chú trọng tập trung phát triển tái đàn chăn nuôi. Đến nay, trên địa bàn xã tổng đàn trâu, bò có 3.078 con; tổng đàn lợn có 5.346 con; tổng đàn gia cầm có 60.267 con, tăng 12.000 con so với cùng kỳ năm trước.

- Về lâm nghiệp: Nông dân đã trồng mới và chăm sóc 2,8 ha diện tích rừng, trồng phân tán và đã khai thác gỗ với số tiền trên 450 triệu đồng.

- Về ngư nghiệp: Đầu tư nuôi cá lồng bè trên sông Côn và hồ với sản lượng trên 45 tấn. Ngoài ra, còn nhân ương cá giống đã xuất bán cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh với số lượng hơn 13 tấn/năm.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Công tác xã hội hóa giáo dục được xã quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Trên địa bàn xã Nhơn Lộc hiện có 01 trường mầm non; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS tại thôn Tân Lập. Các trường đã hoàn thành chương trình năm học 2022 - 2023 và các tổ chức hoạt động hè bảo đảm theo yêu cầu, cụ thể: Trường Mầm non đã tổ chức điều tra, rà soát trẻ trong độ tuổi đi học để vận động trẻ đến lớp đúng độ tuổi đạt 100%. Trường Tiểu học: Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học và đủ điều kiện vào lớp 6 đạt tỷ lệ 100%. Trường Trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp đạt 100%; trường có 15 em đạt học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thị xã và 01 em đạt học sinh giỏi cấp tỉnh. Các trường đã chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất và xây dựng chương trình, kế hoạch bảo đảm thực hiện tốt công tác dạy - học cho năm học 2023 - 2024, với tổng số học sinh: Trường Mầm non 340 học sinh chia làm 13 nhóm lớp; Trường Tiểu học 686 học sinh chia 23 lớp; Trường THCS có 537 học sinh được chia 15 lớp. Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Về cơ sở vật chất Trường Mầm Non và trường THCS đạt chuẩn mức độ 1, Trường Tiểu học đạt tiêu chuẩn mức độ 2.

Công tác xã hội hóa giáo dục và khuyến học, khuyến tài được quan tâm, chú trọng; đã Tuyên dương, khen thưởng cho giáo viên và học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong năm học 2022 - 2023 với tổng số tiền khen thưởng trên 25 triệu đồng (từ nguồn xã hội hóa). Trung tâm học tập cộng đồng của xã được duy trì phát triển và tổ chức hoạt động khá tốt, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và góp phần phát triển cộng đồng bền vững.

b) Y tế và kế hoạch hóa gia đình

Công tác y tế trên địa bàn xã được bảo đảm; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh hiệu quả cho nhân dân trên địa bàn. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế năm 2023 sớm được triển khai thực hiện trên địa bàn xã. Công tác phòng, chống các loại dịch bệnh và bệnh xã hội đạt hiệu quả. Năm 2023, trên địa bàn xã có 22 trường hợp sốt xuất huyết, 3 ổ dịch sốt xuất huyết tại thôn An Thành và Đông Lâm đã được xử lý; 02 trường hợp bệnh tay chân miệng ở tại thôn Đông Lâm được điều trị không lây lan ra xung quanh. Công tác tuyên truyền phòng chống dịch được thực hiện thường xuyên.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, nhất là sức khỏe bà mẹ và trẻ em; đã tổ chức tiêm chủng thường xuyên hàng tháng cho trẻ em đạt tỷ lệ 98,7%; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm tỷ lệ 6,6%, giảm 0,1% so với năm 2022. Công tác truyền thông dân số lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - KHHGD được quan tâm. Trong năm có 112 trẻ sinh ra, trong đó có 12 trường hợp sinh con thứ 3, chiếm tỷ lệ 10,7%, giảm 1,3% so với năm 2022. Mức sinh thay thế trong năm 9,5%. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98%; tỷ lệ người dân tham gia BHXH tự nguyện đạt 110,5% chỉ tiêu giao. Trên địa bàn xã Nhơn Lộc hiện nay có 01 trạm y tế với diện tích 4.700 m², bảo đảm đáp ứng nhu cầu phục vụ khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã. Năm 2023, tổng số lượt người đến khám tại Trạm Y tế xã là 2.096 lượt, tiền thuốc cấp phát bảo hiểm y tế ước tính trên 53 triệu đồng. Tiếp tục giữ vững danh hiệu xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của thị xã về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, bảo đảm tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2023, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt; công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống các tệ nạn xã hội được duy trì thường xuyên, có hiệu quả. Tổ chức tốt các hoạt động “Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão năm 2023”; thực hiện treo cờ, băng rôn tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023); ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023); ngày Quốc tế Lao động (01/5); kỷ niệm 133 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023); kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023); kỷ niệm 78 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023);...

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao và tuyên truyền được chú trọng. Cơ sở vật chất của Đài truyền thanh từng bước được đầu tư, trang bị mới, đáp ứng nhu cầu nghe đài của người dân, đến nay đã thực hiện chuyển đổi sang ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông (còn gọi là Đài truyền thanh thông minh) được 51 cụm, với 123 loa. Thực hiện tốt việc tiếp phát sóng đài 3 cấp và phát huy có hiệu quả tuyên truyền về công tác tuyển quân, phòng chống dịch sốt

xuất huyết, phòng chống dịch Covid-19, tuyên truyền những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương.

Hoạt động thể dục, thể thao đáp ứng tốt yêu cầu đề ra. Trong năm, xã đã tổ chức Giải bóng đá 07 người cho 06 thôn tham gia từ 15/01 đến 18/01/2023 (24 đến 27 tháng Chạp); tổ chức thi đấu bóng chuyền 03 đội Công đoàn xã, cán bộ dân chính 6 thôn và Doanh nghiệp trên địa bàn xã vào Mùng 4 Tết; xây dựng kế hoạch tham gia các giải thể thao như: cờ Vua, cờ Tướng, Việt Dã, bóng chuyền Nữ, bóng chuyền Nam, bóng đá Nam, các môn điền kinh trong khuôn khổ Đại hội Thể dục thể thao thị xã và đạt nhiều giải thưởng cao.

Các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được duy trì và ngày càng đi vào chiều sâu. Năm 2023 toàn xã có 2.320 hộ đạt gia đình văn hóa, tỷ lệ 98,01% so tổng số hộ gia đình. Xã đã tuyên dương, khen thưởng cho 30 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong xây dựng gia đình văn hóa. Có 06/06 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa và 06/06 thôn đạt thôn văn hóa, trong đó có 02 thôn 10 năm liền đạt thôn văn hóa (thôn Tân Lập và Tráng Long).

Sân vận động của xã nằm trên trục ĐT.638 và các trục giao thông chính kết nối đi các thôn lân cận, với diện tích 1,38 ha bảo đảm đáp ứng diễn ra các hội thao của xã. Ngoài ra còn có 05 sân thể thao của 05 thôn. Trong năm 2020, đã thực hiện dự án đầu tư nâng cấp sân vận động xã, hạng mục Đường Pít, khán đài và xây dựng hàng rào.

d) Chính sách an sinh xã hội

Công tác bảo đảm an sinh xã hội và các chính sách xã hội thực hiện khá tốt. Giải quyết kịp thời các chế độ trợ cấp cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng xã hội khác. Tổ chức họp mặt thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng, gia đình chính sách trên địa bàn xã dịp tết Nguyên Đán; kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7. Tổ chức tu sửa, quét vôi lại nghĩa trang liệt sĩ xã, sửa chữa và xây dựng lại 02 nhà ở cho đối tượng chính sách, đến nay, đã có 01 nhà sửa chữa và 01 nhà xây mới xong đã nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí. Tổ chức Lễ truy điệu 01 liệt sỹ di chuyển hài cốt từ thôn Tráng Long về nghĩa trang liệt sỹ xã.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã Nhơn Lộc hiện có 01 Trường Mầm non; 01 Trường Tiểu học và 01 Trường Trung học cơ sở Nhơn Lộc tại thôn Tân Lập, với tổng diện tích 42.463,17 m², đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của nhân dân trên địa bàn.

b) Y tế

Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế với diện tích 4.700 m², thuộc vị trí trung tâm của khu vực lập quy hoạch bảo đảm bán kính phục vụ cho các khu vực lân cận, đáp ứng nhu cầu phục vụ khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã.

c) Văn hóa - thể thao

- Nhà văn hóa xã Nhơn Lộc nằm trên trục ĐT.638 với diện tích 0,32 ha, thuộc vị trí trung tâm của khu vực lập quy hoạch bảo đảm bán kính phục vụ cho các khu vực lân cận. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 06 nhà văn hóa của 06 thôn.

- Sân vận động xã nằm trên trục ĐT.638 và các trục giao thông chính kết nối đi các thôn lân cận, với diện tích 1,38 ha bảo đảm đáp ứng diễn ra các hội thao của xã. Ngoài ra, xã còn có 05 sân thể thao của 05 thôn. Trong năm 2020, đã thực hiện dự án đầu tư nâng cấp sân vận động xã, hạng mục đường pít, khán đài và xây dựng hàng rào.

- Làng nghề đan tre Đông Lâm: khi bánh tráng chuyên mình từ sản xuất thủ công sang áp dụng máy móc hiện đại, nhu cầu vì phối bánh tráng tăng lên nhiều lần. Nằm gần những làng nghề sản xuất bánh tráng, làng nghề truyền thống đan tre Đông Lâm thuộc xã Nhơn Lộc cũng chuyển mình từ đan rổ rá hấp cá sang đan vì phối bánh tráng. Nhờ vậy, người dân ở thôn Đông Lâm có việc làm quanh năm từ nghề của cha ông truyền lại. Không chỉ Đông Lâm, nghề đan còn lan sang các thôn khác. Toàn xã, có hơn 100 hộ làm nghề đan vì phối bánh tráng.

- Làng nghề bánh tráng Trường Cửu: Bánh tráng Trường Cửu có chất lượng ổn định, mẫu mã đẹp, bắt mắt, giá cả hợp lý. Thời gian làm bánh cao điểm là từ Tháng Tám đến Tháng Chạp âm lịch để chuẩn bị bán Tết. Trường Cửu vào những ngày này nhộn nhịp như hội, nhà nhà làm bánh, người người làm bánh. Các hộ trong làng thức cả ngày lẫn đêm, để pha bột, tráng bánh, phối bánh.

- Làng rượu Bàu Đá: Làng nghề truyền thống rượu Bàu Đá thuộc thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn khoảng 30 km về hướng Tây Bắc.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã Nhơn Lộc hiện có 02 công trình thương mại - dịch vụ là chợ Trường Cửu và chợ Nhơn Lộc, với diện tích từ 442 - 5.312 m², bảo đảm đáp ứng nhu cầu buôn bán, giao thương của người dân trong khu vực.

đ) Nhà ở

Tính đến 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Lộc có 2.575 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 29,77 m²/người.

Kiến trúc nhà ở chủ yếu là chủ yếu là dạng nhà phố, xây dựng kiên cố ở khu vực trung tâm xã và dọc theo trục ĐT.638, tầng cao trung bình 2 - 3 tầng. Loại hình nhà ở chủ yếu là nhà ống kiểu truyền thống (là loại nhà phố, liền kề bám mặt đường để thuận lợi trong lưu thông và kinh doanh) và nhà vườn biệt lập nằm bên trong hoặc gần khu sản xuất nông nghiệp.

Khu vực nhà ở mang hình thái làng xóm cũ gắn với canh tác nông nghiệp và các làng nghề truyền thống của xã tập trung ở khu vực phía Bắc. Đa phần nhà gắn liền với trồng trọt nên nhà ở tự phát khá nhiều, nhiều khu vực chưa được phân bố ở hợp lý gây khó khăn cho việc quy hoạch phát triển khu vực.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Xã Nhơn Lộc đã đẩy mạnh chỉnh trang, phát triển hạ tầng giao thông và khu dân cư đồng bộ theo hướng đô thị. Đã nâng cấp và mở rộng 28 tuyến đường với chiều dài 18,3 km theo chuẩn đường đô thị, các tuyến đường xóm và ngõ xóm đều được bê tông xi măng đạt 100%, đường nội đồng bê tông và cứng hóa đạt 100%.

- Giao thông đối ngoại:

Đường ĐT.638: là trục giao thông Bắc Nam rất quan trọng. Đoạn qua khu đô thị dài 2,2 km, mặt BTN rộng 5,5 - 6 m, nền rộng 7,5 - 9 m. Đạt chuẩn cấp IV đồng bằng.

- Giao thông nội thị:

Mạng lưới giao thông nội thị chủ yếu gồm các tuyến đường bê tông xi măng hoặc láng nhựa, nối đến các công trình hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, tôn giáo,... và các khu dân cư dọc theo hai bên đường ĐT.638. Có mặt đường rộng từ 3,5 m đến 5 m.

Còn lại là các tuyến giao thông nông thôn, giao thông nội đồng có kết cấu bê tông xi măng hoặc cấp phối, nền đường rộng từ 3,5 m đến 5 m, dẫn đến các khu nhà ở, khu sản xuất, đồng ruộng,... trên địa bàn xã. Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người đạt 20,50 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Trên địa bàn xã Nhơn Lộc sử dụng nguồn điện được cấp nguồn từ lưới điện Quốc gia qua trạm biến áp 110/22 kV Nhơn Tân có công suất 2x25 MVA và trạm 110/35/22 kV An Nhơn có công suất 2x25 MVA. Lưới trung thế có cấp điện áp 22 kV, điện áp 22 kV ở dạng hình tia, các nhánh ra tuyến trung thế được bảo vệ bằng máy cắt, các nhánh rẽ được bảo vệ bằng FCO, trụ điện là loại bê tông ly tâm

cao 12 m. Các trạm phân phối 22/0.4kV trong khu quy hoạch hầu hết là loại trạm đặt ngoài trời nên không bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

Xã đã hoàn thành dự án Đèn hoa trang trí, đèn chiếu sáng, Pano, trụ treo bằng rôn trước UBND xã, trước HTX I và cụm panô ngã ba Tráng Long (Gò Lao); di dời hệ thống điện trung hạ áp của cổng chào xã Nhơn Lộc. Hoàn thành các dự án: Đầu tư lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Tuyến từ nhà ông Nguyễn Huỳnh Nguyên đến ngã 3 nhà ông Đào Văn Đường; Hệ thống điện chiếu sáng đoạn giáp đường ĐT.638 (Từ nhà thuốc Thanh Xuân) đến đường ĐH.39 (Nhà ông Bùi Tấn Hưng) và Đầu tư lắp đặt màn hình Led Hội trường UBND xã.

Các tuyến đường trục chính trên địa bàn xã đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng giao thông đô thị, xã Nhơn Lộc tiếp tục đầu tư lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, phân đấu toàn xã được cấp điện chiếu sáng giao thông trong thời gian tới. Tỷ lệ đường phố chính trên địa bàn đạt 100%.

c) Cấp nước

Hiện nay trên địa bàn xã đã có hệ thống cấp nước tập trung từ nguồn trạm cấp nước Nhơn Tân có công suất 720 m³/ngày.đêm. Mạng lưới cấp nước hiện trạng chủ yếu tập trung dọc theo đường ĐT.639B với đường kính D65 - 50. Đối với khu vực dân cư phân tán trong xã, các hộ dân hiện đang sử dụng nguồn nước ngầm khai thác tại chỗ. Tỷ lệ người dân trên địa bàn được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Hệ thống thoát nước đang là hệ thống thoát chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân chảy chung với nước mưa ra các ao, bầu, kênh, mương trong khu vực. Tuy nhiên, hầu hết các hộ dân trong xã đã xây dựng công trình vệ sinh tự hoại, do đó vấn đề ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt gây ra là không đáng kể. Trong giai đoạn 2021 - 2023, xã Nhơn Lộc đã đầu tư và hoàn thành xây dựng các tuyến kênh mương thoát nước giải quyết được các vấn đề về thoát nước, ngập úng. Mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn xã đạt 12,42 km/km².

đ) Chất thải rắn

Hiện nay, xã đã tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt, tuy nhiên chỉ thu gom chủ yếu tại các đường trục chính. Với các khu vực khác, tình trạng người dân chất đống và đốt rác vẫn còn xảy ra, gây tác động tiêu cực đến môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 89,16%.

e) Cảnh quan

Cảnh quan khu vực lập quy hoạch trên địa bàn xã gồm 3 phân vùng chính:

- Khu vực nhà ở mật độ cao dọc các tuyến giao thông chính;
- Khu nhà ở gắn với sản xuất nông nghiệp hộ gia đình;

- Khu vực cảnh quan nông nghiệp.

Địa bàn xã là khu vực đô thị hóa gắn với các khu vực đất nông nghiệp (trồng cây lúa, cây lâu năm), địa hình bằng phẳng. Cảnh quan khu vực chưa được chú trọng khai thác, đa phần là cây mọc tự nhiên, người dân tự ý trồng trọt và nhiều bãi đất trống bỏ hoang nhiều năm nên cảnh quan khu vực chưa được thống nhất. Khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường không khí, bụi, tiếng ồn,...

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Duy trì công tác trực bảo vệ cơ quan, trực sẵn sàng chiến đấu. Phối hợp tuần tra kiểm soát địa bàn trong dịp lễ, tết và đặc biệt là xây dựng các kế hoạch, phương án bố trí, củng cố kiện toàn lực lượng dân quân tham gia trực ban, trực chiến, trực sẵn sàng chiến đấu luyện tập và các phương án bảo đảm theo các kế hoạch. Thực hiện tốt công tác giao quân năm 2023, đạt 100% vượt chỉ tiêu về số lượng cũng như chất lượng chính trị, sức khỏe, văn hóa... Đăng ký độ tuổi 17 (sinh năm 2006) đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức chốt thực lực, khám sức khỏe sơ tuyển cho 474 thanh niên chuẩn bị cho công tác tuyển quân năm 2024. Luyện tập Trung đội DQCD tham gia tổng duyệt hội thao do thị xã tổ chức. Mở lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN cho đối tượng 4 do xã quản lý có 59/65 đồng chí tham gia. Đề cử 02 đồng chí đoàn viên ưu tú đi học lớp đối tượng đảng, đến nay tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 32,6%, đoàn viên đạt 63,9%.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Các tín đồ giáo dân tôn giáo đã chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định tại địa phương “sống tốt đời, đẹp đạo”, chưa có phát hiện hoạt động lợi dụng xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Về an ninh nông thôn tình trạng lấn chiếm đất đai, xây nhà không phép, ô nhiễm môi trường, mâu thuẫn trong nhân dân về tranh chấp đất đai vẫn còn xảy ra, nên tiềm ẩn nguy cơ phát sinh vấn đề liên quan an ninh trật tự.

Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội xảy ra 01 vụ (không tăng không giảm so với cùng kỳ). Vi phạm hành chính về an ninh trật tự xảy ra 02 vụ, 02 đối tượng (so với cùng kỳ năm trước tăng 01 vụ, giảm 01 đối tượng). Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã tương đối ổn định, tội phạm và vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn chủ yếu do mâu thuẫn cá nhân. Vi phạm hành chính trên lĩnh vực ma túy xảy ra 04 vụ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, xử phạt đúng pháp luật. Va chạm giao thông xảy ra 05 vụ, làm chết 01 người, bị thương 07. Tai nạn lao động, đuối nước, cháy nổ không xảy ra. Xã đã tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc kết hợp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023 trên địa bàn 04 thôn (Tân lập, Đông Lâm, Cù Lâm, An Thành), đạt tỷ lệ 94,37%. Phối hợp Đài Truyền thanh tuyên truyền về các thủ đoạn “Trộm cắp tài sản” để nhân dân phòng, ngừa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn xã.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 15 người, chiếm 57,69%; cao đẳng là 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp là 03 người, chiếm 11,54%; trình độ khác là 07 người, chiếm 26,92%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 7,69%; trung cấp là 12 người, chiếm 46,16%; sơ cấp là 05 người, chiếm 19,23%; chưa qua đào tạo là 07 người, chiếm 26,92%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 19 người: cán bộ 11 người, công chức 08 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 18 người, chiếm 94,74%; trung cấp là 01 người, chiếm 5,26%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 10,53%; trung cấp là 14 người, chiếm 73,68%; chưa qua đào tạo là 03 người 15,79%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 06 thôn là 12 người.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ NHƠN AN

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay. Xã Nhơn An lúc bấy giờ là thôn Nhơn An thuộc tổng Nhơn Nghĩa Thượng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi huyện An Nhơn thành quận An Nhơn với 13 đơn vị hành chính, trong đó có xã Nhơn Lộc. Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa

Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhơn An là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn An với 06 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Nhơn An là xã đồng bằng nằm ở phía Đông Bắc của thị xã An Nhơn. Địa bàn xã có đường Quốc lộ 1 và đường tỉnh ĐT.636A đi qua, cách trung tâm hành chính thị xã khoảng 5 km về phía Đông Bắc. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Nhơn Hạnh và huyện Tuy Phước;
- Phía Tây giáp phường Đập Đá;
- Phía Nam giáp phường Nhơn Hưng và huyện Tuy Phước;
- Phía Bắc giáp phường Nhơn Thành và xã Nhơn Phong.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn An có 8,92 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 6,56 km², chiếm tỷ lệ 73,54%;
- Đất phi nông nghiệp là 2,27 km², chiếm tỷ lệ 25,45%;
- Đất chưa sử dụng là 0,09 km², chiếm tỷ lệ 1,01%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn An có 11.663 người, trong đó: dân số thường trú là 11.637 người và dân số tạm trú quy đổi là 26 người.

Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh. Dân cư chủ yếu tập trung tại trung tâm xã và dọc các tuyến đường chính đi qua địa bàn là Quốc lộ 1 và đường tỉnh ĐT.636A.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn An là 7.429 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.330 người, chiếm 17,90%;
- Lao động phi nông nghiệp là 6.099 người, chiếm 82,10%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2023, tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn gặp nhiều khó khăn do kinh tế chưa hoàn toàn khôi phục sau đại dịch Covid-19 năm 2021. Kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, giá cả hàng nông sản giảm, chăn nuôi không ổn định, giá một số các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng cao (đặc biệt là xăng dầu và thực phẩm) đã ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của nhân dân và kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên với quyết tâm cao, xã đã tập trung thực hiện đồng bộ tất cả các giải pháp nhằm hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và dự toán ngân sách nhà nước được giao.

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã Nhon An đạt 493,00 tỷ đồng, tăng 17,69% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 71,72 tỷ đồng, tăng 24,19%; thương mại - dịch vụ đạt 212,94 tỷ đồng, tăng 18,43%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 208,34 tỷ đồng, tăng 14,88% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023 kinh tế của xã Nhon An tăng trưởng bình quân đạt 10,80% (trong đó, năm 2021 đạt 8,88% và năm 2022 đạt 11,42%, năm 2023 đạt 12,11%). Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 10,36%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 53,62% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 36,02% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 48,64 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 48,64 tỷ đồng.

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ

Hoạt động tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ của xã tiếp tục phát triển. Trên địa bàn xã hiện có trên 712 hộ kinh doanh cá thể, thương mại dịch vụ và 09 hộ sản xuất kinh doanh ngành tiểu thủ công nghiệp. Các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn xã tiếp tục phát triển và hoạt động ổn định, hiệu quả, lượng hàng hóa bảo đảm phục vụ nhân dân như: tráng bánh tráng, nấu rượu, sản xuất đậu khuôn,... Hoạt động mua bán tiếp tục được khuyến khích mở rộng tại khu vực 02 chợ như: chợ Rượu - Thuận Thái có diện tích 1.340 m² và chợ Phú Đa - Tân Dân có diện tích 11.480 m². Nhìn chung hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển khá, các loại mặt hàng buôn bán phong phú và đa dạng, chất lượng bảo đảm, đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng và giao thương của nhân dân trên địa bàn xã.

b) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

- Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng đạt 1.047,5 ha, giảm 10,3 ha so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cây lúa 945,18 ha, giảm 13,3 ha; đậu phụng 0,5 ha; rau các loại 20,86 ha; cỏ chăn nuôi 04 ha; dưa hấu 21 ha, tăng 1 ha; cây mai 53,96 ha, tăng 0,5 ha và nấm rom 02 ha, tăng 02 ha. Xã chú trọng tập trung đẩy mạnh các

chương trình khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, góp phần quan trọng nâng cao năng suất cây trồng và thu nhập của người nông dân.

- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia cầm hiện có của xã là 13.650 con, trong đó: đàn gà 11.600 con, đàn vịt 2.050 con; tổng đàn gia súc 1.977 con, trong đó: đàn bò 577 con, đàn trâu 50 con, đàn heo 1.350 con. Theo dõi tình hình dịch tả lợn Châu Phi, bệnh lở mồm long móng ở gia súc, tai xanh ở đàn heo, bệnh dại trên vật nuôi và cúm gia cầm. Triển khai công tác tiêm phòng vacxin bảo đảm đàn vật nuôi, gia súc, gia cầm phát triển tốt.

- Về công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp: Xã chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tổ chức Đại hội thường niên để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, triển khai sản xuất kinh doanh năm 2023. Tiếp tục thu nợ thủy lợi phí và các khoản thu khác tồn đọng trong nhân dân 2,05 tỷ đồng/3,79 tỷ đồng (đạt 54,1%) bảo đảm chi hoạt động của hợp tác xã. Tổng doanh thu trong năm 2023 là 6,06 tỷ đồng (chủ yếu là doanh thu lúa giống thu mua trong xã viên khoảng 530 tấn và bán cho công ty). Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp trong năm 2023 đạt 208,34 tỷ đồng, tăng 14,88% và chiếm 36,02% trong cơ cấu kinh tế của xã.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, bảo đảm đáp ứng tốt công tác dạy và học cho con em trên địa bàn. Duy trì chất lượng dạy và học ở các bậc học, tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện các phong trào khác trong năm học 2022 - 2023. Tổng số học sinh các cấp đến trường năm học mới 2023 - 2024 là 1.358 em, THCS 473 em, tiểu học 602 em và Mầm non 283 cháu. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và các tổ chức xã hội nghề nghiệp khác, góp phần nâng cao dân trí phục vụ tốt đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

Hội Khuyến học xã đã củng cố kiện toàn và xây dựng mới đến nay được 11 chi hội: trong đó có 03 chi hội trường học, 06 chi hội thôn 01 chi hội Cựu chiến binh và 01 chi hội tộc họ Nguyễn. Trong năm, vận động kinh phí hội khuyến học được 21 triệu đồng, tổ chức khen thưởng, tặng quà cho 112 học sinh nghèo vượt khó, học sinh khá, giỏi các cấp với số tiền 23 triệu đồng; nguồn quỹ hiện có 85 triệu đồng, xã 20 triệu, các chi hội 65 triệu. Trong năm, các em sinh viên có thành tích học tập xuất sắc kết quả đạt số điểm trung bình các môn học trên 8,0 điểm được thị xã tuyên dương là 36 em và xã tuyên dương 02 em. Tặng cho các em trường Tiểu học Nhơn An và THCS 61 suất với 610 quyển vở. Đã phối hợp Trường Trung học cơ sở tổ chức tuần lễ học tập suốt đời; đồng thời triển khai, đăng ký gia đình học tập, cộng đồng học tập với tổng số hộ đăng ký 2.634/2.835 hộ đạt 92,91%.

b) Y tế và kế hoạch hóa gia đình

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trạm Y tế tại thôn Tân Dương với diện tích 1.794,4 m², bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu và phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Năm 2023, xã tập trung công tác tuyên truyền và theo dõi tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn; tổ chức diệt bọ gây phòng chống dịch sốt xuất huyết cho 03 ổ dịch tại Tân Dân, Tân Dương và Trung Định, ghi nhận 14 ca mắc sốt xuất huyết xảy ra trên địa bàn xã; tập trung chỉ đạo Trạm Y tế xã tiếp tục thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tổ chức tiêm chủng định kỳ cho trẻ trong diện tiêm chủng đạt tỷ lệ 100%. Duy trì và thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Trong năm, Trạm Y tế khám và điều trị cho 3.710 lượt người bệnh, khám người cao tuổi 1.000 người, khám người tàn tật 150 người, khám thai 45 lượt, khám khác 215 lượt, khám điều trị BHYT 2.300 lượt. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết ở trẻ em và phòng chống HIV-AIDS. Tổ chức tổng kết công tác y tế năm 2022 và kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam. Tổ chức tuyên truyền và kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục duy trì chuẩn quốc gia về y tế và thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Trẻ em suy dinh dưỡng trên địa bàn xã giảm còn 7,17%, giảm 0,82% so với cùng kỳ năm 2022, số trẻ em trong độ tuổi được uống vitamin đạt 100%, tiêm chủng trẻ em dưới 01 tuổi đủ 08 loại vacxin cho trẻ đạt 100%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm đạt trên 96,6%.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của thị xã về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, bảo đảm tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2023, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt.

Xã Nhơn An đã tập trung đầu tư, xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn nhằm phục vụ nhu cầu văn hóa - thể dục thể thao của người dân trên địa bàn xã, cụ thể: 06/06 thôn trên địa bàn đã có sân thể thao và nhà văn hóa cộng đồng; 01 sân vận động trung tâm xã và 01 trung tâm văn hóa thể thao xã với diện tích bảo đảm đáp ứng theo quy định. Tổ chức trang trí, treo khẩu hiệu tuyên truyền trực quan theo kế hoạch của thị xã. Tập trung công tác truyền truyền cổ động thanh niên lên đường nhập ngũ và tuyên truyền công tác phòng chống các loại dịch bệnh trên địa bàn xã. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp

xã lần thứ VII năm 2023, tổ chức chấm điểm các danh hiệu văn hóa kết quả: 06/06 thôn văn hóa, gia đình văn hóa 95,6%; 04/04 cơ quan văn hóa.

d) Chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được bảo đảm, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2023, xã đã tổ chức thăm tặng quà các cơ sở thờ tự nhân dịp Tết Nguyên đán, Đại lễ Phật đản, kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ năm 2023 trên địa bàn xã. Phối hợp Hội Người cao tuổi thăm, chúc thọ tặng quà 15 cụ tròn 90 và 100 tuổi. Tổ chức thăm tặng quà nhân ngày quốc tế thiếu nhi 01/6, tết trung thu cho trẻ em. Cấp phát chi phí hỗ trợ người bị nhiễm Covid-19 cách ly tại nhà. Phối hợp tổ chức quy tập hài cốt liệt sĩ đưa về cải táng tại nghĩa trang liệt sĩ Nhơn An.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS với tổng diện tích 32.668,10 m², cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, bảo đảm đáp ứng tốt công tác dạy và học cho con em trên địa bàn.

b) Y tế

Xã Nhơn An hiện nay có 01 trạm y tế tại thôn Tân Dương, với diện tích 1.794,4 m², bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã.

c) Văn hóa - thể thao

Xã Nhơn An đã tập trung đầu tư, xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa - thể dục thể thao của người

dân trên địa bàn xã, cụ thể: 05/05 thôn trên địa bàn đã có sân thể thao và nhà văn hóa cộng đồng; 01 sân vận động trung tâm xã và 01 trung tâm văn hóa thể thao xã với diện tích 13.325,74 m², bảo đảm đáp ứng theo quy định.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã Nhơn An hiện có 02 chợ là chợ Phú Đa và chợ Rượu, với diện tích các chợ từ 1.340 m² - 11.480 m², bảo đảm phục vụ nhu cầu mua sắm, giao thương của người dân trên địa bàn.

đ) Nhà ở

Tính đến ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn An có 2.714 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 23,18 m²/người. Kiến trúc nhà ở chủ yếu là chủ yếu là dạng nhà phố, xây dựng kiên cố ở khu vực trung tâm xã và dọc theo Quốc lộ 1 và đường tỉnh ĐT.636A, trung bình 2 - 3 tầng. Loại hình nhà ở chủ yếu là nhà ống kiểu truyền thống (là loại nhà phố, liền kề bám mặt đường để thuận lợi trong lưu thông và kinh doanh) và nhà vườn biệt lập nằm bên trong hoặc gần khu sản xuất nông nghiệp.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Năm 2023, xã Nhơn An nâng cấp, mở rộng tuyệt đường giao thông từ ngã tư đường mới thôn Háo Đức đến quán Bầu Sáo (giai đoạn 3) đang triển khai giải phóng mặt bằng; nâng cấp mở rộng tuyến Tân Dân - Bình Thạnh. Tính đến hết ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn An có tổng cộng 48,756 km đường giao thông, trong đó có 10,19 km đường giao thông có chiều rộng phần xe chạy lớn hơn 7 m, còn lại là hệ thống đường giao thông với chiều rộng phần xe chạy từ 3 m - 5,5 m. Nhìn chung đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân và là động lực thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế của xã. Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người của xã đạt 18,67 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Trong khu vực có nhiều đường điện áp đi theo các hướng khác nhau: 110kV, 35kV, 22kV, 0,4kV. 100% người dân trên địa bàn sử dụng điện từ lưới điện quốc gia. 97,94% các tuyến phố chính trên địa bàn xã được chiếu sáng; chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 566,27 kwh/người/năm.

c) Cấp nước

Dân cư xã Nhơn An thuộc khu vực dân cư dọc Quốc lộ 1 và khu dân cư tập trung tại thôn Háo Đức đã được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung. Các hộ dân nằm rải rác xa khu dân cư tập trung chưa có đường ống cấp nước sạch, sử dụng nguồn nước chủ yếu từ các giếng khoan tại chỗ. Tỷ lệ dân số

trên địa bàn xã được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Trên địa bàn xã Nhơn An dọc tuyến Quốc lộ và đường tỉnh ĐT.633 đã có hệ thống thoát nước mặt bằng mương hộp, thoát về phía Đông khu quy hoạch và đổ ra sông Gò Chàm, sông Đập Đá. Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 8,50 km/km². Trên địa bàn xã hiện chưa có hệ thống xử lý nước thải, nước thải trong các hộ dân chủ yếu được xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại trong mỗi gia đình, một phần thoát ra môi trường.

đ) Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn Nhơn Thọ để xử lý. Các bãi cốt sẽ di dời về các nghĩa trang của đô thị theo quy hoạch, bao gồm: Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn, Nghĩa trang nhân dân Đông An Nhơn và Nghĩa trang nhân dân Nam An Nhơn. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn xã đạt 81,15%.

e) Cảnh quan

Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Thực hiện nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra kiểm soát địa bàn, bảo vệ an toàn các mục tiêu, địa bàn trọng yếu đặc biệt trong dịp lễ, tết, các ngày diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương như: Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2023, Lễ 30/4, 01/5, ngày Giỗ tổ Hùng Vương,... Tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2023 và tổ chức tổng kết Quốc phòng - Quân sự năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024; giao quân năm 2023 đạt 100%; đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 2023 đạt 100%; Tổ chức luân phiên cho ra và kết nạp mới lực lượng dân quân đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân đạt 100% chỉ tiêu; Tổ chức đón nhận 14 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương. Huy động 22 quân nhân dự bị tham gia huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ thị xã. Tham gia Hội thao Trung đội DQCD do thị xã tổ chức. Tổ chức bàn giao chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã do điều chuyển công tác khác. Khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2024 đạt 100%; huy động quân nhân dự bị tham gia huấn luyện đạt 100%. Giữ vững tỉ lệ đảng viên trong dân quân (27,77%), thôn đội trưởng là đảng viên đạt 100%. Mở lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng, an ninh đối tượng 4 do xã quản lý với 42 học viên. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội như tổ chức thăm và tặng quà cho

gia đình quân nhân tại ngũ nhân dịp Tết Nguyên đán với số tiền 6,8 triệu đồng; tổ chức gặp mặt cựu quân nhân, cựu chiến binh nhân kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, kinh phí hơn 6 triệu đồng; giải quyết tốt chế độ người có công theo Quyết định 290, 142, 62,... của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn chỉnh bổ sung thông tin hồ sơ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Năm 2023, Công an xã phối hợp với Quân sự xã tuần tra kiểm soát, tấn công trấn áp tội phạm bảo vệ an toàn tài sản của nhà nước và nhân dân trong các ngày lễ lớn của đất nước. Tuyên truyền an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với khu dân cư, hộ gia đình, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã. Khoảng 98 hộ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh và 2.400 hộ gia đình đã ký cam kết về an toàn phòng cháy chữa cháy. Tổ chức thăm hỏi và nắm tình hình thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an nhân dân năm 2023 giao quân bảo đảm theo yêu cầu thị xã giao. Chỉ đạo Công an xã phối hợp trạm y tế xã cập nhật, chỉnh sửa thông tin sai lệch về tiêm vắc xin Covid-19 của công dân trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia. Phối hợp đội Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội thu nhận 2.586 hồ sơ làm CCCD tại Công an xã, 2.288 hồ sơ làm tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Triển khai công tác đăng ký, nhận xét đánh giá phân loại về bảo đảm an ninh trật tự theo Thông tư số 23 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn An toàn về An ninh trật tự năm 2023 trên địa bàn xã. Kết quả phân loại 6/6 thôn đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, xã đạt loại xuất sắc.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 16 người, chiếm 61,54%; cao đẳng là 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp là 02 người, chiếm 7,69%; trình độ khác là 08 người, chiếm 30,77%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp là 15 người, chiếm 57,69%; sơ cấp là 09 người, chiếm 34,61%; chưa qua đào tạo là 01 người, chiếm 3,85%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 19 người: cán bộ 11 người, công chức 08 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 17 người, chiếm 89,47%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5,26%; trung cấp là 01 người, chiếm 5,26%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 10,53%; trung cấp là 13 người, chiếm 68,42%; sơ cấp là 03 người, chiếm 15,79%; chưa qua đào tạo là 01 người, chiếm 5,26%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 6 thôn là 12 người.

III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ NHƠN PHÚC

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Các thôn ở Nhơn Phú được chia thành 2 xã: xã Đôn Tín gồm các thôn (Hòa Mỹ, Thái Thuận, Nhơn Nghĩa); xã Tập Phúc gồm các thôn (Thắng Công, Mỹ Thạnh, Phụ Ngọc). Đến tháng 7/1949, thực hiện chủ trương hợp nhất xã lần thứ hai, hai xã Đôn Tín và Tập Phúc nhập lại thành xã lớn lấy tên xã Nhơn Phúc. Tên Nhơn Phúc chính thức có từ thời điểm đó.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhơn Phúc là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn Phúc với 08 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Nhơn Phúc là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã và nằm ở phía Tây của thị xã An Nhơn, cách trung tâm hành chính thị xã khoảng 11 km. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Nhơn Khánh;

- Phía Tây giáp huyện Tây Sơn;
- Phía Nam giáp xã Nhơn Lộc;
- Phía Bắc giáp Nhơn Mỹ và huyện Tây Sơn.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Phúc có 10,45 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 6,8279 km², chiếm tỷ lệ 65,26%;
- Đất phi nông nghiệp là 3,18 km², chiếm tỷ lệ 30,43%;
- Đất chưa sử dụng là 0,45 km², chiếm tỷ lệ 4,31%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023 xã Nhơn Phúc có 11.689 người, trong đó: dân số thường trú là 11.659 người và dân số tạm trú quy đổi là 30 người.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn Phúc là 8.288 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 2.017 người, chiếm 24,34%;
- Lao động phi nông nghiệp là 6.271 người, chiếm 75,66%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã đạt 1.235,67 tỷ đồng, tăng 17,12% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 605,82 tỷ đồng, tăng 20,38%; thương mại - dịch vụ đạt 352,15 tỷ đồng, tăng 24,08%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 277,70 tỷ đồng, tăng 3,62% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023 kinh tế của xã Nhơn Phúc tăng trưởng bình quân đạt 16,46%, trong đó: năm 2021 đạt 13,28%, năm 2022 đạt 17,24% và năm 2023 đạt 18,85%). Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó, năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 50,04%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 28,18% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 21,77% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2023 đạt 14,92 tỷ đồng, tổng chi ngân sách nhà nước đạt 14,92 tỷ đồng.

a) Về phát triển tiêu thủ công nghiệp - xây dựng

Tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn xã được duy trì và phát triển tốt. Toàn xã hiện có 1.238 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp - xây dựng. Xã luôn chú trọng đẩy mạnh khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, khuyến khích các hộ sản xuất kinh doanh mở rộng quy mô, góp phần quan trọng giải quyết tốt nhu cầu lao động tại chỗ và vùng lân cận. Các mặt hàng sản xuất, chế biến từ nông sản như: rượu trắng, bánh trắng, bún khô, sản phẩm bún Song Thần được tiêu thụ tốt trên thị trường. Năm 2023 giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 605,82 tỷ đồng, tăng 20,38% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 50,04% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ

Nhơn Phúc luôn chú trọng đẩy mạnh sản xuất, đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, dạy nghề cho lao động nông thôn. Hiện nay, trên địa bàn xã có trên 50% lao động có chứng chỉ nghề sơ cấp như: nghề chăn nuôi - phòng trị bệnh cho trâu bò, nghề hàn điện, sản xuất máy làm bánh - bún, nông cụ,... Toàn xã hiện có 598 hộ hoạt động thương nghiệp, vận tải, dịch vụ; tỷ lệ lao động có việc làm chiếm trên 90%; có 03 công trình thương mại dịch vụ gồm: chợ An Thái, Điện máy Xanh và Điện máy Thành Ty với diện tích từ 300 - 5.988 m², hoạt động thương mại - dịch vụ được mở rộng và phát triển, đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa, tiêu dùng của người dân trong và ngoài xã. Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2023 của xã đạt 352,15 tỷ đồng, tăng 24,08% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 28,18% trong cơ cấu kinh tế của xã.

c) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Năm 2023, giá trị sản xuất theo giá hiện hành của ngành nông - lâm - ngư nghiệp xã đạt 277,70 tỷ đồng, tăng 3,62% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 21,77% trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong đó, giá trị sản xuất ngành trồng trọt ước đạt 78,62 tỷ đồng và giá trị chăn nuôi ước đạt 84,63 tỷ đồng.

- Về trồng trọt: Tổng diện tích sản xuất các loại cây trồng đạt 1.370,3 ha, giảm 61 ha so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, diện tích lúa gieo sạ đạt 856 ha, năng suất bình quân đạt 71,9 tạ/ha, sản lượng đạt 6.154,4 tấn; cây ngô tổng diện tích gieo trồng đạt 69,7 ha, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha, sản lượng đạt 453 tấn. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 6.607,4 tấn, đạt 103% kế hoạch, giảm 247,8 tấn so với cùng kỳ năm 2022.

- Về khuyến nông: Phối hợp phòng Kinh tế, trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã An Nhơn, HTX nông nghiệp Nhơn Phúc thường xuyên kiểm tra đồng ruộng phát hiện sâu bệnh kịp thời, thông báo trên đài truyền thanh xã và hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh mang lại hiệu quả cao. Phát động phong trào toàn dân ra quân diệt chuột bảo vệ mùa màng. Phối hợp với HTX nông nghiệp thực hiện mô hình liên kết sản xuất giống VNR20 ở thôn Mỹ Thạnh và Thái Thuận với diện tích 20 ha, cho năng suất 76 tạ/ha, cao hơn 4,1 tạ/ha so với ruộng ngoài mô hình. Tổng kết mô hình “Nuôi cá rô đồng trong ao đất” ở

thôn Nhơn Nghĩa Đông, quy mô 6.000 con cá giống, lợi nhuận thu được 5,5 triệu đồng sau 05 tháng.

- Về chăn nuôi: Xã tập trung chỉ đạo tổ chức các đợt ra quân vệ sinh tiêu độc sát trùng chuồng trại và môi trường chăn nuôi để phòng chống các loại dịch bệnh. Tăng cường công tác kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm. Tiêm phòng vaccin lở mồm long móng năm 2023 cho đàn trâu, bò 2.618 con, đạt 86,7%; tiêm phòng vaccin cúm gia cầm ở đàn vịt 4.900 con, đạt 97,8% kế hoạch.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã Nhơn Phúc hiện có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS, quy mô diện tích 100% đáp ứng đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục được quy định.

Năm học 2022 - 2023, xã tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40/CT-TW của Bộ Chính trị về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện đồng bộ ba cuộc vận động và một phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Thực hiện năm học với chủ đề “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tăng cường công tác kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tổ chức thành lập đoàn kiểm tra việc học thêm, dạy thêm và các cơ sở giữ trẻ trên địa bàn xã. Chỉ đạo tổ chức tổng kết năm học 2022 - 2023, kết quả học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 98,7%. Tổng số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 trường THPT hệ công lập đạt tỷ lệ 50,75%, giảm 1,22% so với năm trước. Các trường tổ chức khai giảng năm học 2023 - 2024 bảo đảm đúng quy định. Đến nay, xã Nhơn Phúc có 2/3 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 66,7%, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, hoàn thành phổ cập THCS, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 100%. Tổ chức Lễ tuyên dương, khen thưởng cho học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và khuyến học cho học sinh nghèo vượt khó trên địa bàn xã.

b) Y tế và kế hoạch hóa gia đình

Công tác y tế trên địa bàn xã bảo đảm thực hiện tốt; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh hiệu quả cho nhân dân trên địa bàn.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trạm Y tế xã với diện tích 3.274,10 m² nằm trên địa bàn thôn An Thái. Trang thiết bị, nhân lực cơ bản bảo đảm nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng ở trẻ em và dịch đau mắt đỏ. Xã chỉ đạo Trạm Y tế xã triển khai thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng và phòng chống dịch bệnh. Tiến hành kiểm tra 13/13 cơ sở sản

xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Trong năm 2023, Trạm Y tế xã đã khám 1.489 lượt người, giảm 124 lượt so với cùng kỳ năm 2022. Tổ chức tiêm chủng phòng 07 bệnh truyền nhiễm cho trẻ em từ 0 - 12 tháng tuổi được 92/95 trẻ, đạt 96,5% kế hoạch; tiêm chủng viêm não nhật bản mũi 3 cho 110/110 trẻ, đạt 100%; tiêm vaccin DPT mũi 4 và sởi mũi 2 được 92/95 trẻ, đạt 96,5% kế hoạch.

Chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Tổ chức tuyên truyền, vận động tại cộng đồng khu dân cư, nhất là các biện pháp tránh thai hiện đại nhằm hạn chế tỷ lệ sinh con thứ 3. Thực hiện chiến dịch dân số kế hoạch hóa gia đình, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ mang thai 99/100 chị, đạt 99% kế hoạch. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiếm 6,0%, giảm 0,2% so với năm 2022; tỷ lệ sinh con thứ 3 chiếm 8% kế hoạch, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế được tăng cường, tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân ước đạt 96,8%, đạt 100,8% kế hoạch.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Trong những năm qua, hoạt động văn hóa - thể thao trên địa bàn xã luôn được quan tâm và chú trọng thực hiện tốt. Đến nay đã có 08/08 thôn có sân thể thao, diện tích từ 450 - 720 m². Ngoài ra 08/08 thôn đã có nhà văn hóa, với diện tích 130 m²/nhà văn hóa; 01 Nhà văn hóa đa năng xã Nhơn Phúc với diện tích 5.350 m² đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân khi tổ chức các hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn xã.

Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền tết cổ truyền dân tộc, tuyên truyền nhân kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/2/1930 - 03/2/2023); tuyên truyền kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng đất nước 30/4 (30/4/1975 - 30/4/2023); tuyên truyền kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ 27/7 (27/7/1947 - 27/7/2023); tuyên truyền kỷ niệm 78 năm ngày cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023); tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, viết tin bài cổ động, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2023. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống dịch sốt xuất huyết, tuyên truyền các văn bản theo quy định của nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã. Hệ thống đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, nội dung, chương trình từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương và tăng cường tuyên truyền phòng dịch Covid-19 và phòng chống dịch sốt xuất huyết. Tổ chức các hoạt động vui xuân đón Tết như giải cờ tướng, bóng đá và tham gia đại hội thể dục thể thao do thị xã tổ chức.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” mới ở khu dân cư luôn được quan tâm. Năm 2023, toàn xã có 2.550/2.705 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 94,2%; có 08/08 thôn đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa.

d) Chính sách an sinh xã hội

Công tác bảo đảm an sinh xã hội và các chính sách xã hội được chú trọng thực hiện tốt, tiếp nhận và lập thủ tục trình hội đồng xét duyệt các đối tượng khuyết tật, bảo trợ người cao tuổi. Tổ chức cấp gạo, cấp quà, hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn trong xã hội. Hỗ trợ lao động tự do không có giao kết hợp đồng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 cho 2.911 đối tượng, với số tiền 4.366,5 triệu đồng; hộ kinh doanh 76 hộ với số tiền 228 triệu đồng. Trao tặng cho 88 học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập năm học 2021 - 2022 với tổng số tiền 58 triệu đồng. Tổ chức thăm tặng quà của Chủ tịch nước, của thị xã và của xã cho các đối tượng chính sách với tổng kinh phí 95,7 triệu đồng.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS, quy mô diện tích 100% đáp ứng đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục được quy định, với tổng diện tích 29.231,70 m², đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của nhân dân trên địa bàn.

b) Y tế

Trên địa bàn xã hiện nay có 01 Trạm Y tế với diện tích 3.274,10 m² nằm trên địa bàn thôn An Thái, có cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ và nhân lực bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

c) Văn hóa - thể thao

Trong những năm qua, hoạt động văn hóa - thể thao luôn được xã quan tâm và chú trọng thực hiện tốt. Đến nay, trên địa bàn xã có 08/08 thôn có sân thể thao, diện tích từ 450 - 720 m². Ngoài ra, 08/08 thôn đã có nhà văn hóa, diện tích 130 m²/nhà văn hóa; 01 Nhà văn hóa đa năng xã Nhơn Phúc với diện tích 5.350 m² đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của người dân khi tổ chức các hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn xã. Chỉ tiêu đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người đạt 1,38 m²/người.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã Nhơn Phúc hiện có 03 công trình thương mại - dịch vụ: 01 chợ An Thái và 02 cửa hàng dịch vụ, với tổng diện tích 6.888 m², bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu buôn bán, giao thương, mua sắm của người dân trong khu vực.

đ) Nhà ở

Tính đến ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Phúc có 3.055 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 28,02 m²/người. Nhà ở kiên cố chủ yếu tập trung dọc các tuyến đường Tỉnh lộ ĐT.636B, đường Tây tỉnh và khu vực trung tâm xã. Ngoài ra còn có các khu vực dân cư nhà cấp 4 tập trung theo mô hình nhà vườn nông thôn, nằm rải rác trên địa bàn xã.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Từ đầu năm 2023, xã Nhơn Phúc đã đầu tư mở rộng, phát triển hạ tầng kỹ thuật giao thông nông thôn, nâng cấp 07 tuyến đường khu trung tâm xã với chiều dài 1.350 m, bề rộng mặt đường từ 9 - 14 m, với kinh phí trên 2,2 tỷ đồng, đã hoàn thành và được lát gạch vỉa hè với kinh phí 720 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 114 triệu đồng. Đường tỉnh ĐT.636B được bê tông hóa nền đường rộng 5,5 m, lộ giới quản lý 30 m là đường cấp V; đường Tây tỉnh là đường cấp IV đã được xây dựng bê tông nhựa nóng. Giao thông nội bộ, liên khu vực: giao thông liên thôn xóm, tại trung tâm xã đã hình thành nhiều tuyến giao thông đô thị. Tại khu vực trung tâm xã cũng bố trí xây dựng mới các tuyến giao thông theo thiết kế quy hoạch khu trung tâm xã, với mặt đường từ 6 - 10 m, lộ giới từ 12 - 20 m. Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người đạt 11,09 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Hiện nay, trên địa bàn xã có một số tuyến cáp 0,4 kV đi trên cột bê tông cốt thép cấp cho các khu dân cư hiện hữu. Hệ thống chiếu sáng đã được đầu tư xây dựng đồng bộ nên việc chiếu sáng phục vụ giao thông và sinh hoạt công cộng về cơ bản đã đáp ứng tiêu chuẩn. Đoàn Thanh niên xã đảm nhận và thực hiện tốt mô hình dân vận khéo “Thắp sáng đường quê” trên 08 thôn, đạt 100%, đã kéo gần 10 km đường dây và lắp đặt 229 bóng đèn tiết kiệm điện với kinh phí đầu tư gần 158 triệu đồng. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 100%. Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 522,34 kwh/người/năm.

c) Cấp nước

Hiện tại trên địa bàn xã đã có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Nguồn nước cấp từ hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước nhỏ lẻ. Tỷ lệ người dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Trên địa bàn xã hầu như chưa có hệ thống thoát nước, chỉ riêng tuyến đường tỉnh ĐT.636 một số đoạn có rãnh thoát nước dọc 2 bên đường, còn lại toàn bộ xã chưa có hệ thống thoát nước. Nước mưa và nước thải sinh hoạt chưa được thu gom, chảy tràn, tự thấm và xả ra các khu vực trũng chảy ra kênh rạch. Tình hình chung về môi trường: chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chưa quy hoạch bãi xử lý chất thải của xã. Chỉ tiêu mật độ đường cống thoát nước chính của xã đạt 4,20 km/km².

đ) Chất thải rắn

Xã đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Thọ, tiến hành thu gom chất thải rắn khu vực An Thái và một số thôn lân cận. Tuy nhiên, việc thu gom rác và xử lý nước thải ở các thôn chưa bảo đảm, tình trạng nước thải, rác thải còn nhiều bất cập. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 86,32%.

e) Cảnh quan

Hiện nay, trên địa bàn xã có 43.535,30 m² đất cây xanh, bao gồm các hoa viên, công viên cây xanh An Thái, hệ thống cây xanh tại các khu dân cư, bảo đảm đáp ứng các chỉ tiêu về cây xanh, cảnh quan đô thị theo tiêu chí của phường. Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người 3,73 m²/người.

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Tiếp tục củng cố và xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phòng, chống “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Chỉ đạo Quân sự tập trung công tác giao quân năm 2023, kết quả đạt 100% chỉ tiêu trên giao; tổ chức đăng ký độ tuổi 17 cho công dân sinh năm 2006, đạt chỉ tiêu 100%. Hoàn chỉnh việc biên chế, sắp xếp các đối tượng dân quân theo quy định. Chỉ đạo Quân sự, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã phối hợp cùng Tiểu đoàn Pháo binh 14 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Trung đoàn bộ binh 93, sư đoàn bộ binh 307 tổ chức phúc tra, rà soát và huy động quân nhân dự bị tham gia huấn luyện năm 2023. Tham gia Hội thi cán bộ giảng dạy chính trị cấp thị xã năm 2023, kết quả đạt giải nhì cấp thị xã. Tổ chức khám sức khỏe cho thanh niên chuẩn bị lên đường nhập ngũ năm 2023 đạt 100%.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Năm 2023, tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tổ chức tuyên truyền bài về an ninh trật tự, công tác phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản và các quy định của pháp luật. Ban hành Nghị quyết công tác về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn trên địa bàn xã năm 2023. Phối hợp Quân sự xã tiến hành kiểm tra nhân hộ khẩu số thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự vắng mặt ở địa phương và bảo đảm an ninh trật tự

trong lễ giao quân. Tiếp tục làm sạch Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, dữ liệu tiêm vaccin phòng Covid-19. Rà soát số công dân trùng thông tin, thông báo số định danh cá nhân đạt 100%. Phối hợp với Công an thị xã An Nhơn và Ban Chỉ huy quân sự xã xây dựng, triển khai kế hoạch bảo vệ các ngày lễ, Tết, Đại lễ Phật đản 2023, Phật lịch 2566. Trong năm 2023, trên địa bàn xã Nhơn Phúc xảy ra 01 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ đánh bạc, 01 vụ sử dụng trái phép chất ma túy. Thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, đến nay toàn xã có 9.386 công dân đã làm CCCD, tích hợp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có 6.024/5.978 công dân, đạt 102,2%.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 27 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 14 người, chiếm 51,85%; trung cấp là 02 người, chiếm 7,41%; trình độ khác là 11 người, chiếm 40,74%.

- Trình độ về lý luận chính trị trung cấp là 15 người, chiếm 55,56%; sơ cấp là 06 người, chiếm 22,22%; chưa qua đào tạo là 06 người, chiếm 22,22%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 18 người: cán bộ 11 người, công chức 07 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 16 người, chiếm 88,89%; trung cấp là 02 người, chiếm 11,11%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 5,56%; trung cấp là 16 người, chiếm 88,89%; sơ cấp là 01 người 5,56%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 08 thôn là 16 người.

IV. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ NHƠN HẬU

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Trong đó, 04 thôn Ngãi Chánh, Thạnh Danh, Nhạn Tháp và Vân Sơn ghép lại

thành một xã gọi là Ân Hậu; thôn Đại Hòa về xã Cương Trục; thôn Bắc Thuận, Nam An và Bá Canh về xã Hưng Thịnh; thôn Thiết Trụ về xã Thiết Thuận; thôn Tân Minh về xã Bình Thành. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Theo đó, sáp nhập các xã: Ân Hậu, Bình Thành, Hưng Định, Đại Hòa và thôn Thiết Trụ thành xã Nhơn Hậu, địa danh Nhơn Hậu có từ đó.

Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhơn Hậu là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn Hậu với 09 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Nhơn Hậu nằm ở phía Bắc của thị xã An Nhơn, cách trung tâm hành chính thị xã khoảng 6 km về phía Tây Bắc. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp phường Đập Đá và phường Nhơn Hưng;
- Phía Tây giáp xã Nhơn Mỹ;
- Phía Nam giáp xã Nhơn Khánh và phường Nhơn Hưng;
- Phía Bắc giáp phường Nhơn Thành.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có 12,28 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 7,84 km², chiếm tỷ lệ 68,84%;
- Đất phi nông nghiệp là 3,65 km², chiếm tỷ lệ 29,72%;
- Đất chưa sử dụng là 0,78 km², chiếm tỷ lệ 1,44%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có 15.660 người, trong đó: dân số thường trú là 15.582 người và dân số tạm trú quy đổi là 78 người.

Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh; dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở trung tâm xã và dọc các tuyến đường chính đi qua địa bàn.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn Hậu là 9.914 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 2.472 người, chiếm 24,93%;
- Lao động phi nông nghiệp là 7.442 người, chiếm 75,07%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã An Nhơn khóa XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19 năm 2021, nhưng dưới sự quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã An Nhơn nói chung và xã Nhơn Hậu nói riêng, kinh tế xã Nhơn Hậu đã được khôi phục và tiếp tục phát triển ổn định. Xã Nhơn Hậu đã xác định rõ trách nhiệm, mục tiêu và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra.

Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã năm 2023 đạt 739,10 tỷ đồng, tăng 12,72% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 356,60 tỷ đồng, tăng 14,00%; thương mại - dịch vụ đạt 201,00 tỷ đồng, tăng 13,98%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 181,50 tỷ đồng, tăng 8,98% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023, kinh tế xã Nhơn Hậu tăng trưởng bình quân đạt 12,28%, trong đó: năm 2021 đạt 10,80%, năm 2022 đạt 12,79% và năm 2023 đạt 13,24%). Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó, năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 34,41%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 36,87% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 28,72% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Nhơn Hậu năm 2023 đạt 58,04 tỷ đồng, tổng chi ngân sách nhà nước đạt 58,04 tỷ đồng.

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 356,60 tỷ đồng, tăng 14,00% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 34,41% trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong năm, xã đưa vào sử dụng nhà trưng bày sản phẩm Làng tiện gỗ mỹ nghệ, tổ chức bốc thăm điểm sản xuất tập trung làng nghề tiện gỗ; hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề của xã gặp nhiều khó khăn, thách thức bởi những tác động của giá xăng, dầu đã ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của các doanh nghiệp, hộ gia đình, làm tăng giá thành sản phẩm hàng hóa và dịch vụ,... song với sự nỗ lực của từng cơ sở, hộ gia đình, hoạt động sản xuất vẫn được duy trì và phát triển ổn định, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của địa phương.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã được duy trì ổn định, hàng hóa khan hiếm, giá bán tương đối ổn định, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa và tiêu dùng người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Năm 2023, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 201,00 tỷ đồng, tăng 13,98% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 36,87% trong cơ cấu kinh tế của xã và có xu hướng ngày càng tăng nhanh.

Trên địa bàn xã Nhơn Hậu hiện có 01 chợ Nhơn Hậu với diện tích 6.515 m²; chợ Chôm Hồm với diện tích 600 m²; Trung tâm điện máy Bảo Tín với diện tích 180 m² và Nhà trưng bày sản phẩm làng nghề truyền thống Tiện gỗ mỹ nghệ xã Nhơn Hậu với diện tích 779,79 m² là các công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn, hiện đang phục vụ tốt nhu cầu giao thương, buôn bán và tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã. Ngoài ra, xã Nhơn Hậu còn là nơi có làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển ngành thương mại - dịch vụ của xã. Làng nghề sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh được tỉnh công nhận là làng nghề truyền thống. Hiện làng nghề có 78 hộ làm nghề, tạo việc làm ổn định cho hơn 200 lao động với thu nhập bình quân 6 - 7 triệu đồng/người/tháng. Vài năm trở lại đây, nhiều cơ sở, hộ làm bún tươi đã trang bị máy móc để sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động. Nghề làm bún tươi phát triển ổn định, tạo việc làm cho nhiều lao động tại chỗ. Tiện gỗ mỹ nghệ là nghề truyền thống ở thôn Nhạn Tháp, cách Quy Nhơn khoảng 30 km về hướng Tây Bắc. Các sản phẩm của làng nghề nổi tiếng không chỉ bởi chất lượng, sự tinh xảo mà còn mang tính đặc trưng của văn hóa Bình Định. Sản phẩm của làng nghề hiện rất độc đáo, tạo cảm giác thích thú và tạo niềm tin nơi khách hàng. Ngày nay chính quyền đang quan tâm đầu tư vào làng nghề nên sản phẩm tạo ra ngày càng chất lượng hơn. Các sản phẩm của làng tiện Nhạn Tháp được tiêu thụ mạnh thông qua các kênh phân phối là hệ thống bán hàng lưu niệm, các đại lý đồ mỹ nghệ và xuất khẩu qua đường tiểu ngạch đến thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hồng Kông. Làng gồm Vân Sơn nằm về phía Đông dưới chân núi Long Cốt thuộc xã Nhơn Hậu, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 30 km về hướng Tây Bắc, có lịch sử hơn 300 năm, với nhiều sản phẩm quen thuộc gắn liền với đời sống người dân như: chum, ấm, lò, nồi, chậu,... hiện có gần 20 cơ sở sản xuất với khoảng 150 lao động,...

c) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành của ngành nông - lâm - ngư nghiệp năm 2023 đạt 181,50 tỷ đồng, tăng 8,98% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 28,72% trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong đó: ngành trồng trọt đạt 49,87 tỷ đồng, tăng 3,67%, chiếm tỷ trọng 37,36%; ngành chăn nuôi đạt 82,74 tỷ đồng, tăng 8,0%, chiếm tỷ trọng 61,98%.

- Về trồng trọt: Xã tập trung chỉ đạo bảo đảm gieo sạ đúng lịch thời vụ, đúng cơ cấu giống; áp dụng khoa học, công nghệ và đưa các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả sang

trồng ớt, rau, đậu các loại, cây mai và hoa các loại mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tổng diện tích gieo trồng năm 2023 trên địa bàn xã đạt 1.152,7 ha. Trong đó: cây lúa với diện tích 727,8 ha, năng suất ước đạt 69,4 tạ/ha, sản lượng đạt 5.051,1 tấn; cây ngô 161,2 ha, năng suất ước đạt 65,98 tạ/ha, sản lượng đạt 1.063,6 tấn; cây đậu phụng 126,6 ha, năng suất ước đạt 21,65 tạ/ha, sản lượng đạt 274,1 tấn; cây đậu xanh 2,0 ha, năng suất bình quân ước đạt 6,0 tạ/ha, sản lượng đạt 1,2 tấn; cây đậu nành 0,4 ha, năng suất đạt 18 tạ/ha, sản lượng đạt 0,7 tấn; cây mè 3,4 ha, năng suất đạt 11 tạ/ha, sản lượng đạt 3,74 tấn; dưa hấu 10,2 ha, năng suất ước đạt 240 tạ/ha, sản lượng đạt 265,2 tấn; cây ớt 19,5 ha, năng suất ước đạt 204 tạ/ha, sản lượng đạt 399,5 tấn; rau, đậu các loại, cây cảnh và hoa các loại 89,6 ha và cây cỏ 12 ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 6.114,7 tấn, tăng 16,7 tấn so với kế hoạch.

- Về khuyến nông: HTX nông nghiệp và Hội Nông dân xã liên kết mở 09 lớp tập huấn cho 315 người với các mô hình giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao như: Liên kết sản xuất lúa giống BDR57, BDR87, LHT31 với diện tích 17,6 ha tại thôn Thiết Trụ và mô hình sản xuất giống lạc LDH.09 mới năng suất, chất lượng cao tại thôn Thiết Trụ với diện tích 8 ha; 01 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng mai cảnh (50 người) và tổ chức tập huấn lớp vỗ béo bò 01 lớp (70 người). Hội Nông dân xã phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng tổ chức tập huấn 02 lớp (01 lớp viêm da nổi cục, 01 lớp tạo dáng và chăm sóc cây mai cho 100 hộ) và phối hợp trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã An Nhơn tập huấn 01 lớp về tập huấn kỹ thuật cây ớt cho 20 hội viên.

- Về chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, tuy nhiên giá bán sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm ở mức không ổn định, nhưng ngược lại giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao là một trở ngại lớn đối với ngành chăn nuôi. Hiện nay, trên địa bàn xã có: đàn trâu 36 con, đàn bò 3.012 con, đàn heo 6.451 con và đàn gia cầm, chim cút trên 170.265 con. Thời gian qua, xã triển khai tiêm phòng vaccine dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, với kết quả như sau: tiêm phòng vaccine lở mồm long móng cho đàn trâu bò 2013/2.303 con, đạt 87,4%; tiêm phòng cúm gia cầm đạt 100%. Công tác phòng ngừa dịch bệnh cho đàn vật nuôi được chính quyền và người chăn nuôi quan tâm nên đã hạn chế đáng kể thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Công tác xã hội hóa giáo dục được xã quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Xã chú trọng thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mẫu giáo với 01 điểm chính và 03 điểm trường với diện tích từ 800 - 3.000 m²; 01 trường tiểu học với 01 điểm chính và 03 điểm trường tại 04 thôn trên địa bàn xã, có diện tích từ 1.771 - 14.404 m²; 01

trường THCS diện tích 16.465,7 m², bảo đảm đạt tiêu chuẩn về diện tích theo quy định, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học cho nhân dân trên địa bàn. Các trường học trên địa bàn đã hoàn thành tốt chương trình năm học 2022 - 2023; tổ chức xét công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình cuối cấp đạt 100%. Các trường tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp và an toàn; thực hiện tốt phương án tổ chức khai giảng và thời gian đến trường của học sinh năm học 2023 - 2024.

b) Y tế và kế hoạch hóa gia đình

Công tác y tế trên địa bàn xã được bảo đảm; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh hiệu quả cho nhân dân trên địa bàn.

Trên địa bàn xã Nhơn Hậu có 01 Trạm Y tế với diện tích 2.049,5 m² tại thôn Bắc Nhạn Tháp; cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Năm 2023, xã tổ chức khám và điều trị tại Trạm Y tế cho 3.264 lượt người; công tác tiêm chủng phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ và tổ chức uống Vitamin A phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi đạt 100% so kế hoạch; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 7,84%, giảm 0,16% so với kế hoạch. Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình được duy trì thực hiện tư vấn tại gia đình. Công tác phòng chống dịch bệnh phối hợp truyền thông tình hình dịch bệnh về mức độ nguy hiểm của biến chủng mới dịch Covid-19, đồng thời đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng mũi 3, mũi 4 cho các đối tượng trên 18 tuổi và mũi 2 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Đối với dịch sốt xuất huyết trong năm ghi nhận 09 ca bệnh sốt xuất huyết với 02 ổ dịch tại thôn Nam Nhạn Tháp và thôn Vân Sơn và 16 ca tay, chân, miệng trên địa bàn xã với 02 ổ dịch tại thôn Thạnh Danh và thôn Ngãi Chánh đã được xử lý. Ngoài việc tăng cường các biện pháp truyền thông nâng cao nhận thức của người dân, xã đã phối hợp các ban, ngành, đoàn thể và cán bộ quân dân chính thôn tổ chức diệt bọ gậy 2 tuần/1 lần với các vùng không có ổ dịch và 1 tuần/1 lần đối với vùng có xuất hiện ổ dịch. Bảo đảm dự trữ, cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế,... phục vụ phòng chống dịch bệnh khi xảy ra.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh, của Thị xã về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, bảo đảm tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2023, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng

chất. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt; công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống các tệ nạn xã hội được duy trì thường xuyên, có hiệu quả. Tổ chức tốt các hoạt động “Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão năm 2023”; thực hiện treo cờ, băng rôn tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023); ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023); ngày Quốc tế Lao động (01/5); kỷ niệm 133 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023); kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023); kỷ niệm 78 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023).

Trên địa bàn xã Nhơn Hậu hiện có 01 nhà văn hóa xã với tổng diện tích 2.025 m², 01 sân vận động xã với diện tích 12.000 m² và 07 sân vận động khác tại 07 thôn với diện tích mỗi sân vận động là 2.000 m², bảo đảm đáp ứng nhu cầu về văn hóa - thể dục thể thao của người dân trên địa bàn. Các công trình công cộng đa phần đều được xây dựng chỉnh chu, đáp ứng tốt nhu cầu người dân cũng như nhu cầu về mỹ quan đô thị. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023”; tuyên truyền công tác phòng chống dịch Covid-19, dịch sốt xuất huyết, dịch tay, chân, miệng,... cảnh báo để người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao xã Nhơn Hậu lần thứ V, Hội thao phụ nữ - thanh niên chào mừng Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và cử vận động viên tham gia các môn thi đấu Đại hội Thể dục thể thao thị xã kết quả đạt nhiều giải và xếp thứ tư toàn Đoàn. Năm 2023, toàn xã có 3.715/3.728 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 99,65% và tăng 0,7% so với kế hoạch năm.

d) Chính sách an sinh xã hội

Các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, lao động việc làm được xã chú trọng thực hiện kịp thời và đúng quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động có nhiều chuyển biến mới và tích cực.

Trong năm, xã tổ chức thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán Quý Mão với 1.156 suất; tổ chức họp mặt, tặng quà nhân kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023) với 381 suất. Vận động toàn dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt kết quả tốt. Tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 98%, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Hoàn thành tốt cuộc điều tra, rà soát thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 với kết quả hộ nghèo toàn xã có 56 hộ với 121 nhân khẩu; hộ cận nghèo có 80 hộ với 200 nhân khẩu; mở một lớp đào tạo nghề

điện dân dụng cho lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo học nghề. Phối hợp Hội Chữ thập đỏ thị xã hỗ trợ xây dựng mới 01 nhà ở cho hộ có hoàn cảnh khó khăn.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mẫu giáo với 01 điểm chính và 03 điểm trường với diện tích từ 800 - 3.000 m²; 01 trường tiểu học với 01 điểm chính và 03 điểm trường tại 04 thôn trên địa bàn xã, có diện tích từ 1.771 - 14.404 m²; 01 trường THCS diện tích 16.465,7 m², bảo đảm đạt tiêu chuẩn về diện tích theo quy định, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học cho nhân dân trên địa bàn. Chỉ tiêu đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người đạt 3,14 m²/người.

b) Y tế

Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế xã, với diện tích 2.049,5 m² tại thôn Bắc Nhạn Tháp; cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn.

c) Văn hóa - thể thao

Trên địa bàn xã Nhon Hậu hiện có 01 Nhà Văn hóa xã với diện tích 2.025 m², 01 sân vận động xã với diện tích 12.000 m² và 07 sân vận động khác tại 07 thôn với diện tích mỗi sân vận động là 2.000 m², bảo đảm đáp ứng nhu cầu về văn hóa - thể dục thể thao của người dân trên địa bàn. Các công trình công cộng đa phần đều được xây dựng chính chu, đáp ứng tốt nhu cầu người dân cũng như nhu cầu về mỹ quan đô thị. Chỉ tiêu đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người của xã đạt 1,86 m²/người.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã hiện có 01 chợ Nhon Hậu với diện tích 6.515 m², chợ Chôm Hòm với diện tích 600 m², Trung tâm điện máy Bảo Tín với diện tích 180 m² và Nhà trưng bày sản phẩm làng nghề truyền thống Tiện gỗ mỹ nghệ xã Nhon Hậu với diện tích 779,79 m² là các công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn, hiện đang phục vụ tốt các hoạt động giao thương, buôn bán và đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn. Ngoài ra, xã Nhon Hậu còn là nơi

có làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ ngành thương mại - dịch vụ của xã.

Làng nghề sản xuất bún tươi tại thôn Ngãi Chánh được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là làng nghề truyền thống. Hiện làng nghề có 78 hộ làm nghề, tạo việc làm ổn định cho gần 150 lao động với thu nhập bình quân từ 6 - 7 triệu đồng/người/tháng. Vài năm trở lại đây, nhiều cơ sở, hộ làm bún tươi tại đây đã trang bị máy móc hiện đại để sản xuất, năng suất lao động được nâng cao. Nghề làm bún tươi phát triển ổn định, tạo việc làm cho nhiều lao động tại chỗ ở địa phương và khu vực lân cận.

Tiện gỗ mỹ nghệ là nghề truyền thống ở thôn Nhạn Tháp, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 30 km về phía Tây Bắc. Các sản phẩm của làng nghề nổi tiếng không chỉ bởi chất lượng, sự tinh xảo mà còn mang tính đặc trưng của văn hóa Bình Định. Sản phẩm của làng nghề hiện rất độc đáo, tạo cảm giác thích thú cho khách hàng. Ngày nay, chính quyền đang quan tâm đầu tư vào làng nghề nên sản phẩm tạo ra ngày càng chất lượng hơn. Các sản phẩm của làng tiện Nhạn Tháp được tiêu thụ mạnh thông qua các kênh phân phối là hệ thống bán hàng lưu niệm, các đại lý đồ mỹ nghệ và xuất khẩu qua đường tiểu ngạch đến thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Hồng Kông.

đ) Nhà ở

Tính đến ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Hậu có 3.768 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 22,27 m²/người. Kiến trúc nhà ở chủ yếu là dạng nhà phố, được xây dựng kiên cố, tầng cao trung bình 2 - 3 tầng. Loại hình nhà ở chủ yếu là nhà ống kiểu truyền thống (là loại nhà phố, liền kề bám mặt đường để thuận lợi trong lưu thông và kinh doanh) và nhà vườn biệt lập nằm bên trong hoặc gần khu sản xuất nông nghiệp. Khu vực nhà ở mang hình thái làng xóm cũ tập trung ở bên trong các khu vực đất nông nghiệp.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Hồng Lĩnh: là tuyến trục chính đô thị, từ đường Đập Đá - Tây Vinh đến Quốc lộ 1 (đường Lê Duẩn). Đoạn qua khu đô thị Nhơn Hậu dài khoảng 600 m, mặt đường BTN rộng 8 ÷ 10 m, vỉa hè 4 ÷ 6 m, có lộ giới 12 ÷ 16 m;

+ Đường Đập Đá - Tây Vinh: kết nối trực tiếp vào đường Hồng Lĩnh, đoạn qua đô thị dài 1,5 km, mặt đường BTN 5,5 ÷ 7,0 m, lộ giới 7 ÷ 9 m;

+ Đường Ngô Văn Sở: từ đường Hồng Lĩnh đến Quốc lộ 1, đoạn qua đô thị dài 750 m, mặt đường bê tông nhựa 5,5 ÷ 7,0 m, lộ giới 7 ÷ 9 m;

+ Đường Nhơn Hậu - Nhơn Khánh: từ đường Đập Đá - Tây Vinh đến xã Nhơn Khánh, đoạn qua đô thị dài 530 m, mặt đường 7 ÷ 8 m, lộ giới 10 ÷ 12 m.

- Giao thông đối nội:

Đường khu vực: gồm các tuyến đường trong khu dân cư, khu dự án đã được quy hoạch. Có mặt đường láng nhựa hoặc kết cấu bê tông xi măng rộng từ 3,5 m đến 8,0 m. Kết nối với các tuyến đường chính trong khu vực.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các đường giao thông nông thôn có kết cấu BTXM nối các đường khu vực với các khu dân cư nông thôn hoặc các khu sản xuất nông nghiệp. Mặt đường bê tông xi măng rộng từ 3,5 m đến 5,5 m.

- Đường sắt: Đường sắt Bắc - Nam đi qua đô thị Nhơn Hậu có chiều dài khoảng 1,9 km. Trên địa phận đô thị Nhơn Hậu chỉ có ga Vân Sơn là ga tránh.

- Đường thủy: sông Đập Đá chảy qua đô thị có đặc trưng là độ dốc và nông, mùa lũ có lưu tốc lớn, mùa khô có mực nước thấp, nhiều đoạn khô cạn nên hầu như ít khai thác giao thông.

Tổng diện tích đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) trên địa bàn xã là 206.606,46 m². Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người đạt 13,19 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Trên địa bàn hiện lưới điện đã phủ kín toàn bộ các khu vực dân cư, khu công nghiệp và các khu vực sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, thị xã An Nhơn và các khu vực lân cận được cấp điện bởi nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22 kV từ trạm biến áp 110/22 kV An Nhơn công suất 25+63 MVA và trạm 110/22 kV Nhơn Tân có công suất 25+63 MVA. Lưới trung thế có cấp điện áp 22 kV ở dạng hình tia, các nhánh ra tuyến trung thế được bảo vệ bằng máy cắt, các nhánh rẽ được bảo vệ bằng FCO, trụ điện là loại bê tông ly tâm cao 12 m. Tổng lượng điện năng tiêu thụ trên địa bàn xã năm 2023 là 8.308.856 KW.h/năm, trong đó sản lượng điện sinh hoạt khu dân cư đạt 6.486.584 KW.h/năm; chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người của xã đạt 414,21 KW.h/năm. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 96,62%.

c) Cấp nước

Trên địa bàn xã Nhơn Hậu chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung. Dân cư trong khu vực sử dụng nguồn nước cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày chủ yếu khai thác bằng nguồn nước ngầm, nước giếng người nhân dân tự khoan, đào và nước mưa chứa trong lu vại cung cấp thêm cho nhân dân sử dụng trong sinh hoạt. Tỷ lệ dân số toàn xã được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã là hệ thống công chung giữa nước mưa và nước thải chưa hoàn chỉnh, chỉ có trên các tuyến đường chính: đường Hồng Lĩnh, Ngô Văn Sở và khu dân cư làng nghề, các khu vực còn lại nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên xuống sông, suối hiện hữu. Do địa hình phân cắt ra nhiều lưu vực nên việc thoát nước tự nhiên chưa gây ra ngập úng cục bộ trên địa bàn xã, chỉ chịu ảnh hưởng do lũ. Nước thải sinh hoạt, các hộ gia đình chủ yếu sử dụng bể tự hoại sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung hoặc tự thấm và chảy tràn ra các vườn và kênh rạch trong khu vực. Chưa có công trình xử lý nước thải tập trung cho toàn đô thị. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 100%; mật độ đường công thoát nước chính đạt 10,25 km/km².

đ) Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt trong khu vực hiện nay cơ bản đã được thu gom và xử lý, tuy nhiên chỉ tập trung tại khu vực dân cư tập trung. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn vẫn còn thấp, khu vực dân cư nông thôn, rải rác bên trong các khu vực đất nông nghiệp chưa tổ chức hệ thống thu gom, chủ yếu xử lý tại hộ gia đình bằng hình thức chôn lấp, đốt,... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 80,75%.

e) Cảnh quan

Là khu vực giao thoa giữa đất ở đô thị với các khu vực đất nông nghiệp (trồng cây lúa, cây lâu năm), địa hình bằng phẳng. Cảnh quan khu vực chưa được chú trọng khai thác nên hình thành nhiều bãi đất trống bỏ hoang nhiều năm, cảnh quan khu vực chưa được thống nhất. Khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường không khí, bụi, tiếng ồn,...

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Tập trung xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, tiềm lực quốc phòng - an ninh của xã được tăng cường; kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Thực hiện nghiêm túc chế độ trực và thực hiện tốt công tác quân sự địa phương. Làm tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu so kế hoạch. Tổ chức đăng ký thanh niên độ tuổi 17 sinh năm 2006 đạt 100%; Tổ chức khám sức khỏe thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ năm 2024 có 112 thanh niên đủ điều kiện khám sức khỏe, trong đó có 44 thanh niên đạt sức khỏe đủ điều kiện nhập ngũ 2024. Trong năm, tổ chức kết nạp Dân quân mới 23 đồng chí, Ban chỉ huy quân sự xã, cán bộ trung đội, thôn đội tham gia tập huấn công tác quốc phòng trong năm; tham gia huấn luyện Dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, binh chủng và Dân quân mới,... kết quả đạt khá, giỏi. Hoàn chỉnh 01 hồ sơ chính sách theo Nghị định 62/CP của Chính phủ.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng công an được quan tâm xây dựng, củng cố và chỉ đạo các mặt công tác; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết, xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh nông thôn; tập trung đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Năm 2023, trên địa bàn xảy ra 02 trường hợp đánh bạc, 01 vụ đuối nước, 06 vụ tai nạn giao thông làm chết 02 người, bị thương 05 người, hỏng 06 xe mô tô. Phối hợp tuần tra kiểm soát an toàn giao thông xử phạt vi phạm hành chính 07 trường hợp. Triển khai thực hiện Dự án cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, cấp căn cước công dân và Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn xã.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 28 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 13 người, chiếm 46,43%; cao đẳng là 0 người, chiếm 0%; trung cấp là 04 người, chiếm 14,29%; trình độ khác là 11 người, chiếm 39,29%.

- Trình độ về lý luận chính trị trung cấp là 15 người, chiếm 53,57%; sơ cấp là 01 người, chiếm 3,57%; chưa qua đào tạo là 12 người, chiếm 42,86%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 21 người: cán bộ 11 người, công chức 10 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 18 người, chiếm 85,71%; trung cấp là 03 người, chiếm 14,29%.

- Trình độ lý luận chính trị trung cấp là 19 người, chiếm 90,48%; chưa qua đào tạo là 02 người, chiếm 9,52%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 09 thôn là 18 người.

V. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ NHƠN THỌ

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến

tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Các thôn Thọ Lộc, Đông Viên của xã Thọ Viên nhập với thôn Mỹ Ngọc của xã Nhơn Ái thành xã Nhơn Thọ, với ý nghĩa mong muốn luôn tốt đẹp và bền vững. Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi huyện An Nhơn thành quận An Nhơn với 13 đơn vị hành chính, trong đó có xã Nhơn Thọ.

Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Ngày 24/3/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 127-CP về việc điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Theo đó, thành lập xã Nhơn Tân trên cơ sở một phần của xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Lộc.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhơn Thọ là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn Thọ với 04 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Nhơn Thọ là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã, nằm ở phía Nam của thị xã An Nhơn. Địa bàn xã Nhơn Thọ có Quốc lộ 19 đi qua, cách trung tâm hành chính thị xã An Nhơn khoảng 08 km về phía Tây Nam. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp phường Nhơn Hòa;
- Phía Tây giáp xã Nhơn Tân;
- Phía Nam giáp huyện Vân Canh và huyện Tuy Phước;
- Phía Bắc giáp xã Nhơn Lộc.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có 32,03 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 26,00 km², chiếm tỷ lệ 81,17%;
- Đất phi nông nghiệp là 5,64 km², chiếm tỷ lệ 17,61%;
- Đất chưa sử dụng là 0,39 km², chiếm tỷ lệ 1,22%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có 10.464 người, trong đó: dân số thường trú là 10.446 người và dân số tạm trú quy đổi là 18 người. Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã và dọc theo Quốc lộ 19. Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn Thọ là 7.419 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.761 người, chiếm 16,44%;
- Lao động phi nông nghiệp là 5.293 người, chiếm 83,56%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong những năm qua, dưới sự nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trên địa bàn, tình hình kinh tế - xã hội của xã Nhơn Thọ phát triển ổn định và đạt được nhiều thành tựu quan trọng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế từng bước được nâng cao; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư tích cực; lực lượng lao động nông nghiệp được chuyển dịch đáng kể sang các lĩnh vực sản xuất khác, bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới theo hướng đô thị và hiện đại; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao.

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã Nhơn Thọ đạt 173,10 tỷ đồng, tăng 13,29% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 18,50 tỷ đồng, tăng 23,33%; thương mại - dịch vụ đạt 94,00 tỷ đồng, tăng 20,20%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 60,60 tỷ đồng, tăng 1,68% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023 kinh tế của xã Nhơn Thọ tăng trưởng bình quân đạt 12,05%, trong đó: năm 2021 đạt 10,74%, năm 2022 đạt 12,05% và năm 2023 đạt 13,35%. Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 9,66%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 55,26% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 35,08% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 13,84 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 13,84 tỷ đồng.

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2023 trên địa bàn xã tiếp tục phát triển ổn định, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của xã. Nhờ vào các chính sách của nhà nước như: thủ tục hồ sơ, ưu đãi về thuế, tạo điều kiện cho nhân dân mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất các ngành nghề như: sửa chữa máy cày, cửa sắt nhôm, điện lạnh,... và sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ ở địa phương đều được duy trì hoạt động, nhất là các nghề truyền thống như sản xuất rượu và bánh

tráng luôn được quan tâm, khuyến khích phát triển hướng tới mục tiêu đạt chuẩn OCOP, đồng thời tiếp tục thực hiện đăng ký chu trình OCOP thuộc Chương trình quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm”; xã duy trì 02 sản phẩm được đánh giá đạt hạng 3 sao là Sản phẩm Rượu vang Belifoods của Công ty TNHH Thực phẩm Trương Gia và Sản phẩm Dưa các loại của HTX nông nghiệp II Nhơn Thọ. Việc ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng của xã tiếp tục phát triển ổn định góp phần lớn vào giải quyết việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người lao động trên địa bàn. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 18,50 tỷ đồng, tăng 23,33% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 9,66% trong cơ cấu kinh tế của xã và duy trì tốc độ tăng trưởng cao qua từng năm.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ

Năm 2023, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ của xã Nhơn Thọ đạt 94,00 tỷ đồng, tăng 20,20% và chiếm 55,26% trong cơ cấu kinh tế. Trên địa bàn xã hiện có chợ Đồn và siêu thị UTMart là 02 công trình thương mại - dịch vụ phục vụ nhu cầu giao thương, buôn bán của người dân trên địa bàn, diện tích chợ và siêu thị đều đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Các dịch vụ kinh doanh xăng dầu, đồ gia dụng, điện tử, vật tư nông nghiệp, chăn nuôi, vận tải,... hoạt động có hiệu quả. Hàng hóa lưu thông trên thị trường đa dạng về mẫu mã và chủng loại sản phẩm, chất lượng hàng hóa bảo đảm. Các hiệu tạp hóa, siêu thị UTMart trên địa bàn xã hoạt động ổn định phục vụ nhu cầu mua sắm, cung cấp hàng tiêu dùng cho nhân dân, góp phần bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc của ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành của ngành nông - lâm - ngư nghiệp năm 2023 của xã đạt 60,60 tỷ đồng, tăng 1,68% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 35,08% trong cơ cấu kinh tế.

- Về trồng trọt: Mặc dù thời tiết diễn biến thất thường, nắng nóng kéo dài, làm phát sinh các loại sâu bệnh nhưng xã đã kịp thời tập trung chỉ đạo xử lý, chăm sóc các loại cây trồng nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại cho nông dân.

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã năm 2023 đạt 1.474 ha, giảm 4,95 ha so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây lúa gieo sạ đạt 98,5% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 71,3 tạ/ha, sản lượng đạt 7.385 tấn; diện tích cây ngô 53/29 ha, đạt 182,7% kế hoạch, giảm 7,5 ha so với cùng kỳ năm trước, năng suất đạt 65 tạ/ha, sản lượng đạt 344,5 tấn; cây đậu phụng 40/47 ha, đạt 85% kế hoạch, tăng 18,6 ha so với cùng kỳ năm trước, năng suất đạt 22 tạ/ha, sản lượng đạt 88 tấn; rau, dưa, mè các loại 170/170 ha, đạt 100% kế hoạch, ước tính thu nhập khoảng 50 triệu đồng/ha/vụ; cây cỏ 76/76 ha, đạt 100% kế hoạch, phục vụ cho chăn nuôi trên địa bàn xã và một phần xuất bán cho trang trại bò sữa.

- Về chăn nuôi: Tiếp tục thực hiện phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi; cán bộ thú y luôn bám sát từng thôn, xóm để kịp thời phát hiện dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và có biện pháp xử lý hiệu quả, đặc biệt là phòng dịch bệnh lở mồm long móng cho gia súc. Năm 2023, xã tiến hành tiêm vaccine lở mồm long móng cho gia súc đạt 84,7%; tiêm vaccine cúm gia cầm cho 27.400 con (gà 10.000 con, vịt 17.400 con); tiêm vaccine viêm da nổi cục cho trâu, bò 472 con. Tổ chức tiêu độc sát trùng chuồng trại cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn toàn xã và các cơ sở ấp nở, điểm giết mổ gia súc, gia cầm, nơi tập trung chăn thả, chợ mua bán với tổng 76 lít benkocid. Thực hiện thống kê hiện trạng cơ sở chăn nuôi, đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã có: đàn trâu 98/100 con, đạt 98% kế hoạch; đàn bò 2.470/2.519 con, đạt 95% kế hoạch; đàn heo 11.600/11.500 con, đạt 100,8% kế hoạch; gia cầm 140.000/130.000 con, đạt 107% kế hoạch.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Xác định sự nghiệp giáo dục đóng vai trò tiên quyết và quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những năm qua, xã luôn chú trọng quan tâm ưu tiên đầu tư cho ngành giáo dục. Công tác xã hội hóa giáo dục được xã quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mầm non; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS Nhơn Thọ, cơ bản đáp ứng tốt về diện tích, cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ giáo viên cho việc dạy và học trên địa bàn. Các trường trên địa bàn xã tổ chức khai giảng năm học 2023 - 2024 đúng thời gian; đội ngũ giáo viên thực hiện tốt ba cuộc vận động: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” và cuộc vận động “Hai không” với 04 nội dung trong toàn ngành nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống cho học sinh, đồng thời quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn xã theo quy định. Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc tiểu học có 168/168 học sinh, đạt 100%; học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS 156/156 học sinh, đạt 100% và thi tuyển đỗ vào lớp 10 (Hệ công lập) đạt kết quả cao. Tặng Giấy khen và hiện vật cho học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trong năm học 2022 - 2023.

b) Về y tế và kế hoạch hóa gia đình

Xã hiện có 01 Trạm Y tế với diện tích là 269 m², được đầu tư đầy đủ trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn. Xã luôn chú trọng triển khai thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, y tế dự phòng, nhờ vậy dịch bệnh nguy

hiểm chưa xảy ra trên địa bàn xã. Tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em năm 2023 và tặng quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6. Đồng thời tham gia diễn đàn thị xã An Nhơn năm 2023. Tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em trên địa bàn xã với kinh phí trên 20 triệu đồng, đồng thời thăm và tặng quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Vận động nhân dân tham gia BHYT tự nguyện đạt 98,5%.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Địa bàn xã hiện có 01 sân luyện tập, 01 nhà văn hóa xã, 04 nhà văn hóa thôn, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chất lượng công trình bảo đảm phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của người dân trên địa bàn. Các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì và ngày càng đi vào chiều sâu. Năm 2023, xã có 2.328/2.377 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 97,94%; có 04/04 thôn đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; giữ vững Công sở văn hóa. Làm mới 140 m² pano tuyên truyền đọc Quốc lộ 19 và tuyến đường mẫu Quốc lộ 19 đi cầu Bến Trảy. Phối hợp với Công an xã kiểm tra các dịch vụ karaoke và internet để đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở kinh doanh dịch vụ chấp hành đúng quy định của pháp luật.

d) Chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội được triển khai thiết thực, kịp thời và hiệu quả. Các hoạt động kỷ niệm được tổ chức chu đáo, trang trọng, ý nghĩa. Năm 2023, xã tổ chức họp mặt các gia đình chính sách để thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, tết, mừng thọ cho các cụ nhân ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam (06/6). Thực hiện cấp phát lương thực, thực phẩm, quà tết kịp thời cho hộ nghèo trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Công tác bảo vệ trẻ em được quan tâm thực hiện, 100% số trẻ em được cấp thẻ bảo hiểm y tế; tỷ lệ cấp giấy khai sinh đạt 100%, vận động nhân dân tham gia BHYT đạt 100% chỉ tiêu đề ra.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm sóc các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã hiện có 01 trường mầm non; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS Nhơn Thọ, cơ bản đáp ứng tốt về diện tích, cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ giáo viên cho việc dạy và học trên địa bàn. 100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục; chỉ tiêu đất công trình giáo dục bình quân đầu người đạt 3,60 m²/người.

b) Y tế

Xã hiện có 01 Trạm Y tế với diện tích là 269 m² được đầu tư đầy đủ trang thiết bị hiện đại đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn xã.

c) Văn hóa - thể thao

Trên địa bàn xã hiện có 01 sân luyện tập, 01 nhà văn hóa xã, 04 nhà văn hóa thôn, với tổng diện tích 13.042,80 m², đáp ứng yêu cầu về diện tích, chất lượng công trình bảo đảm phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của người dân trên địa bàn. Chỉ tiêu đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người của xã đạt 1,25 m²/người.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã hiện có chợ Đồn và siêu thị UTMart là 02 công trình thương mại - dịch vụ, với tổng diện tích 5.300,00 m², bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu giao thương, buôn bán của người dân trên địa bàn, diện tích chợ và siêu thị đều đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

d) Nhà ở

Tính đến ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Thọ có 2.367 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 25,64 m²/người. Nhà ở kiên cố, bán kiên cố tập trung phần lớn dọc hai bên trục giao thông chính như Quốc lộ 19, đường Trường Cửu - Thọ Thạnh, khu vực chợ Đồn. Tầng cao nhà ở chủ yếu 01 tầng, một số nhà cấp 3 tầng cao 2 tầng tại khu vực chợ Đồn, dọc Quốc lộ 19 và khu vực trung tâm xã. Tầng cao xây dựng còn hạn chế, mật độ xây dựng thấp. Ngoài ra, nhà bán kiên cố tập trung chủ yếu ở khu vực nội đồng.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Quốc lộ 19 là trục giao thông Đông - Tây rất quan trọng nối liền cảng Quy Nhơn đến cửa khẩu Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai. Đoạn qua địa bàn xã dài 2,3 km, mặt đường BTN rộng 20 m, vỉa hè 5m x 2m, lộ giới 30 m, đạt chuẩn cấp IV đồng bằng.

- Giao thông đối nội:

Mạng lưới giao thông nội thị chủ yếu gồm các tuyến đường bê tông xi măng hoặc láng nhựa, nối đến các công trình hành chính, văn hóa, y tế giáo dục, tôn giáo,... và các khu dân cư dọc theo hai bên Quốc lộ 19. Có mặt đường rộng từ 3,5 m đến 6 m. Còn lại là các tuyến giao thông nông thôn, giao thông nội đồng có kết cấu bê tông xi măng hoặc cấp phối, nền đường rộng từ 3,5 m đến 5 m, dẫn đến các khu nhà ở, khu sản xuất, đồng ruộng,...

Tổng diện tích đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) trên địa bàn xã là 193.499 m²; chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người đạt 18,42 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Nguồn cấp điện chiếu sáng từ lưới điện Quốc gia qua trạm biến áp 110/22 kV Nhơn Tân có công suất 2x25 MVA và trạm 110/35/22 kV An Nhơn có công suất 2x25 MVA. Lưới trung thế có cấp điện áp 22 kV, điện áp 22 kV ở dạng hình tia, các nhánh ra tuyến trung thế được bảo vệ bằng máy cắt, các nhánh rẽ được bảo vệ bằng FCO, trụ điện là loại bê tông ly tâm cao 12 m. Năm 2023, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trên địa bàn xã đạt 95,29%; chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 581,36 kwh/người/năm.

c) Cấp nước

Địa bàn xã Nhơn Thọ đã có hệ thống cấp nước tập trung từ nguồn nhà máy nước Nhơn Tân với công suất 720 m³/ngày.đêm, bảo đảm phục vụ tốt nguồn nước sạch cho người dân trên địa bàn xã. Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100 %.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thoát nước thải: hệ thống thoát nước hiện nay đang là hệ thống thoát chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt. Phần lớn nước thải từ các hộ dân được thu gom xử lý tại chỗ bằng hầm tự hoại sau đó tự thấm hoặc chảy chung với nước mưa ra các ao, bầu, mương trong khu vực. Tuy nhiên, hầu hết các hộ dân trong xã đã xây dựng công trình vệ sinh tự hoại, do vậy vấn đề ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt gây ra là không đáng kể. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 100%.

- Hệ thống thoát nước mưa còn nhiều hạn chế, hiện tại chỉ có tuyến mương hở bê tông cốt thép trên Quốc lộ 19 và đường trục chính Đông - Tây dẫn nước ra Bàu Nước. Các khu vực còn lại chủ yếu thoát ra hệ thống kênh rạch hiện hữu và tự thấm vào đất. Việc thoát nước tự nhiên chưa gây ra ngập úng cục bộ trên địa bàn, song khu vực chịu ảnh hưởng của lũ sông An Tượng nên khi lũ về có nguy cơ ngập úng. Mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn xã đạt 5,13 km/km².

đ) Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt hiện nay cơ bản đã được thu gom và xử lý, tuy nhiên, hiện việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã chỉ tập trung tại khu vực dân cư tập trung. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn vẫn còn thấp, khu vực dân cư nông thôn, rải rác bên trong các khu vực đất nông nghiệp chưa tổ chức hệ thống thu gom, chủ yếu xử lý tại hộ gia đình bằng cách chôn lấp, đốt,... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 81,05 %.

e) Cảnh quan

Trên địa bàn xã hiện có 27.068 m² đất cây xanh, bao gồm các hoa viên, công viên cây xanh, hệ thống cây xanh tại các khu dân cư, bảo đảm đáp ứng các chỉ tiêu về cây xanh, cảnh quan đô thị. Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người đạt 2,58 m²/người.

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Năm 2023, cùng với việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xã Nhơn Thọ luôn chú trọng đầu tư cho nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, căn cứ vào chỉ tiêu thị xã giao, xã đã xây dựng và phát triển lực lượng dân quân bảo đảm về số lượng và tổ chức biên chế theo đúng quy định đối với dân quân cơ động, dân quân bình chủng, dân quân tại chỗ, hoạt động có chất lượng và hiệu quả. Trong năm đã cử đi đào tạo 01 sĩ quan dự bị tại Trường quân sự Quân khu V, đồng thời tổ chức trao 06 lệnh gọi tập trung huấn luyện cho quân dự bị thời gian 18 ngày, phục vụ diễn tập thị xã có mặt đạt 100%. Tổ chức họp mặt tọa đàm nhân kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày Hội Quốc phòng toàn dân; triển khai và thực hiện tốt các bước gọi công dân lên đường nhập ngũ năm 2023, kết quả giao quân đạt 100% chỉ tiêu, đồng thời chốt thực lực xét duyệt chính trị, chính sách chuẩn bị cho thanh niên sẵn sàng nhập ngũ năm 2024 có 92 thanh niên đủ điều kiện khám sức khỏe.

Xác định công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của lực lượng vũ trang xã, xã đã thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị cho các đối tượng dân quân đúng nội dung và kế hoạch đã được phê duyệt. Tổng dân quân đã được huấn luyện trong năm có 94 đồng chí, đạt 100% chỉ tiêu, đồng thời tổ chức tốt công tác diễn tập chiến đấu xã Nhơn Thọ trong khu vực phòng thủ năm 2023 đạt khá.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn xã. Triển khai kế hoạch trấn áp các loại tội phạm, an ninh trật tự trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023. Công an xã quản lý lưu trú, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thực hiện dự án cấp, quản lý căn cước công dân có gắn chip, tham mưu thực hiện công tác tuần tra kiểm soát

ban đêm. Tăng cường công tác gọi hỏi rãng đe 24 đối tượng có tiền án tiền sự, bảo đảm công tác bảo vệ trước, trong và sau Tết.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 25 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 15 người, chiếm 60,00%; trung cấp là 06 người, chiếm 24,00%; trình độ khác là 04 người, chiếm 16,00%.

- Trình độ về lý luận chính trị trung cấp là 15 người, chiếm 60,00%; sơ cấp là 07 người, chiếm 28,00%; chưa qua đào tạo là 03 người, chiếm 12,00%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 19 người: cán bộ 11 người, công chức 08 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 16 người, chiếm 84,21%; trung cấp là 02 người, chiếm 10,53%; trình độ khác là 01 người, chiếm 5,26%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 5,26%; trung cấp là 17 người, chiếm 89,47%; sơ cấp là 01 người, chiếm 5,26%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 04 thôn là 8 người.

VI. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ NHƠN PHONG

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã, xã Nhơn Phong được thành lập trên cơ sở nhập 03 xã: Đại Hợp, Song Thanh và Minh Định, địa danh Nhơn Phong có từ thời điểm đó. Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi huyện An Nhơn thành quận An Nhơn với 13 đơn vị hành chính, trong đó có xã Nhơn Phong.

Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định và xã Nhơn Phong là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện An Nhơn.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xã Nhơn Phong với 07 thôn là 01 trong 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Nhơn Phong nằm ở phía Đông Bắc của thị xã An Nhơn, cách trung tâm hành chính thị xã khoảng 8 km về phía Bắc. Có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Nhơn Hạnh;
- Phía Tây giáp xã Nhơn An và phường Nhơn Thành;
- Phía Nam giáp xã Nhơn An;
- Phía Bắc giáp huyện Phù Cát.

3. Diện tích tự nhiên, cơ cấu sử dụng đất

Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Phong có 8,20 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 6,19 km², chiếm tỷ lệ 75,49%;
- Đất phi nông nghiệp là 1,91 km², chiếm tỷ lệ 23,29%;
- Đất chưa sử dụng là 0,10 km², chiếm tỷ lệ 1,22%.

4. Dân số, lao động

a) Dân số

Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Phong có 9.863 người, trong đó: dân số thường trú là 9.842 người và dân số tạm trú quy đổi là 21 người.

b) Lao động

Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhơn Phong là 7.054 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.761 người, chiếm 24,96%;
- Lao động phi nông nghiệp là 5.293 người, chiếm 75,04%.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Tình hình kinh tế xã Nhơn Phong trong những năm qua có những bước phát triển mạnh mẽ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và các ngành nghề khác, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành trên địa bàn xã năm 2023 đạt 432,80 tỷ đồng, tăng 11,76% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 72,40 tỷ đồng, tăng 12,63%; thương mại - dịch vụ đạt 157,10 tỷ đồng, tăng 25,99%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 203,30 tỷ đồng, tăng 6,42% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023, kinh tế của xã Nhơn Phong tăng trưởng bình quân đạt 12,64%, trong đó: năm 2021 đạt 10,52%, năm 2022 đạt 12,68% và năm 2023 đạt 14,71%. Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo đúng định hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, trong đó năm 2023, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 12,04%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 50,47% và ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 37,49% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2023 đạt 55,12 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 55,12 tỷ đồng.

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Năm 2023, xã Nhơn Phong chú trọng phát triển các hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng, phát huy các nghề truyền thống của địa phương nhằm giải quyết nhu cầu việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động trên địa bàn. Các doanh nghiệp trên địa bàn mạnh dạng chuyển đổi mô hình, mở rộng sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao năng suất, thu nhập của người lao động được nâng cao rõ rệt. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành năm 2023 của ngành công nghiệp - xây dựng đạt 72,40 tỷ đồng, tăng 12,63% và chiếm 12,04% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ

Xã luôn chú trọng, tập trung đầu tư phát triển nhanh ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn. Năm 2023, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 157,10 tỷ đồng, tăng 25,99% và chiếm 50,47% trong cơ cấu kinh tế. Trên địa bàn xã Nhơn Phong hiện có chợ Cảnh Hàng và chợ Thanh Giang với diện tích từ 2.900 - 3.000 m², đáp ứng tốt nhu cầu giao thương, mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn và các xã, phường lân cận. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 548 cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động có hiệu quả, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

c) Về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ trên địa bàn thị xã An Nhơn nói chung và xã Nhơn Phong nói riêng, cùng với đó là việc tập trung ưu tiên quỹ đất phát triển các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn khiến quỹ đất nông nghiệp ngày một giảm dần. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền và sự nỗ lực của toàn thể

nhân dân trên địa bàn, sự tiên bộ của khoa học kỹ thuật, ngành nông - lâm - ngư nghiệp của xã Nhơn Phong vẫn duy trì tiếp tục phát triển ổn định. Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành ngành nông - lâm - ngư nghiệp của xã đạt 203,30 tỷ đồng, tăng 6,42% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 37,49% trong cơ cấu kinh tế của xã.

- Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng năm 2023 trên địa bàn xã là 929 ha, năng suất bình quân đạt 74,2 tạ/ha, một số diện tích sản xuất dần chuyển sang đất ở, trồng mai cảnh. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 6.603 tấn. Xã đã xây dựng và triển khai phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự năm 2023; tổ chức tổng kết sản xuất năm 2023 và triển khai công tác sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023 - 2024 trên địa bàn.

- Về chăn nuôi: Trên địa bàn xã hiện có tổng đàn trâu, bò 394 con; đàn heo 1.235 con và đàn gia cầm 61.500 con. Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, bệnh lở mồm long móng, bệnh viêm da nổi cục ở bò, nên công tác phát triển tái đàn gặp nhiều khó khăn. Xã chú trọng tổ chức tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc: tiêm phòng lở mồm long móng cho trâu bò; tiêm vắc xin bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò; tiêm phòng dịch cúm gia cầm bổ sung 25.000 con, tiếp tục tiêm chủng trên diện rộng để tái đàn. Công tác tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại hộ chăn nuôi được chú trọng quan tâm thực hiện tốt, công tác kiểm soát giết mổ được tăng cường.

6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã Nhơn Phong hiện có 01 trường mầm non với 06 điểm trường tại 06 thôn; 01 trường tiểu học với 03 điểm trường tại 03 thôn và 01 trường THCS Nhơn Phong, với tổng diện tích 33.798 m², các trường có diện tích bảo đảm từ 460 - 11.322 m²; đạt và vượt mức tối thiểu yêu cầu. Các trường trên địa bàn xã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Kết quả: bậc Mầm non có 181/269 cháu đạt bé ngoan xuất sắc, đạt tỷ lệ 67,2%; tiểu học có 647/650 học sinh xếp loại hoàn thành, đạt tỷ lệ 99,5%, trong đó học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình đạt 100%; THCS có 91 học sinh xếp loại giỏi (đạt tỷ lệ 19,5%), 222 học sinh khá (đạt tỷ lệ 47,5%), 152 học sinh trung bình (chiếm tỷ lệ 32,6%), 02 học sinh yếu (chiếm tỷ lệ 0,4%). Xét tốt nghiệp cho học sinh lớp 9 là 127/127 em, đạt tỷ lệ 100%. Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX thị xã và Hội Phụ nữ xã mở 01 lớp dạy nghề may công nghiệp cho 18 hội viên hội phụ nữ. Tổ chức 05 lớp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn.

b) Y tế và kế hoạch hóa gia đình

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trạm Y tế xã với diện tích 1.100 m², có cơ sở vật chất đạt chuẩn, duy trì hoạt động tốt và bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn. Trong năm

đã tổ chức khám 1.879 lượt bệnh nhân; tiến hành tiêm đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ em, đạt trên 90%; tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai đạt trên 93%; tiêm phòng sởi cho trẻ em, đạt trên 98%.

Giữ vững và duy trì bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền, hưởng ứng thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn, với 08 đợt ra quân dọn vệ sinh phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trên địa bàn xã giảm còn 6,5%; tỷ lệ sinh con thứ 3 còn 8,5%.

c) Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Xã tập trung chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh, của Thị xã về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, bảo đảm tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2023, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt thường xuyên.

Xã Nhơn Phong hiện có 08 khu thể dục thể thao, trong đó có 01 khu thể dục thể thao trung tâm xã với diện tích 5.000 m², đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện thể dục thể thao cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao trên địa bàn xã. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn được tổ chức với nhiều hoạt động mang tính an toàn, tiết kiệm. Tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn xã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, dịch sốt xuất huyết. Sơ kết phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, trên địa bàn xã có 2.364 gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 95,6% và có 07/07 thôn đạt danh hiệu Thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 100%.

d) Chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội trên địa bàn xã được bảo đảm triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là trong các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Trong năm, xã tổ chức thăm, chuyển quà của Chủ tịch Nước, Chủ tịch tỉnh cho các hộ gia đình chính sách và người cao tuổi, chúc thọ, mừng thọ nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 gồm 276 suất, trị giá 84,3 triệu đồng. Hỗ trợ

18 tấn gạo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, neo đơn, người khuyết tật, người bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Tổ chức Tết Trung thu và tặng quà cho trẻ em trên địa bàn xã tại thôn Kim Tài, với tổng giá trị 45,6 triệu đồng. Tổ chức phối hợp với các cấp xây dựng 03 nhà ở cho hộ nghèo, với số tiền 130 triệu đồng; 04 nhà ở cho hộ chính sách, với số tiền 190 triệu. Tổ chức lễ truy điệu cải táng hài cốt liệt sỹ tại nghĩa trang liệt sỹ xã Nhơn Phong. Thắp nến tri ân và viếng hương nghĩa trang liệt sỹ nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/7. Điều tra hộ nghèo năm 2023 trên địa bàn xã: kết quả có 39 hộ nghèo với 127 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ 1,6%), giảm 0,29% so với cùng kỳ, hộ cận nghèo là 59 hộ với 177 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ 2,42%), giảm 1,15% so với cùng kỳ. Giải quyết kịp thời các chế độ cho các đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội.

đ) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn xã Nhơn Phong hiện có 01 trường mầm non với 06 điểm trường tại 06 thôn; 01 trường tiểu học với 03 điểm trường tại 03 thôn và 01 trường THCS Nhơn Phong, với tổng diện tích 33.798 m², các trường có diện tích bảo đảm từ 460 - 11.322 m²; 100% công trình giáo dục trên địa bàn xã đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục; chỉ tiêu đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người đạt 3,32 m²/người.

b) Y tế

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trạm Y tế xã với diện tích 1.100 m², có cơ sở vật chất đạt chuẩn, duy trì hoạt động tốt và bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

c) Văn hóa - thể thao

Xã Nhơn Phong hiện có 08 khu thể dục thể thao, trong đó có 01 khu thể dục thể thao trung tâm xã với diện tích 5.000 m², đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện thể dục thể thao cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao trên địa bàn xã. Chỉ tiêu đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người đạt 1,09 m²/người.

d) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã Nhơn Phong hiện có chợ Cảnh Hàng và chợ Thanh Giang với diện tích từ 2.900 - 3.000 m², đáp ứng tốt nhu cầu giao thương, mua bán, trao

đôi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn và các xã, phường lân cận. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 548 cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động có hiệu quả, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

đ) Nhà ở

Tính đến ngày 31/12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Phong có 2.376 căn nhà, 100% là nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 30,33 m²/người.

8. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Đường tỉnh ĐT.631 có lòng đường 5,5 m bằng bê tông nhựa nối Quốc lộ 1 với đường tỉnh ĐT.640 (thuộc địa phận huyện Tuy Phước), đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 2,97 km. Dọc hai bên tuyến đường dân cư sinh sống tương đối đông đúc, đặc biệt khu vực qua chợ Cảnh Hàng. Các trục giao thông phụ, giao với tuyến ĐT.631 kết nối với xã Nhơn An, xã Cát Nhơn (huyện Phù Cát) và đường trục khu Kinh tế Nhơn Hội nối dài. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các tuyến đường dân sinh liên xã bằng bê tông hoặc đường đất để tiếp cận vào các khu dân cư hiện trạng. Tổng diện tích đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) trên địa bàn xã là 207.640,40 m². Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người đạt 21,05 m²/người.

b) Cấp điện - chiếu sáng

Địa bàn xã có 03 tuyến điện 22KV cung cấp điện cho cụm công nghiệp Nhơn Phong và cấp điện sinh hoạt cho các hộ dân. Ngoài ra còn có các tuyến điện dân sinh cấp điện cho các hộ dân hiện đang sinh sống trong và ngoài khu quy hoạch. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%; chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 459,62 kwh/người/năm.

c) Cấp nước

Địa bàn xã đã có hệ thống cấp nước sạch tập trung dọc theo đường tỉnh ĐT.631 lấy từ trạm Nhơn An. Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Thoát nước mặt: Chỉ có đường tỉnh ĐT.631 có tuyến thoát nước mưa. Còn lại hầu hết nước mưa tự thoát ra đồng ruộng, sông suối trên địa bàn. Mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn xã đạt 9,21 km/km².

- Thoát nước thải sinh hoạt: Hiện trạng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt tại địa phương chưa được đầu tư. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải từng hộ gia đình và thấm trực tiếp vào đất. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 96,80%.

đ) Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt hiện nay cơ bản đã được thu gom và xử lý, tuy nhiên chỉ tập trung tại khu vực dân cư tập trung. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn vẫn còn thấp, khu vực dân cư nông thôn, rải rác bên trong các khu vực đất nông nghiệp chưa tổ chức hệ thống thu gom, chủ yếu xử lý tại hộ gia đình bằng cách chôn lấp, đốt,... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn xã đạt 80,90%.

e) Cảnh quan

Hiện nay, trên địa bàn xã có 52.885,50 m² đất cây xanh, bao gồm các hoa viên, công viên cây xanh, hệ thống cây xanh tại các khu dân cư, bảo đảm đáp ứng các chỉ tiêu về cây xanh, cảnh quan đô thị. Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người đạt 5,36 m²/người.

9. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng quân sự địa phương thường xuyên được quan tâm triển khai và thực hiện có nề nếp; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai,... tăng cường công tác tuần tra nắm tình hình các đối tượng trên địa bàn, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu nhất là trong các dịp lễ, tết; tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2023. Thực hiện tốt công tác giao quân năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu. Tiến hành phát lệnh khám sức khỏe cho thanh niên chuẩn bị nhập ngũ năm 2024 với 72 thanh niên, đã tổ chức khám sức khỏe 72/72 thanh niên, đạt 100% kế hoạch. Tham gia huấn luyện tại Ban chỉ huy quân sự thị xã 16 đồng chí; tham gia tập huấn cán bộ Phó chỉ huy trưởng và Trung đội trưởng DQCD thị xã An Nhơn do Ban chỉ huy quân sự thị xã tổ chức. Tổ chức huấn luyện cho dân quân cơ động gồm 26 đồng chí, tham gia huấn luyện dân quân bình chủng cho 18 đồng chí, huấn luyện dân quân tại chỗ cho 36 đồng chí, tham gia huấn luyện Hội thao cấp thị xã 10 đồng chí. Đăng ký nghĩa vụ quân sự độ tuổi 17 đúng theo quy định, đạt 100% thanh niên tham gia đăng ký. Tổ chức Hội nghị tổng kết gọi công dân nhập ngũ năm 2023, tổ chức thăm chiến sỹ mới.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định; tập trung cao công tác chỉ đạo bảo đảm an ninh trật tự trong dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn. Tham mưu thành lập tổ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn, đội phòng cháy chữa cháy ở cơ sở, tham mưu ban hành kế hoạch phòng chống ma túy và thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Thực hiện việc cấp đổi, cấp mới biển số xe mô tô cho công dân trên địa bàn xã; phối hợp với công an thị xã tiến hành làm CCCD cho nhân dân trên địa bàn và tổ chức tích hợp CCCD cho nhân dân ở mức độ 2 cho 2.460 người.

10. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 24 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 10 người, chiếm 41,67%; trung cấp là 08 người, chiếm 33,33%; trình độ khác là 06 người, chiếm 25,00%.

- Trình độ về lý luận chính trị trung cấp là 11 người, chiếm 45,83%; sơ cấp là 04 người, chiếm 16,67%; chưa qua đào tạo là 09 người, chiếm 37,50%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 19 người: cán bộ 11 người, công chức 08 người. Trong đó:

- Trình độ đại học và trên đại học là 17 người, chiếm 89,47%; trung cấp là 02 người, chiếm 10,53%.

- Trình độ lý luận chính trị trung cấp là 18 người, chiếm 94,74%; chưa qua đào tạo là 01 người, chiếm 5,26%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 07 thôn là 15 người.

B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH THỊ XÃ AN NHƠN

Từ kết quả nghiên cứu khảo cổ học của Viện khảo cổ học và theo Đại Nam nhất thống chí, Bình Định nói chung và An Nhơn nói riêng thuộc đất Việt Thường Thị được hình thành sớm, tương đương với thời Tam Hoàng, Ngũ Đế của Trung Hoa. Vào đời Tần, đất An Nhơn thuộc Tượng quận, đời Hán đặt huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam, đời Tùy đổi thành quận Lâm Ấp. Từ năm 803 đến năm 1470, An Nhơn thuộc Vương quốc Chăm pa cổ đại. Kinh đô của Vương quốc ChămPa là thành Đồ Bàn tồn tại 5 thế kỷ, từ thế kỷ XI đến XV.

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông tháng 4 chiếm thành Đồ Bàn, tháng 7 lập phủ Hoài Nhơn lệ vào Thừa Tuyên Quảng Nam. Phủ Hoài Nhơn khi đó có ba huyện: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. An Nhơn thuộc huyện Tuy Viễn. Năm 1602, Chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Hoài Nhơn thành phủ Quy Nhơn. Phủ thành Quy Nhơn đóng tại thôn Châu Thành, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn ngày nay. Năm 1778, sau khi giải phóng các vùng đất từ Quảng Nam đến Ninh Thuận, nhà Tây Sơn định đô ở An Nhơn, cải tạo và mở rộng thành Đồ Bàn, xây dựng thành Hoàng Đế. An Nhơn trở thành trung tâm chính trị của nhà Tây Sơn khi vua Thái Đức - Nguyễn Nhạc xây dựng thành Hoàng Đế.

Năm 1799, Nguyễn Ánh chiếm thành Hoàng Đế, đổi tên thành Bình Định. Vua Gia Long lấy thành Bình Định làm trị sở của dinh Bình Định. Năm 1832, vua Minh Mạng lập phủ An Nhơn gồm các huyện Tuy Phước và Tuy Viễn, phủ lỵ An Nhơn đặt tại thôn Hòa Cư, xã Nhơn Hưng, đến năm 1852 phủ lỵ dời về thôn

An Thái, xã Nhơn Phúc. Qua nhiều lần điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đến năm 1865, phủ An Nhơn có 4 tổng: Mỹ Đức (19 làng), An Ngãi (26 làng), Nhơn Nghĩa (28 làng), Háo Đức (35 làng). Năm 1939, phủ An Nhơn lập thêm 2 tổng mới, tách tổng Nhơn Nghĩa thành Nhơn Nghĩa Thượng và Nhơn Nghĩa Hạ, tách tổng Háo Đức thành Háo Đức Thượng và Háo Đức Hạ, phủ lỵ An Nhơn chuyển về phường Bình Định ngày nay. Trong suốt giai đoạn này, đất An Nhơn là nơi chứng kiến, ghi dấu ấn sâu sắc của nhiều sự kiện lịch sử, văn hóa lớn của đất nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến tháng 02/1946, chính quyền cách mạng đổi phủ thành huyện, bỏ cấp tổng, sáp nhập 108 làng và chia thành 31 xã. Đến tháng 4/1947, huyện An Nhơn được sắp xếp thành 12 xã và lấy chữ “Nhơn” làm chữ đầu đặt tên cho các xã. Sau năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đổi huyện An Nhơn thành quận An Nhơn với 13 đơn vị hành chính, gồm các xã: Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn Hoà, Nhơn Hưng, Nhơn Khánh, Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, Nhơn Thành, Nhơn Thọ.

Sau năm 1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập trên cơ sở 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, thị xã An Nhơn lúc bấy giờ thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Ngày 24/3/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 127-CP về việc điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Theo đó, thành lập xã Nhơn Tân thuộc huyện An Nhơn trên cơ sở một phần của xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Lộc.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Theo đó, chia tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Huyện An Nhơn được tái lập thuộc tỉnh Bình Định, với 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

Ngày 28/11/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 101/NQ-CP về việc thành lập thị xã An Nhơn và thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thị xã An Nhơn có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 05 phường (Nhơn Thành, Đập Đá, Nhơn Hưng, Bình Định, Nhơn Hòa), 10 xã (Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân) và tồn tại cho đến ngày này.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ VAI TRÒ CHỨC NĂNG

1. Vị trí địa lý

Thị xã An Nhơn nằm ở phía Nam của tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 17 km về phía Tây Bắc, cách Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát khoảng 8 km về phía Nam, trong đó một phần diện tích cảng hàng không Quốc tế Phù Cát nằm trên địa bàn thị xã An Nhơn. Phía Đông giáp huyện Tuy Phước; phía Tây giáp huyện Tây Sơn; phía Nam giáp huyện Vân Canh và Tuy Phước; phía Bắc giáp huyện Phù Cát.

Thị xã An Nhơn có hệ thống giao thông phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại, bao gồm: đường bộ, đường sắt và đường hàng không, với Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn thị xã dài 14,1 km; tuyến tránh Quốc lộ 1 dài 8,5 km; Quốc lộ 19 qua địa bàn thị xã dài 14,3 km kết nối cảng biển quốc tế Quy Nhơn với các tỉnh thuộc khu vực vùng Bắc Tây Nguyên qua các cửa khẩu quốc tế Đức Cơ, Bờ Y và vùng biên giới 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia, là một trong những tuyến đường quan trọng trong hệ thống trục ngang ở miền Trung Việt Nam hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi liên kết Đông - Tây, thúc đẩy giao lưu kinh tế, hợp tác phát triển; Quốc lộ 19B đoạn qua thị xã dài 7,8 km, là tuyến kết nối đường ven biển - Quốc lộ 1 - sân bay Phù Cát - Quốc lộ 19; đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài 1,8 km, kết nối với thành phố Quy Nhơn về phía Đông Nam. Về đường sắt có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua dài 12 km và ga tránh Bình Định. Trong thời gian tới khi dự án đường cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định hoàn thành sẽ rút ngắn thời gian di chuyển từ Quảng Ngãi đến thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn xuống còn hơn 1 giờ, đồng thời phát huy hiệu quả khai thác của tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi và hầm Cù Mông. Dự án đường sắt có tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến Quy Nhơn - Pleiku, tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh, thuận tiện cho việc đi lại và giao thương hàng hóa từ thị xã An Nhơn đến các khu vực khác trong tỉnh, cả nước và quốc tế.

2. Vai trò, tính chất

Với những lợi thế về vị trí địa lý trong tỉnh nói riêng và liên vùng nói chung, thị xã An Nhơn có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng vai trò quan trọng về phát triển công nghiệp, phát triển đô thị của tỉnh Bình Định. Là địa bàn cầu nối mở rộng hợp tác, liên kết không gian phát triển kinh tế và đô thị giữa thành phố Quy Nhơn, vùng phụ cận với hành lang kinh tế dọc Quốc lộ 19 và khu vực công nghiệp trọng điểm phía Nam Quốc lộ 19. Là địa bàn để mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ trong khu vực tam giác phát triển An Nhơn - Quy Nhơn - Nhơn Hội, cân bằng mật độ tập trung công nghiệp, là địa bàn để phát triển các cơ sở dịch vụ mới trong tình hình quỹ đất ở thành phố Quy Nhơn đang dần lấp đầy và quá tải.

Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định đến năm 2025, An Nhơn là đô thị loại III và trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Bình Định. Đến năm 2030, An Nhơn là 01 trong 21 đô thị và là 01 trong 02 đô thị loại III thuộc tỉnh Bình Định, với định hướng là đô thị phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Nam tỉnh Bình Định; là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quy Nhơn và ngược lại, có các chức năng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông đa năng.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 xác định

mục tiêu: Phát huy lợi thế vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế biển, xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng. Nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á. Trong đó, thị xã An Nhơn được xác định thuộc Tiểu vùng số 1 trong 2 vùng không gian phát triển của tỉnh Bình Định, thuộc trục hành lang kinh tế Đông - Tây dọc tuyến Quốc lộ 19, là một trong các trung tâm động lực vùng quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, được định hướng là một trong các trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Bình Định; phát triển công nghiệp dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông vùng - quốc gia; phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế.

Tại Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035 xác định tính chất, mục tiêu đô thị An Nhơn là đô thị tiểu vùng số 1 theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh với chức năng là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh; đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận, định hướng phát triển công nghiệp trên lợi thế về đầu mối giao thông của Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Quốc lộ 19B; phát triển du lịch gắn với văn hóa, lịch sử Chăm-pa, Thành Hoàng Đế.

III. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Địa hình

Địa hình thị xã An Nhơn tương đối bằng phẳng, thấp dần từ Tây sang Đông, hướng nghiêng ra biển, cao độ trung bình khoảng 20m so với mực nước biển, gồm hai dạng chính:

- Địa hình đồng bằng: chủ yếu ở các phường: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và các xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Phong, Nhơn An, Nhơn Khánh, Nhơn Phúc.

- Địa hình đồi núi thấp phân bố ở các xã, phường còn lại thuộc khu vực phía Nam của thị xã, ven Quốc lộ 19 và khu vực phía Tây.

Nhìn chung, địa hình của thị xã An Nhơn thuận lợi cho cơ giới hóa đồng ruộng, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa với các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến và thuận lợi cho xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển mạng lưới giao thông trong tỉnh và giao thông liên vùng, thuận lợi cho quy hoạch xây dựng, phát triển công nghiệp, đô thị và thương mại dịch vụ, du lịch.

2. Khí hậu

An Nhơn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, được chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, chịu ảnh hưởng của gió Tây và gió Tây Nam. Từ tháng 5 đến tháng 8 có gió Nam hay còn gọi là gió Lào khô, nóng. Mùa mưa từ

tháng 9 đến tháng 12 chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông - Bắc. Hằng năm, thường có mưa nhiều vào tháng 10, tháng 11, chiếm 60% lượng mưa cả năm. Tổng số ngày mưa trong năm là 130 ngày, độ ẩm tương đối trung bình 81%. Số giờ nắng trung bình trong năm là 2.500 giờ. Số giờ nắng trung bình ngày từ 6 - 8 giờ. Nhiệt độ trung bình trong năm là 25°C.

Với nền nhiệt độ cao đều trong năm và lượng mưa tương đối lớn thuận lợi cho đa dạng hóa cây trồng, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng. Tuy nhiên do lượng mưa phân bố không đều và hay có bão hàng năm nên có ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông, lâm nghiệp.

2. Thủy văn

Thị xã An Nhơn có hệ thống sông ngòi khá dày chày trên địa bàn và phân bố tương đối đồng đều với mật độ cao. Trong đó quan trọng nhất là sông Côn với 03 nhánh sông chính: sông Đập Đá, sông Gò Chàm và sông Tân An, tiếp với sông An Tượng chia thành năm nhánh phân bố đều trên địa bàn thị xã, cùng với Hồ Núi Một và mạng lưới kênh mương nhân tạo đã tạo nên cảnh quan đa dạng, thuận lợi cho quy hoạch đầu tư xây dựng và phát triển toàn diện đô thị.

Sông Côn (còn gọi là sông Kôn hoặc sông Kone) là dòng sông lớn nhất của tỉnh Bình Định, sông dài 171 km. Lưu vực sông có diện tích 2.980 km², độ dốc bình quân lưu vực khoảng 0,2°, chảy qua địa bàn thị xã An Khê thuộc tỉnh Gia Lai, huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Vân Canh, An Nhơn và Tuy Phước thuộc Bình Định. Dòng có tên sông Côn bắt nguồn từ phía Bắc xã An Toàn huyện An Lão, chảy về hướng Tây Nam rồi Nam và hợp lưu với sông Say ở rìa Bắc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh. Sau đó sông chảy theo hướng Đông Nam qua huyện Vĩnh Thạnh nơi có hồ Vĩnh Sơn, thủy điện Vĩnh Sơn, hồ Định Bình, huyện Tây Sơn để rồi gặp các nhánh nhỏ bắt nguồn từ An Khê và Vân Canh tạo thành dòng lớn hơn. Đoạn giữa ở huyện Tây Sơn có tên là sông Hà Giao. Sau đó nó tiếp tục chảy qua thị xã An Nhơn và gặp một nhánh khác từ hồ Núi Một (Vân Canh) chảy xuống.

Hệ thống sông ngòi An Nhơn đều chảy theo hướng từ Tây sang Đông, lưu vực nhỏ ngắn, đa số các nhánh sông đều bắt nguồn từ vùng miền núi phía Tây có độ dốc lớn, lòng sông hẹp, ít bãi bồi, về phía hạ lưu lòng sông mở rộng. Chế độ nước của các sông phụ vào chế độ mưa. Vào mùa mưa, lượng nước sông dâng cao gây hiện tượng lụt khu vực ven sông; mùa khô, lượng nước các sông cạn kiệt gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Ngoài ra, do ở gần các cửa biển nên chế độ nước của các sông trên địa bàn thị xã chịu ảnh hưởng của thủy triều biển Đông, đặc biệt là vào mùa khô nước các sông cạn kiệt nguồn nước mặn xâm nhập gây nhiễm mặn, phèn khu vực ven sông.

3. Tài nguyên thiên nhiên

a) Tài nguyên đất

Đất đai trên địa bàn thị xã An Nhơn được hình thành từ 2 nguồn gốc do phong hóa đá mẹ tại chỗ và đất thủy thành. Cụ thể gồm 5 nhóm với các loại đất

chính như sau:

- Nhóm đất cát có diện tích 160 ha, chiếm 0,66% diện tích tự nhiên của thị xã An Nhơn, phân bố thành những dải hẹp hoặc bãi rộng ven sông Côn thuộc xã Nhơn Phúc, Nhơn Mỹ.

- Nhóm đất phù sa có diện tích khoảng 7.641 ha, chiếm 31,55% diện tích tự nhiên của thị xã An Nhơn, được hình thành do quá trình bồi đắp phù sa của sông Côn và các sông suối nhỏ khác.

- Nhóm đất giây có diện tích khoảng 3.044 ha, chiếm 12,57% diện tích tự nhiên của thị xã An Nhơn, phân bố chủ yếu ở khu vực phía Đông của thị xã, trên địa bàn các xã, phường: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Thành, Nhơn Mỹ, Nhơn An, Nhơn Hưng, Nhơn Hòa, Nhơn Hạnh và Nhơn Phong.

- Nhóm đất xám có diện tích khoảng 7.150 ha, chiếm 29,52% diện tích tự nhiên của thị xã An Nhơn, phân bố ở các xã, phường: Đập Đá, Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Mỹ, Nhơn Lộc, Nhơn Hậu, Nhơn Hòa, Nhơn Phúc và Nhơn Thành.

- Nhóm đất tầng mỏng có diện tích khoảng 1.292 ha, chiếm 5,34% diện tích tự nhiên của thị xã An Nhơn, phân bố chủ yếu ở Nhơn Hòa, Nhơn Mỹ, Nhơn Thọ, Nhơn Thành, Nhơn Hậu và Nhơn Phong.

Nhìn chung, thị xã An Nhơn có lớp phủ thổ nhưỡng khá đa dạng, đã và đang được sử dụng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

b) Tài nguyên nước

Nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn thị xã An Nhơn là nước mưa tại chỗ, nguồn bổ sung từ sông Côn và nguồn nước ngầm. Trữ lượng nước có khả năng đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp và dân sinh.

- Nguồn nước mặt: nguồn nước từ sông Côn và hồ Núi Một được dẫn qua hệ thống kênh, rạch là nguồn nước mặt chủ yếu, quan trọng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên do lưu vực các sông trên địa bàn hẹp, xuống thấp vào mùa khô nên thường gây thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Chất lượng nước mặt cũng diễn biến theo mùa. Ngoài ra lượng mưa hàng năm cũng là nguồn nước ngọt chính, quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống.

- Nguồn nước ngầm: hiện chưa có số liệu cụ thể đánh giá trữ lượng nước ngầm trên địa bàn thị xã An Nhơn. Tuy nhiên theo khảo sát sơ bộ của tỉnh Bình Định, thị xã An Nhơn nằm trong khu vực triển vọng có trữ lượng nước ngầm khá dồi dào, chất lượng tốt, có thể khai thác cho sản xuất và sinh hoạt ở độ sâu trung bình 20 m. Hiện tại đã có 9 giếng dọc sông Tân An cung cấp cho thành phố Quy Nhơn, về lâu dài có khả năng cung cấp nước cho An Nhơn và các vùng lân cận.

c) Tài nguyên rừng

Theo số liệu kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023, thị xã An Nhơn có 5.739,07 ha diện tích đất rừng, trong đó: đất rừng phòng hộ là 1.416,93 ha và đất rừng sản xuất là 4.322,14 ha. Tài nguyên rừng của thị xã An Nhơn không phong phú, chất lượng rừng kém nên khó có thể bảo vệ nguồn nước vào mùa khô gây nên tình trạng khô hạn, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

d) Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của thị xã An Nhơn không đa dạng về chủng loại nhưng có một số loại khoáng sản có trữ lượng khá lớn, có giá trị cao trong công nghiệp như: đá xây dựng có trữ lượng ước tính hàng triệu m³, bao gồm các loại đá làm vật liệu xây dựng thông thường và vật liệu xây dựng cao cấp. Ngoài ra còn có một số loại khoáng sản khác tuy nhiên trữ lượng không lớn và chưa có những đánh giá đầy đủ về trữ lượng cũng như chất lượng,... Tuy nhiên, cũng tồn tại một số loại có tính chất vật liệu như sét, gạch ngói và cát sông.

đ) Tài nguyên nhân văn và du lịch

An Nhơn là kinh đô xưa của Vương quốc Chăm-pa và là kinh đô dưới triều Tây Sơn. Người dân nơi đây cần cù và khéo léo, được mệnh danh là vùng đất “trăm nghề”, nhiều ngành nghề thủ công, mỹ nghệ còn tồn tại và nổi tiếng khắp cả nước, đây cũng là một động lực phát triển kinh tế của thị xã hiện nay.

Toàn thị xã có nhiều làng nghề thủ công mỹ nghệ, trong đó có 24 làng nghề thủ công truyền thống đã được tỉnh công nhận, khôi phục và phát triển, có thị trường đầu ra ổn định, thu hút và giải quyết việc làm cho hơn 8.000 lao động. So sánh với các địa phương khác trong tỉnh, làng nghề tại thị xã An Nhơn phát triển nhanh theo hướng gắn với công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống trong sản phẩm và kinh doanh du lịch.

IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ THÀNH PHẦN DÂN CƯ

1. Diện tích tự nhiên, cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

a) Theo số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2023, thị xã An Nhơn có 244,49 km² diện tích tự nhiên, bằng 4,03% diện tích tự nhiên của tỉnh Bình Định (diện tích tự nhiên của tỉnh Bình Định theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022 là 6.066,40 km² tại Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường). Trong đó:

- Diện tích khu vực nội thị (gồm các phường: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hưng, Nhơn Thành, Nhơn Hòa và các xã: Nhơn Lộc, Nhơn An, Nhơn Phúc, Nhơn Hậu, Nhơn Thọ, Nhơn Phong) là 144,33 km²;

- Diện tích khu vực ngoại thị (các xã: Nhơn Khánh, Nhơn Hạnh, Nhơn Tân, Nhơn Mỹ) là 100,16 km².

b) Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

- Đất nông nghiệp là 171,89 km², chiếm tỷ lệ 70,31%;
- Đất phi nông nghiệp là 62,86 km², chiếm tỷ lệ 25,71%;
- Đất chưa sử dụng là 9,74 km², chiếm tỷ lệ 3,98%.

2. Dân số, lao động, dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng

a) Dân số

- Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, thị xã An Nhơn có quy mô dân số 208.396 người, trong đó: dân số thường trú là 207.615 người và dân số tạm trú quy đổi là 781 người.

+ Quy mô dân số khu vực nội thị (gồm các phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và các xã Nhơn Lộc, Nhơn An, Nhơn Phúc, Nhơn Hậu, Nhơn Thọ, Nhơn Phong) là 164.095 người, trong đó: dân số thường trú là 163.422 người và dân số tạm trú quy đổi là 673 người;

+ Quy mô dân số ngoại thị (các xã Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân) là 44.301 người, trong đó: dân số thường trú là 44.193 người và dân số tạm trú quy đổi là 108 người.

- Mật độ dân số của toàn thị xã tính trên diện tích tự nhiên là 852 người/km², mật độ dân số khu vực nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 10.052 người/km². Mật độ dân số thị xã An Nhơn khá cao so với mật độ dân số chung của toàn tỉnh. Nhìn chung, trên địa bàn thị xã, dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm các xã, phường, khu kinh doanh, sản xuất và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

Thị xã An Nhơn đang dần phát triển theo hướng đô thị công nghiệp nên có tốc độ đô thị hóa nhanh và ổn định, dẫn đến tỷ lệ tăng dân số tương đối cao so với các huyện, thị khác trong tỉnh. Biến động về dân số chủ yếu do lao động nhập cư về các khu, cụm công nghiệp,... trên địa bàn thị xã và các khu vực lân cận.

b) Lao động

Năm 2023, dân số trong độ tuổi lao động của thị xã An Nhơn là 150.545 người (chiếm 72,24% dân số của thị xã). Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 145.487 người, gồm: lao động phi nông nghiệp là 109.203 người, chiếm tỷ lệ 75,06%; lao động nông nghiệp là 36.284 người, chiếm tỷ lệ 24,94%.

- Dân số trong độ tuổi lao động khu vực nội thị là 116.704 người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 113.297 người, gồm: lao động phi nông nghiệp là 90.999 người, chiếm tỷ lệ 80,32%; lao động nông nghiệp là 22.308 người, chiếm tỷ lệ 19,69%.

- Dân số trong độ tuổi lao động khu vực ngoại thị là 33.841 người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 32.190 người, gồm: lao động phi nông nghiệp khu vực ngoại thị là 18.204 người, chiếm tỷ lệ 56,55%; lao động nông nghiệp khu vực ngoại thị là 13.986 người, chiếm tỷ lệ 43,45%.

c) Dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng

Trên địa bàn thị xã An Nhơn dân tộc Kinh là chủ yếu. Có 05 tôn giáo được Nhà nước công nhận đang hoạt động, đó là: Phật giáo, Cao đài, Công giáo, Tin lành, Minh Sư đạo. Nhìn chung hoạt động của các tôn giáo ổn định, trật tự an toàn xã hội trong vùng có đồng bào tôn giáo được bảo đảm. Các chức sắc tôn giáo, đồng bào theo đạo cùng với nhân dân sống hòa thuận, đa số có đời sống kinh tế phát triển khá, tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, song với sự đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực, quyết tâm cao của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn, An Nhơn đã đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch phát triển đề ra. Kinh tế công nghiệp - xây dựng đã trở thành trụ cột trong cơ cấu kinh tế của thị xã. Kéo theo đó là đô thị phát triển, dịch vụ tăng tốc, an sinh xã hội bảo đảm, an ninh, trật tự được giữ vững, đời sống người dân ngày một tăng cao.

Những năm gần đây kinh tế thị xã phát triển với tốc độ nhanh, cơ cấu kinh tế định hình rõ rệt và chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm mạnh tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Vào những năm đầu khi trở thành đô thị loại IV và đến nay là đô thị loại III, ngành công nghiệp - xây dựng vẫn tiếp tục phát triển nhanh và ổn định, đem lại giá trị rất lớn; bên cạnh đó ngành dịch vụ, thương mại cũng phát triển tương xứng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn.

1. Về tăng trưởng kinh tế

Năm 2023, tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và tỉnh có nhiều biến động phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thị xã đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh có xu hướng phục hồi tích cực và đời sống người dân, thu nhập người lao động được cải thiện.

Hiện tại, trên địa bàn thị xã An Nhơn có 01 khu công nghiệp (Nhơn Hòa), 10 cụm công nghiệp và 24 làng nghề, giải quyết việc làm cho khoảng hơn 30.000 lao động tại chỗ và khu vực lân cận. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành năm 2023 đạt 39.673,3 tỷ đồng, tăng 19,96% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 100,52% so với kế hoạch. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 27.037,50 tỷ đồng, tăng 20,45%; thương mại - dịch vụ đạt 8.728,02 tỷ đồng, tăng 22,75%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 3.907,82 tỷ đồng, tăng 11,19% so với cùng kỳ năm 2022. Giai đoạn 2021 - 2023 kinh tế của thị xã An Nhơn tăng trưởng bình

quân đạt 13,67%, trong đó: năm 2021 đạt 8,50%, năm 2022 đạt 16,51% và năm 2023 đạt 16,00%.

Giá trị sản xuất các ngành của thị xã An Nhơn giai đoạn 2021 - 2023:

Chỉ tiêu/năm	2021	2022	2023
GTSX theo giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	18.522,62	21.580,40	25.032,19
Thương mại - Dịch vụ	3.899,16	4.638,17	5.500,12
Công nghiệp - Xây dựng	12.721,38	15.011,31	17.507,20
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	1.902,08	1.930,92	2.024,87
GTSX theo giá hiện hành (tỷ đồng)	28.363,18	33.072,10	39.673,3
Thương mại - Dịch vụ	6.152,48	7.110,50	8.728,02
Công nghiệp - Xây dựng	18.739,32	22.447,04	27.037,50
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	3.471,38	3.514,56	3.907,82

2. Về cơ cấu kinh tế

Năm 2023, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 71,49%; thương mại - dịch vụ chiếm 18,29%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 10,22% trong cơ cấu kinh tế của thị xã An Nhơn.

Cơ cấu kinh tế của thị xã An Nhơn giai đoạn 2021 - 2023:

Chỉ tiêu/năm	2021	2022	2023
Thương mại - Dịch vụ (%)	17,53	17,86	18,29
Công nghiệp - Xây dựng (%)	70,94	71,69	71,49
Nông - Lâm - Ngư nghiệp (%)	11,53	10,45	10,22

3. Thu nhập bình quân đầu người

Năm 2023, các hoạt động sản xuất kinh doanh được khôi phục và phát triển nhanh chóng trở lại sau đại dịch Covid-19 năm 2021, nên thu nhập của người dân trên địa bàn thị xã tiếp tục tăng và đạt ở mức cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn thị xã năm 2023 đạt 5,21 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,34 triệu đồng/người/tháng so với năm 2022. Thu nhập bình quân đầu người của thị xã An Nhơn so với thu nhập bình quân đầu người cả nước đạt 1,05 lần.

4. Thu, chi ngân sách

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt thị xã An Nhơn năm 2023 đạt 2.285,26 tỷ đồng, trong đó tổng thu ngân sách nhà nước thị xã được hưởng là 2.145,11 tỷ đồng.

b) Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã đạt 2.113,46 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 624,82 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển là 1.080,75 tỷ đồng.

5. Phát triển ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp - xây dựng

Những năm qua, do tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn thị xã có chuyển biến tích cực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ đã góp phần thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thành lập mới và mở rộng sản xuất, kinh doanh. Các doanh nghiệp trên địa bàn thích nghi tốt với cơ chế thị trường, nhanh nhạy trong điều hành sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường, linh hoạt tiếp cận các nguồn vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Năm 2023, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng theo giá hiện hành trên địa bàn thị xã đạt 27.037,50 tỷ đồng, tăng 20,45% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 71,69% trong cơ cấu kinh tế của thị xã. Trên địa bàn thị xã hiện có 01 khu công nghiệp Nhơn Hòa, 12 cụm công nghiệp và 24 làng nghề thủ công truyền thống đã được tỉnh công nhận và khôi phục, phát triển cụ thể:

- Khu công nghiệp:

Khu công nghiệp Nhơn Hòa là khu công nghiệp lớn của tỉnh do doanh nghiệp là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, có tổng diện tích là 315 ha, giai đoạn 1 đã hoàn thành và lấp đầy với tổng diện tích đất cho doanh nghiệp thuê 105 ha (33 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư ước đạt trên 5.000 tỷ đồng). Hiện nay chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng đã tiến hành đầu tư mở rộng KCN Nhơn Hòa giai đoạn 2 với diện tích tăng thêm 80 ha. Đến nay, công ty đã cơ bản hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phần mở rộng KCN giai đoạn 2 với diện tích 79,5 ha, tổng số tiền chi trả cho người dân vùng bị ảnh hưởng hơn 120 tỷ đồng. Cùng với đó, Công ty đã đầu tư hơn 100 tỷ đồng xây dựng hệ thống đường giao thông, điện, viễn thông, công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước thải..., bảo đảm giao đất sạch cho nhà đầu tư thứ cấp. Khu công nghiệp Nhơn Hòa được chính quyền tỉnh đánh giá là điểm sáng thu hút đầu tư trong nước và quốc tế, tiến độ lấp đầy khá nhanh với nhiều dự án có quy mô lớn.

- Cụm công nghiệp:

Trên địa bàn thị xã hiện có 10 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động và thu hút đầu tư với tổng diện tích 361,3 ha. Trong đó, có 09 cụm công nghiệp đã được lấp đầy, gồm: Bình Định, Gò Đá Trắng, Thanh Liêm, Nhơn Hòa, Tân Đức, Đồi hỏa sơn, An Trường, Nhơn Tân 1, An Mơ. Còn lại cụm công nghiệp Nhơn Tân với tổng diện tích 25 ha, đã và đang được đầu tư hoàn thiện hạ tầng, thu hút nhà đầu tư.

- Làng nghề:

Ngoài việc tăng cường thu hút đầu tư ở các lĩnh vực công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp trên địa bàn. Các làng nghề truyền thống cũng được quan tâm, chú trọng đầu tư. Hiện nay, các làng nghề thủ công truyền thống trên địa bàn thị xã An Nhơn đã có thị trường ổn định, thu hút lượng lớn lao động thường xuyên, trong đó có các lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề cao đạt trình độ nghệ

nhân, sản phẩm các làng nghề không chỉ tiêu thụ ở thị trường trong nước mà còn được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan,... trong đó có nhiều làng nghề đóng góp lớn cho giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp cho địa phương như rượu, đúc đồng, gỗ mỹ nghệ, nước mắm. So sánh với các địa phương khác trong tỉnh, các làng nghề tại thị xã An Nhơn phát triển nhanh theo hướng gắn với công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống trong sản phẩm và kinh doanh du lịch.

Trong năm, trên địa bàn thị xã có 33 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp, xây dựng mới được thành lập, với tổng vốn đăng ký 333,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thị xã tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của thị xã về chỉnh trang đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng,... giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng trưởng khá là do hoạt động sản xuất có hiệu quả của nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Nhơn Hòa, các cụm công nghiệp Bình Định, Nhơn Hòa, Đồi Hòa Sơn, Gò Đá Trắng với các ngành nghề sản xuất như: chế biến thức ăn chăn nuôi tăng 17,14%; sản xuất đồ uống tăng 14,45%; ngành dệt tăng 6,38%; sản xuất trang phục tăng 22,25%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 1,76%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ tăng 29,39%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 8,55%; gạch xây dựng tăng 5,4%; sản xuất và phân phối điện tăng 19,34% (thủy điện Hồ Núi I, điện mặt trời), hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải tăng 3,76%,...

Trên địa bàn thị xã hiện có 192 doanh nghiệp với 9.712 lao động tham gia hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, trong đó: khu công nghiệp Nhơn Hòa có 48 doanh nghiệp với 2.531 lao động (36 doanh nghiệp đang hoạt động; 12 doanh nghiệp đang xây dựng hoặc lập thủ tục đầu tư). Trong cụm công nghiệp có 111 cơ sở, doanh nghiệp với 3.884 lao động, trong đó có 92 doanh nghiệp đang hoạt động; 19 doanh nghiệp đang xây dựng hoặc lập thủ tục đầu tư.

b) Thương mại - dịch vụ

Thị xã An Nhơn tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Thêm vào đó, việc hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần quan trọng vào việc phát triển mạnh mẽ của ngành thương mại - dịch vụ trong thời gian qua. Thị xã luôn chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có chất lượng và giá trị tăng cao gắn với phát triển công nghiệp, đô thị theo hướng văn minh, hiện đại. Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ theo giá hiện hành năm 2023 đạt 8.728,02 tỷ đồng, tăng 22,75% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 18,29% trong cơ cấu kinh tế của thị xã. Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ có sự tăng trưởng là do sức tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trong thời gian phục vụ Tết Nguyên đán, hoạt động khá ổn định của trung tâm thương mại An Nhơn, chợ An Nhơn, Đập Đá và các chợ trên địa bàn,... Trong năm, trên địa bàn thị xã có 70 doanh nghiệp hoạt động thương mại, dịch vụ mới được thành lập với tổng vốn đăng ký hơn 788,8 tỷ đồng.

Hệ thống dịch vụ tài chính, tiền tệ phát triển mạnh, bền vững, đáp ứng tốt nhu cầu vốn của các thành phần kinh tế. Hệ thống ngân hàng thương mại tăng mạnh về số lượng và quy mô, đến nay, trên địa bàn thị xã có nhiều ngân hàng thương mại hoạt động như Agribank, Vietcombank, Vietinbank, Sacombank, Techcombank,... đáp ứng tốt nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và nhân dân. Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại được chú trọng, góp phần bình ổn thị trường, bảo vệ quyền tiêu dùng cho người dân, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, nâng cao chất lượng và giá trị hàng hóa, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

Với những tiềm năng to lớn hiện có, kết hợp với tốc độ phát triển của ngành công nghiệp và các làng nghề, trong tương lai, khi các tuyến giao thông đối ngoại kết nối với các khu vực phát triển khác ở phía Nam tỉnh hình thành rõ nét, thị xã An Nhơn sẽ là nơi thu hút và phát triển mạnh dịch vụ, đặc biệt là loại hình dịch vụ đa ngành quy mô lớn cấp vùng.

c) Nông - lâm - thủy sản

Thị xã chú trọng thực hiện chủ trương về “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định”, chú trọng việc nâng cao giá trị sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - nuôi trồng thủy sản. Theo đó, ngành nông nghiệp đã cơ cấu lại sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, bảo đảm thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển xanh và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu.

- Về trồng trọt - chăn nuôi:

Thị xã chú trọng tập trung sản xuất nông nghiệp đạt kế hoạch đề ra trong năm 2023. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 17.130 ha, giảm 418,3 ha. Công tác dự tính, dự báo và hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hiệu quả. Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 98.758 tấn. Tiếp tục duy trì cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm có tiêu thụ sản phẩm. Tổng diện tích liên kết sản xuất 1.052,4 ha, đạt 81% kế hoạch, giảm 181 ha so cùng kỳ năm 2022. Triển khai các mô hình khuyến nông năm 2023 với 02 mô hình “Thâm canh lúa cải tiến (SRI) trên giống lúa chất lượng cao ST25” tại Nhơn An (07 ha) và Nhơn Thọ (04 ha). Đồng thời phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai 02 mô hình “Sản xuất một số giống hoa ngắn ngày phục vụ phát triển làng nghề trồng hoa - trồng Lan Dendro cắt cành”; mô hình “Nuôi cá thát lát cườm thương phẩm trong hồ chứa thủy lợi gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm” và tham gia Dự án rau an toàn của tỉnh tại Nhơn Hưng,...

Tình hình chăn nuôi ổn định, hộ chăn nuôi đang thực hiện tái đàn, nuôi mới. Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, công tác quản lý dịch bệnh được tăng cường. Một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như cúm gia cầm, tai xanh ở đàn heo, dịch tả lợn Châu Phi, lở

mồm long móng ở gia súc, viêm da nổi cục trên trâu, bò được kiểm soát tốt. Năm 2023, trên địa bàn thị xã số lượng đàn trâu có 1.028 con, đạt 93,1% kế hoạch; đàn lợn có 87.426 con, đạt 102,2% kế hoạch; bò có 33.934 con, đạt 100,4% kế hoạch; gia cầm trên 1.355 triệu con, đạt 100,1% kế hoạch. Công tác tiêm phòng triển khai đúng quy định. Trong năm đã tiêm vaccine cúm gia cầm cho 472.626 con gia cầm (gà 168.892 con và vịt 303.734 con); vaccine lở mồm long móng ở trâu, bò đợt I/2023 tiêm được 21.899 con, đạt tỷ lệ 86,9% và đợt II/2023 tiêm được 21.076 con, đạt tỷ lệ trên 87,2%; vaccine viêm da nổi cục cho trâu bò được 972 con. Công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ được tăng cường. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng đúng quy định, số lượng hóa chất đã sử dụng 1.080 lít. Công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ được tăng cường.

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cây Mai trồng trên đất trồng lúa gắn với kế hoạch di dời Mai đến điểm sản xuất tập trung thực hiện Đề án phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An. Thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp cho 03 đơn vị gồm HTX Mai vàng Nhơn An, Nhơn Hạnh và Rau an toàn Lá làng Nhơn Hưng. 20/20 các HTX nông nghiệp đã tổ chức đại hội thường niên theo quy định để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và triển khai phương án hoạt động năm 2024.

- Về công tác thủy lợi - phòng chống thiên tai:

Thị xã xây dựng, triển khai phương án phòng chống hạn, nhiễm mặn và cháy rừng trong mùa khô năm 2023; cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thị xã; triển khai thực hiện công tác đầu tư nạo vét, khai thông dòng chảy trên các tuyến mương, suối, kênh, rạch theo kế hoạch năm 2023. Công tác chuẩn bị phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” ứng phó với bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất; kế hoạch sơ tán dân ứng phó mưa bão và công tác bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, đê kè và khơi thông dòng chảy trên sông trước mùa mưa bão,... Thị xã đã đề nghị tỉnh và các ngành chức năng hỗ trợ đầu tư các tuyến đê, kè, công trình đã đăng ký và bổ sung vào danh mục đầu tư trung hạn 2021 - 2025 với 75 tuyến đê dài 65,15 km; 57 nhà trạm bơm, thiết bị máy móc và 05 đập dâng. Đề nghị Trung ương và tỉnh có kế hoạch sửa chữa cầu, cống trên tuyến Quốc lộ 1 và Quốc lộ 19.

- Về phát triển nông thôn:

+ Nông thôn mới: Thị xã An Nhơn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào năm 2018. Đến cuối năm 2023 có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trong đó: Xã Nhơn Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021; hai xã Nhơn Lộc và Nhơn An đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022; hai xã Nhơn Tân và Nhơn Khánh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, phát động phong trào xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu, qua đó khen thưởng cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Nông thôn mới nâng cao.

+ Chương trình OCOP: Triển khai kế hoạch thực hiện chương trình OCOP giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch năm 2023. Đến cuối năm 2023, toàn thị xã có 41 sản phẩm OCOP còn hạn, trong đó có 09 sản phẩm đạt 4 sao và 32 sản phẩm đạt 3 sao. Phối hợp cùng các cơ quan liên quan với các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh, tăng cường quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại,... kết hợp tuyên truyền vận động các chủ thể khác hoàn thiện sản phẩm và đăng ký tham gia chương trình OCOP các năm tiếp theo.

VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội luôn được thị xã quan tâm, chú trọng và có những chuyển biến tích cực, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác xã hội hóa giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân; cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân; tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm, tết Nguyên đán và các sự kiện quan trọng của địa phương; công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được duy trì thường xuyên.

1. Về giáo dục - đào tạo

Ngành giáo dục An Nhơn tập trung đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành giáo dục; quan tâm chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại. Các dự án đầu tư xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia đang tiếp tục được triển khai thực hiện với quy mô lớn. Hệ thống trường lớp từ bậc mầm non tới THPT được đầu tư xây dựng ngày càng mở rộng, khang trang và đa dạng theo hướng xã hội hóa. 100% các trường được kết nối mạng và trao đổi thông tin qua thư điện tử, toàn ngành phát huy tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, bồi dưỡng và quản lý, nhiều phần mềm được ứng dụng trong quản lý và dạy học. Mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển rộng khắp, đa dạng đã mở ra nhiều hướng tiếp cận, tạo cơ hội học tập cho mọi người. Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các địa phương; chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng cao.

Thị xã thực hiện xây dựng Đề án chuyển đổi trường mầm non công lập tự chủ một phần về tài chính sang loại hình trường công lập tự chủ, tự bảo đảm chi thường xuyên đối với trường Mầm non thị xã và trường Mầm non phường Đập Đá. Tổ chức tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 năm học 2023 - 2024. Phối hợp triển khai tốt công tác thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2023 - 2024. Phối hợp tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận mới 05 trường đạt chuẩn quốc gia (TH Nhơn Hạnh, TH Nhơn Thọ, TH Nhơn Lộc, MN Nhơn Khánh, MN Nhơn Phúc), 01 trường đang chờ thẩm định và công nhận lại 10 trường đạt chuẩn

quốc gia (01 mầm non, 05 TH và 04 THCS). Chất lượng vào lớp 10 của năm học 2023 - 2024 đạt vị trí thứ 4 so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam và tổ chức Liên hoan tiếng hát hay thị xã.

2. Về y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình

Năm 2023, công tác phòng chống các loại dịch bệnh và bệnh xã hội được thực hiện khá tốt, chưa để xảy ra dịch bệnh trên diện rộng. Thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2023, trong năm có 1.249 trẻ sinh ra, trong đó, con thứ 3 trở lên 156 trẻ, chiếm tỷ lệ 12,5%, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến cuối năm 2023, số người tham gia BHYT trên địa bàn thị xã đạt 96,2%. Tổ chức kiểm tra và phối hợp kiểm tra trên 250 cơ sở trong công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, hành nghề khám chữa bệnh,... trên địa bàn thị xã, xử phạt 06 trường hợp vi phạm với số tiền 14 triệu đồng.

Triển khai công tác kiểm tra hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh thuốc và kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng năm 2023; Kiểm tra chuyên ngành hành nghề y, dược, y dược học cổ truyền tư nhân, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng trên địa bàn thị xã An Nhơn đợt I năm 2023 (có 09 cơ sở được kiểm tra, chưa phát hiện cơ sở có dấu hiệu vi phạm); Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Quý Mão, mùa Lễ hội Xuân 2023 trên địa bàn thị xã An Nhơn. Phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh kiểm tra 07 cơ sở, 100% các cơ sở bảo đảm các điều kiện an toàn thực phẩm. Kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2023 trên địa bàn thị xã An Nhơn (kiểm tra được 20 cơ sở, gồm 11 cơ sở sản xuất, 09 cơ sở kinh doanh; chưa phát hiện cơ sở vi phạm).

3. Văn hóa - thông tin và thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2023. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, bảo đảm tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2023, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt; công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội được duy trì thường xuyên và có hiệu quả. Tổ chức tốt các hoạt động “Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão năm 2023”; thực hiện treo cờ, băng rôn tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023); ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023); ngày Quốc tế Lao động (01/5); kỷ niệm 133 năm ngày sinh của Chủ

tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023; kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023); kỷ niệm 78 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023) và tuyên truyền phòng, chống các loại dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn.

Hoạt động thông tin, tuyên truyền được tổ chức thường xuyên, sâu rộng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Tổ chức cuộc thi sáng tác biểu trưng (logo) thị xã An Nhơn. Ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam đến năm 2035; Kế hoạch thực hiện của thị xã từ năm 2022 Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,...

Công tác quản lý về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước thôn, khu vực trên địa bàn thị xã năm 2023 được chú trọng. Hoàn thành Đề án đặt tên bổ sung một số tuyến đường và điều chỉnh tên đường trên địa bàn thị xã An Nhơn. Tổ chức Lễ khánh thành nhà tri ân Mẹ Việt Nam anh hùng. Sơ kết thực hiện Chương trình hành động Tỉnh ủy, kế hoạch của Thị ủy về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020 - 2025. Tiếp nhận bàn giao mốc giới khu vực lân cận các di tích gốc Thành Hoàng Đê; đầu tư xây dựng lại Văn Miếu Bình Định; lập hồ sơ đề nghị công nhận Mộ Tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo là di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh; hồ sơ đề nghị công nhận Đền thờ Bà Châu Thị Ngọc Diên và Bà Trần Thị Ngọc Lân là di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh; phối hợp với bảo tàng tỉnh xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia tượng hai voi đá Thành Đồ Bàn. Triển khai Đề án xây dựng đô thị thông minh tại thị xã An Nhơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai Đề án đặt bổ sung tên đường và điều chỉnh tên một số tuyến đường ở các phường trên địa bàn thị xã. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của thị xã và các xã, phường. Hoàn thành và tổ chức Lễ công bố Biểu trưng thị xã An Nhơn và khánh thành Nhà Văn hóa, Quảng trường trung tâm thị xã An Nhơn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thị xã An Nhơn năm 2023, kết quả năm 2023, toàn thị xã có 44.826 hộ/47.495 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 94,38%, 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới được đề nghị bảo lưu, 114/120 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được đề nghị công nhận lại và bảo lưu đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 90,47%. Xây dựng chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030. Tổ chức tốt các hoạt động triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030,... Kiểm tra các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền, nhất là trước, trong và sau Tết Nguyên Đán, trước kỳ thi tuyển vào lớp 10, kiểm tra tại các lễ hội, các cơ sở thờ tự trên địa bàn thị xã được 108 lượt cơ sở, trong đó 05 nhà sách, 20 cơ sở photocopy, 70 cơ sở karaoke,... đã xử lý tạm đình chỉ hoạt động 05 cơ sở karaoke do không đủ tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy.

4. Về chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được bảo đảm, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Trong năm, thị xã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; thành lập Ban biên soạn và xuất bản Kỷ yếu Bà Mẹ Việt nam Anh hùng thị xã An Nhơn. Thành lập ban quản lý Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” thị xã, đến nay đã tổ chức vận động đóng góp của 60 cơ quan, đơn vị với số tiền 307.982.505 đồng. Đã hỗ trợ 13 nhà với số tiền 550 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 40 nhà ở cho hộ nghèo, có nhà ở hư hỏng, xuống cấp nặng, với số tiền trên 1,6 tỷ đồng từ Quỹ vì người nghèo của thị xã và nguồn kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, đơn vị xã hội từ thiện, các nhà hảo tâm trong và ngoài thị xã. Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thị xã An Nhơn giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai, hướng dẫn xã, phường rà soát hộ nghèo, cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, theo kết quả sơ bộ, tổng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 có 1.814 hộ, chiếm tỷ lệ 3,51%, giảm 2,42% so với cùng kỳ năm 2022.

Phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức 02 điểm phiên giao dịch việc làm, truyền thông, tư vấn, giới thiệu việc làm cho khoảng 200 lao động tham gia. Phối hợp Sở tổ chức mở 01 lớp An toàn vệ sinh lao động tại xã Nhơn Tân cho 140 người lao động. Xây dựng Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo giảm nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm năm 2023. Xây dựng kế hoạch triển khai hướng dẫn các phường phối hợp tổ chức các lớp đào tạo nghề thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2022 - 2025. Công tác giải quyết việc làm đạt kết quả tốt, kết quả tạo việc làm mới năm 2023 cho khoảng 2.490 lao động, đạt 124,65% kế hoạch, tăng 5,32% so với cùng kỳ năm 2022. Triển khai thực hiện kế hoạch tập trung đối tượng lang thang, cơ nhỡ, xin ăn; phối hợp phòng chống ma túy mại dâm năm 2023. Triển khai công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới năm 2023 trên địa bàn thị xã; tổ chức tuyên truyền Luật trẻ em; phối hợp truyền thông về bình đẳng giới; tổ chức tháng hành động vì trẻ em với chủ đề “Chung tay bảo vệ trẻ em, hãy lên tiếng phòng, chống xâm hại bạo lực trẻ em”. Truyền thông về phòng chống xâm hại tình dục trẻ em tại trường THCS Nhơn Khánh và Nhơn Thọ; Xây dựng 01 mô hình phòng ngừa trẻ em lao động trái pháp luật ở Nhơn Hưng; tổ chức 03 lớp dạy bơi phòng tránh đuối nước cho 90 em. Phối hợp tổ chức nhiều

hoạt động giải trí vui chơi cho trẻ em nhân dịp tết Trung thu. Thăm tặng quà, trao học bổng cho 20 em có hoàn cảnh khó khăn học giỏi.

5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn thị xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

Song song với phát triển kinh tế, thị xã An Nhơn chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị phát triển đồng bộ và hiện đại, góp phần lớn vào sự phát triển bền vững của thị xã. Một số công trình tiêu biểu như xây dựng Nhà văn hóa trung tâm thị xã, nhà trưng bày, Nhà Thiếu nhi thị xã, các công viên cây xanh,... Bên cạnh đó, nhiều công trình trường học, y tế được xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa để bảo đảm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn.

1. Hiện trạng công trình công cộng

a) Trung tâm hành chính thị xã

Các công trình hành chính cấp thị xã đã được sửa chữa, nâng cấp, phân bố chủ yếu ở phường Bình Định. Tuy không tập trung toàn bộ trong một khu đất nhưng các công trình đều phân bố ở các tuyến đường gần nhau nên thuận tiện cho việc liên hệ công tác và phục vụ nhân dân.

b) Trung tâm hành chính các xã, phường

Trung tâm hành chính 15 xã, phường của thị xã đã hình thành và ổn định, có vị trí thuận lợi trên các tuyến đường chính. Các trụ sở hành chính, các công trình phúc lợi xã hội đã được xây mới, cải tạo khang trang và hiện đại đáp ứng với nhu cầu phát triển đô thị và nâng cao bộ mặt kiến trúc của toàn thị xã.

c) Công trình giáo dục

Song song với việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng xã hội của thị xã An Nhơn cũng được chú trọng đầu tư. Với tinh thần tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trên địa bàn thị xã. Trong những năm qua, thị xã luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển giáo dục. Số

trường lớp đạt chuẩn quốc gia ngày một tăng lên, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học, nâng cao tri thức trên địa bàn. Số lượng các trường, lớp thể hiện cụ thể như sau:

Đào tạo: Thị xã có 01 Cơ sở thực hành 2 - Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn có quy mô diện tích khoảng 4,6 ha, bao gồm khối giảng dạy và khối ký túc xá; 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quy mô khoảng 2,34 ha; 01 Trung tâm chính trị thị xã khoảng 0,44 ha, đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học và lao động của người dân.

Công trình giáo dục công lập: Toàn thị xã có 57 trường học các cấp thuộc hệ công lập, trong đó:

+ Trường mầm non - mẫu giáo: có 17 trường công lập (10 trường đạt chuẩn quốc gia) với tổng diện tích 10,58 ha, gồm 170 lớp học và 4.313 học sinh.

+ Tiểu học: có 15 trường công lập (12 trường đạt chuẩn quốc gia) với diện tích 43,74 ha, gồm 456 lớp học và 13.677 học sinh.

+ Trung học cơ sở: có 15 trường công lập (15 trường đạt chuẩn quốc gia) với diện tích 20,98 ha, gồm 296 lớp học và 10.825 học sinh.

+ Trung học phổ thông: có 06 trường trung học phổ thông công lập (04 trường đạt chuẩn quốc gia) với diện tích 8,29 ha, gồm 174 lớp học và 7.099 học sinh.

Ngân sách Nhà nước đầu tư cho giáo dục tăng, công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, mở trường và đóng góp kinh phí cho giáo dục. Hiện nay, cơ sở trường lớp công lập ở các cấp học hầu hết đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm về cơ sở vật chất và trang thiết bị. Hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học và các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư nâng cấp; tỷ lệ kiên cố hóa các trường công lập đạt tỷ lệ 100%.

d) Công trình y tế

- Y tế tuyến huyện: 01 trung tâm y tế thị xã.

- Y tế tuyến phường, xã: 15 trạm y tế của phường Đập Đá, Bình Định, Nhơn Hòa, Nhơn Thành, Nhơn Hưng, Nhơn Tân, Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Khánh, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh.

- Y tế ngoài công lập: 41 phòng khám đa khoa tư nhân; 20 phòng chuẩn trị y học cổ truyền và các cơ sở hành nghề y dược tư nhân.

Hiện tại, trên địa bàn thị xã có 01 Trung tâm y tế quy mô 567 giường, bình quân đạt 34,55 giường bệnh/10.000 dân. Bên cạnh đó thị xã cũng đã thu hút, tạo điều kiện cho nhiều nhà đầu tư phát triển bệnh viện ngoài công lập, các phòng khám chuyên khoa, đa khoa tư nhân. Bảo đảm công suất phục vụ khám chữa bệnh cho người dân cũng như nâng cao chất lượng và hiệu quả khám chữa bệnh. Ngoài ra, mạng lưới y tế tuyến xã trên địa bàn cũng được quan tâm, đầu tư xây dựng

một cách đồng bộ trên tất cả các xã, phường trên địa bàn thị xã. Công tác y tế dự phòng, chống dịch được bảo đảm, khoanh vùng, khống chế không để dịch bùng phát trên diện rộng. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai tích cực, có hiệu quả. Nhìn chung số lượng các cơ sở y tế thị xã An Nhơn đã đáp ứng tốt nhu cầu của người dân trên địa bàn.

đ) Công trình văn hóa thể thao

Các công trình văn hóa được quan tâm nâng cấp, xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, nghiên cứu, học tập của người dân. Từng bước nâng cao chất lượng sống, vui chơi giải trí cho người dân trên địa bàn.

Trên địa bàn thị xã hiện có các khu thiết chế văn hóa - thể thao gồm: Thư viện thị xã (phường Bình Định); Tượng đài công viên trung tâm thị xã; Nhà trưng bày truyền thống làng nghề Tây Phương Danh (phường Đập Đá); Nhà trưng bày truyền thống làng nghề Tiễn gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu (xã Nhơn Hậu); Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng các phường, xã; quảng trường trung tâm thị xã phục vụ các hoạt động học tập, vui chơi giải trí cho người dân trên địa bàn. Trong những năm qua, các công trình văn hóa, thể dục thể thao đã được xây dựng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe và thi đấu các môn thể thao nâng cao thể chất, sức khỏe của nhân dân trên địa bàn thị xã và vùng lân cận. Với hệ thống cơ sở vật chất mới, hiện đại, tính lưỡng dụng cao, các Trung tâm văn hóa thể dục thể thao đã và đang thu hút được một lượng lớn người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao, tạo một môi trường xã hội năng động, mạnh khỏe.

Tính đến nay, công trình thể dục thể thao cấp đô thị trên địa bàn thị xã hiện có 07 công trình (sân vận động thị xã, nhà thi đấu đa năng, khu thể dục thể thao, công viên nước,...), đáp ứng tốt các sự kiện thể dục thể thao lớn của thị xã và nhu cầu tập thể dục thể thao của người dân trên địa bàn. Hàng năm, vào mùa lễ hội thị xã tổ chức các lễ hội truyền thống kết hợp tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao, tạo ra không khí phấn khởi thi đua lao động, sản xuất, học tập cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Các môn thể thao truyền thống như: đấu võ, đẩy gậy, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng được tổ chức trong các ngày hội góp phần thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục thể thao.

e) Công viên cây xanh

Hệ thống cây xanh tập trung trên địa bàn thị xã gồm quảng trường trung tâm thị xã và khoảng 88 công viên, hoa viên, vườn hoa lớn nhỏ. Ngoài ra còn có những công viên, vườn hoa nhỏ lẻ xen lẫn trong các khu dân cư, nhà văn hóa, vỉa hè,... Tổng diện tích đất cây xanh toàn đô thị là 2.018.150,28 m², chỉ tiêu bình quân đất cây xanh công cộng đô thị đạt 9,68 m²/người; tổng diện tích đất cây xanh công cộng đô thị là 541.607,10 m², chỉ tiêu bình quân đất cây xanh công cộng khu vực nội thị dự kiến mở rộng đạt 3,30 m²/người.

g) Công trình thương mại dịch vụ

Những năm qua, hoạt động thương mại dịch vụ tại thị xã đang từng bước phát triển trên mọi lĩnh vực, nhất là những ngành, lĩnh vực có tính đột phá và giá trị gia tăng cao như: tài chính - tín dụng, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, logistic, giao thông vận tải,... Cơ sở vật chất ngành thương mại dịch vụ được đầu tư phát triển phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Hạ tầng thương mại trên địa bàn thị xã có 03 trung tâm thương mại là Siêu thị Co.op Mart An Nhơn, quy mô 2.400 m², Siêu thị GO, quy mô 3.044 m² và chợ An Nhơn, quy mô 33.226 m² đã được đưa vào sử dụng; hệ thống buôn bán, bán lẻ lớn có 21 nhà phân phối hàng tiêu dùng, 23 cửa hàng chuyên doanh, 17 đại lý vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi; 21 chợ (có 02 chợ hạng 1); 33 cửa hàng xăng dầu; 14 trung tâm hội nghị nhà hàng tiệc cưới, 20 doanh nghiệp vận tải lớn, 03 hãng taxi đang hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Ngoài ra còn có các cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ dọc các tuyến đường lớn và trong các khu dân cư, phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày của nhân dân thị xã. Đánh giá tổng quan các chợ trên địa bàn có thể thấy các chợ truyền thống được hình thành lâu đời và có vị trí tại các khu vực đông dân cư luôn có hoạt động hiệu quả hơn so với các chợ mới xây dựng trong các khu dân cư mới, dẫn đến các chợ mới tuy có cơ sở vật chất hoàn thiện nhưng lại không thu hút được người dân đến kinh doanh và mua bán.

Công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn thị xã đã đáp ứng cơ bản nhu cầu mua sắm hàng ngày của người dân, tuy nhiên hoạt động kinh doanh còn nhỏ lẻ và tự phát. Thị xã hiện đang thiếu các công trình thương mại dịch vụ tập trung với quy mô lớn và hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại để hướng tới phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dân trong bối cảnh phát triển đô thị ngày một văn minh, hiện đại.

h) Hiện trạng công trình di tích lịch sử

Trên địa bàn thị xã hiện có 20 di tích được xếp hạng, trong đó có: 07 di tích cấp quốc gia, 13 di tích cấp tỉnh công nhận, với các di tích nổi tiếng như: Thành Hoàng đế, lăng Võ Tánh, tháp Cảnh Tiên, Chùa Thập Tháp, chùa Nhạn Sơn,... hàng năm thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến với An Nhơn. Ngoài ra, trên địa bàn thị xã còn 05 di tích lịch sử đang hoàn thiện hồ sơ xin cấp thẩm quyền xem xét công nhận và 04 công trình kiến trúc có giá trị.

2. Hiện trạng nhà ở

a) Đất nhà ở

Trong thời gian gần đây, với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, thị xã An Nhơn đã mang vóc dáng của một đô thị hiện đại, sôi động, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu xây dựng nhà ở của cư dân, các công trình công cộng, phúc lợi xã hội phát triển mạnh, hình thành nên một đô thị khang trang, hiện đại, năng động. Thị xã hiện có 50.884 căn nhà với tổng diện tích sàn nhà ở là 5.503.853 m² sàn. Trong đó, tổng số nhà ở kiên cố, bán kiên cố là 50.884 căn, đạt tỷ lệ 100%,

diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt 26,41 m²/người. Tổng số nhà ở kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị mở rộng là 39.966 căn, đạt tỷ lệ 100%, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị mở rộng đạt 28,02 m²/người.

b) Hiện trạng xây dựng khu nhà ở

Các công trình nhà ở được chia làm 03 loại chính: nhà ở kết hợp buôn bán, nhà ở kiểu đô thị và nhà ở nông thôn, trong đó:

- Nhà ở kết hợp buôn bán phát triển trong các khu trung tâm buôn bán sầm uất, bám dọc trục quốc lộ, đường chính thị xã.

- Nhà ở kiểu đô thị (nhà lô, nhà biệt thự) phân bố trong các khu trung tâm thị xã, các khu đô thị mới được hình thành, tại trung tâm các xã xen kẽ nhà ở kết hợp buôn bán.

- Nhà ở kiểu nông thôn phân bố tương đối tập trung tại các xã ngoại thị. Ngoài ra, trên địa bàn thị xã còn có một số khu đô thị hiện đại đã đưa vào sử dụng cho thấy tình hình phát triển nhà ở của thị xã khá sôi động, mang dáng dấp của một đô thị hiện đại.

c) Các khu dân cư hiện hữu tự cải tạo chỉnh trang

Các khu dân cư cũ đã hình thành lâu đời ở khu vực trung tâm như phường Bình Định, Đập Đá,... có mật độ xây dựng ngày càng cao, loại hình nhà ở đa dạng. Tuy nhiên, do nhu cầu nhà ở chưa quá cao, các quy hoạch phân khu và quy chế quản lý đô thị được phê duyệt đúng thời điểm nên việc xây dựng nhà ở đang dần áp dụng theo đúng quy hoạch.

d) Các dự án khu dân cư

Hiện nay thị xã đã triển khai đầu tư xây dựng nhiều khu quy hoạch đô thị mới, khu dân cư mới như: khu dân cư Bàn Thành, Đông Bàn Thành, khu đô thị mới đường Lê Hồng Phong nối dài về phía Đông, khu đô thị Bắc sông Tân An, khu đô thị dọc tuyến đường liên phường Bình Định - Nhơn Hưng, khu dân cư dọc đường N4 thuộc khu dân cư Cẩm Văn, khu đô thị Đông Bắc cầu Tân An, khu dân cư Đông Nguyễn Văn Linh; khu dân cư tổ 3, tổ 5 Kim Châu; khu dân cư Hòa Cư; khu dân cư Ngãi Chánh 3 và 4,... góp phần mở rộng không gian đô thị, đáp ứng được nhu cầu nhà ở và chất lượng nhà ở của người dân trên địa bàn.

đ) Khu dân cư tự phát

Do diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn thị xã còn khá nhiều trong khi các dự án khu dân cư, khu nhà ở đã có chưa phù hợp và đáp ứng được nhu cầu ở của người dân nên ở nhiều khu vực đã hình thành các khu dân cư tự phát. Đặc điểm chung là các khu dân cư này không bảo đảm các yêu cầu về pháp lý cũng như đầu tư xây dựng hạ tầng, nhưng một số khu đã có người dân đến xây dựng nhà ở. Đây là một trong những vấn đề về nhà ở trên địa bàn thị xã cần được quan tâm giải quyết.

3. Hiện trạng giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Đường bộ:

+ Quốc lộ 1: Là trục giao thông bộ quan trọng nhất cả nước. Đoạn đi qua thị xã An Nhơn dài khoảng 14,1 km, quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Tuyến tránh Quốc lộ 1 từ phường Đập Đá đến phường Bình Định dài 8,5 km quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Quốc lộ 19: kết nối với Quốc lộ 1 tại ngã tư cầu Gành đi Gia Lai, là hành lang giao thông Đông Tây rất quan trọng nối duyên hải miền Trung với vùng Tây Nguyên. Đoạn qua thị xã An Nhơn dài 14,3 km, quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Quốc lộ 19B: là tuyến kết nối đường ven biển - Quốc lộ 1 - sân bay Phù Cát - Quốc lộ 19. Đoạn qua thị xã An Nhơn dài khoảng 7,8 km, trong đó đoạn từ QL.1 vào sân bay Phù Cát hiện đang nâng cấp thành đường đô thị có lộ giới 30 m, đoạn còn lại quy mô đường cấp V đồng bằng.

+ Đường tỉnh ĐT.631: là tuyến đường giao thông hướng Đông Tây, nối từ Quốc lộ 1 đi Tuy Phước, đoạn qua thị xã An Nhơn dài khoảng 11,06 km, quy mô cấp IV đồng bằng.

+ Đường tỉnh ĐT.636: là tuyến đường giao thông hướng Đông Tây, nối từ Quốc lộ 1 đi Tây Sơn đoạn qua thị xã An Nhơn dài khoảng 15,25 km, trong đó đoạn trong đô thị dài 2,85 km, lộ giới 17,5 -20 m; 0,5 km đường cấp IV và 12,4 km đường cấp VI đồng bằng.

+ Đường tỉnh ĐT.638 (đường Tây tỉnh): là tuyến đường giao thông hướng Bắc Nam, nối từ Quốc lộ 19 đi An Lão, đoạn qua thị xã An Nhơn dài khoảng 8,2 km, quy mô đường cấp VI đồng bằng.

+ Đường trục khu kinh tế nối dài: kết nối Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát - Quốc lộ 1 - Khu kinh tế Nhơn Hội, đoạn qua thị xã An Nhơn dài 1,8 km, quy mô đường cấp III đồng bằng;

Tại các xã ngoại thị hiện có 08 trục đường huyện: ĐH.34, ĐH.35, ĐH.36 ĐH.37, ĐH.38, ĐH.39, ĐH.40 và ĐH.41 là các trục giao thông chính tại các xã, các tuyến được trải mặt đường bằng bê tông nhựa, chất lượng mặt đường tương đối tốt, quy mô đường đạt cấp VI đồng bằng. Còn lại các tuyến ngõ, xóm đều được đầu tư xây dựng theo chuẩn nông thôn mới theo hướng đô thị, mặt đường được bê tông hóa bảo đảm chất lượng lưu thông, đi lại của người dân.

- Đường sắt:

Hiện nay trên địa bàn thị xã An Nhơn có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua, với chiều dài tuyến thuộc địa phận thị xã An Nhơn khoảng 12 km, trên tuyến có 1 ga tránh (ga Bình Định).

- Đường hàng không:

Cảng hàng không Quốc tế Phù Cát cách trung tâm thị xã khoảng 8 km, trong đó một phần diện tích cảng hàng không nằm trên địa bàn thị xã An Nhơn.

b) Giao thông nội thị

Mạng lưới đường nội thị có mật độ phân bố tập trung tại các phường nội thị. Mạng lưới đường được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị (đường phố có bó vỉa, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước,...). Nhiều tuyến đường đô thị có bề rộng phần xe chạy trên 7,5 m.

Đường đô thị khu vực tập trung dân cư có chất lượng tương đối tốt bảo đảm việc lưu thông ổn định, không có hiện tượng kẹt xe. Hệ thống đèn tín hiệu, biển báo giao thông được bố trí đúng quy định tạo điều kiện lưu thông an toàn cho người tham gia giao thông.

c) Hệ thống giao thông công cộng

Hệ thống xe buýt kết nối với các tuyến xe buýt nội tỉnh kết nối thị xã An Nhơn với các địa phương khác trong tỉnh như:

- Tuyến T4: Quy Nhơn - Đập Đá - Gò Găng;
- Tuyến T6: Quy Nhơn - Tây Sơn - Cầu 16;
- Tuyến T6B: Cầu 16 - Vĩnh Thạnh - Vĩnh Hảo;
- Tuyến T12: Quy Nhơn - Bồng Sơn - Tam Quan;
- Tuyến Gò Bồi - Lai Nghi.

d) Ga, bến bãi

Trên địa bàn thị xã An Nhơn có 01 bến xe tập trung có vị trí tại phường Bình Định, hiện là bến loại 3, quy mô khoảng 1,6 ha, chất lượng bến đỗ, bãi xe đạt mức khá bảo đảm diện tích đỗ xe cho các đơn vị vận tải cũng như nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

4. Hiện trạng cấp nước

a) Nguồn cung cấp nước

- Nguồn nước mặt:

Nguồn nước từ sông Côn và hồ Núi Một được dẫn qua hệ thống kênh, rạch là nguồn nước mặt chủ yếu, quan trọng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, tuy nhiên do lưu vực các sông trên địa bàn thị xã An Nhơn hẹp, do vậy vào mùa khô lượng nước các sông xuống thấp gây thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Chất lượng nước mặt (sông, rạch, ao, hồ) cũng diễn biến theo mùa. Ngoài ra lượng mưa hàng năm cũng là nguồn nước ngọt chính, quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống.

- Nguồn nước ngầm:

Trên địa bàn thị xã An Nhơn chưa có số liệu đánh giá cụ thể trữ lượng nguồn

nước ngầm, tuy nhiên theo khảo sát sơ bộ của tỉnh Bình Định, thị xã An Nhơn nằm trong khu vực triển vọng có trữ lượng nước ngầm khá dồi dào, chất lượng tốt, có thể khai thác cho sản xuất và sinh hoạt ở độ sâu trung bình 20 m. Hiện tại đã có 09 giếng dọc sông Tân An cung cấp nước cho thành phố Quy Nhơn, về lâu dài có khả năng cung cấp nước cho An Nhơn và các vùng lân cận khác.

- Nhà máy cấp nước:

Tổng số các công trình cấp nước trên toàn thị xã là 06 công trình nhà máy nước bao gồm: khu vực các phường nội thị có 04 nhà máy cung cấp cho phường Đập Đá, phường Bình Định, Phường Nhơn Thành, Phường Nhơn Hòa; 01 trạm cấp nước sinh hoạt 03 xã khu Đông An Nhơn cung cấp cho các xã Nhơn An, Nhơn Phong và Nhơn Hạnh; 01 nhà máy tại xã Nhơn Tân cung cấp cho Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Lộc; 01 nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Phúc - Nhơn Khánh với công suất 2.600 m³/ngày.đêm đã hoàn thiện và chuẩn bị đưa vào hoạt động.

b) Hiện trạng mạng lưới cấp nước

Khu vực nội thị của thị xã An Nhơn hiện nay được cấp nước bởi nguồn nước khai thác, sử dụng là nguồn nước ngầm. Hệ thống đường ống cấp nước được phủ đều trong các khu vực cấp, hệ thống đường ống được làm bằng vật liệu: thép, gang và uPVC; tuyến ống cấp từ cấp III đến cấp I có đường kính từ 80 - 250 mm bảo đảm đủ lưu vực cấp nước. Hiện nay tỉnh đã có chủ trương đầu tư Mở rộng mạng lưới cấp nước sạch cho các phường Nhơn Hòa, Nhơn Hưng dự kiến trong thời gian tới sẽ nâng tỉ lệ người dân được sử dụng nước máy sinh hoạt từ hệ thống cấp nước tập trung.

Năm 2023, tổng dân số được cấp nước sạch là 208.396 người, dân số được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là 208.396 người, tỷ lệ người dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%.

5. Hiện trạng cấp điện

- Nguồn điện:

Hiện nay thị xã An Nhơn và các khu vực lân cận được cấp điện bởi nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22 kV từ trạm biến áp 110/22 kV An Nhơn công suất 2x25 MVA và trạm biến áp 110/22 kV Nhơn Tân công suất 2x25 MVA.

- Trạm, lưới điện:

+ Lưới cao thế 110 kV, 35 kV: hiện nay trên địa bàn thị xã An Nhơn và các khu vực lân cận có các tuyến điện cao thế đi qua gồm các tuyến cao thế 110 kV, 35 kV từ Quy Nhơn đi An Khê, Phù Cát.

+ Lưới trung áp 22 kV: các tuyến trung thế hiện hữu được xây dựng và vận hành ở cấp điện áp 22 kV, đa phần là đường dây trên không, sử dụng cáp nhôm, nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 10 đến 14m.

+ Lưới hạ áp 0,4 kV: mạng hạ thế công cộng chủ yếu phục vụ quản lý tiêu dùng dân cư và thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Ngoài

mạng lưới hạ thế công cộng, các khách hàng lớn (khu công nghiệp, hộ công trình công cộng và dịch vụ lớn) có trạm hạ thế riêng và điện năng tiêu thụ được đo đếm ngay tại trạm.

- Hệ thống điện chiếu sáng:

Toàn bộ tuyến phố chính trên địa bàn thị xã An Nhơn đều được chiếu sáng. Hệ thống chiếu sáng đô thị được phân bố đều trên các phường nội thị, các trục tuyến phố chính đều có hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium gắn trên trụ thép, một số tuyến đường đã được hạ ngầm tuyến cáp điện chiếu sáng. Ngoài ra một số trục đường chính còn được đầu tư hệ thống chiếu sáng trang trí tạo mỹ quan đô thị.

6. Hiện trạng hệ thống thoát nước thải, CTR và nghĩa trang

Thực trạng trên địa bàn thị xã An Nhơn hiện chưa có nhà máy thu gom nước thải sinh hoạt tập trung. Tuy nhiên để ngày càng nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân trên địa bàn, thị xã hiện đang tiến hành lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đề xuất 02 dự án nhà máy xử lý nước thải cho khu vực nội thị tại xã Nhơn An và tại khu vực Mỹ Hòa, phường Đập Đá. Hiện trạng nước thải trên địa bàn thị xã:

a) Nước thải sinh hoạt

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã hiện nay là hệ thống thoát nước chung cho nước thải và nước mưa tuy nhiên tại các hộ dân cư đều có bể tự hoại từ 2 đến 4 ngăn, nước thải sinh hoạt đều được lọc, lắng sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung. Tại các tuyến cống thoát nước chung đều có nắp đậy, hệ thống ga thu, ga thăm đầy đủ bảo đảm không dây ô nhiễm.

b) Nước thải công nghiệp - y tế

- Các khu, cụm công nghiệp tập trung và bệnh viện trên địa bàn thị xã An Nhơn đều có hệ thống xử lý nước thải riêng.

- Lượng nước thải công nghiệp thải ra hàng ngày của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thị xã thông qua mạng lưới đường cống thu gom và trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A mới thoát ra hệ thống thoát nước chung.

c) Quản lý chất thải rắn

Hàng năm, thị xã ban hành phương án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý, thực hiện hỗ trợ chi phí thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn các xã, phường theo Nghị quyết HĐND thị xã. Năm 2023, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom khu vực nội thị đạt 91,44% và khu vực nông thôn đạt 56,63%.

Công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải trên địa bàn thị xã tiếp tục được đẩy mạnh; tiếp tục vận động nhân dân tham gia thu gom rác và xử lý rác theo theo đúng quy định của pháp luật (Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ). Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh được chính quyền và nhân dân quan tâm thực hiện và kiểm soát chặt chẽ.

- Về chất thải nguy hại

Hiện các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thị xã có phát sinh nguồn chất thải nguy hại đều phải thực hiện trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định; tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng hoặc ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Việc thu gom, vận chuyển, trung chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định. Việc thu gom, vận chuyển, trung chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định. Các doanh nghiệp tiếp nhận xử lý chất thải nguy hại đã được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại được phép thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Thị xã hiện đang thực hiện tốt công tác quản lý và giám sát bảo vệ môi trường các dự án khu công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định của nhà nước trong công tác quản lý, quy hoạch bảo vệ môi trường.

- Về chất thải rắn sinh hoạt

Trên địa bàn thị xã hiện có Ban Quản lý các dịch vụ đô thị An Nhơn được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2017 và hiện nay đã thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên 15/15 xã, phường thuộc địa bàn thị xã An Nhơn.

Rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại bãi chôn lấp chất thải rắn An Nhơn (xã Nhơn Thọ). Còn lại các hộ gia đình chưa được thu gom chủ yếu là nằm cách xa các tuyến đường chính đã tự phân loại và xử lý bằng cách chôn lấp trong vườn nhà.

- Về thu gom và xử lý rác thải y tế

Các cơ sở y tế đều có phân loại rác theo quy định. 100% rác thải y tế lây nhiễm được thu gom và xử lý theo quy định. Toàn bộ rác thải y tế độc hại tại các trạm y tế đều được chuyển 100% về Trung tâm y tế thị xã. Trung tâm y tế hợp đồng với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh xử lý. Số lượng xử lý trung bình 390 kg rác thải/tháng.

c) Nghĩa trang, nhà tang lễ

Trên địa bàn thị xã hiện có 02 nghĩa trang tập trung đã được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng, gồm: nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn tại phía Tây Bắc xã Nhơn Mỹ và nghĩa trang nhân dân Nam An Nhơn tại xã Nhơn

Tân và 01 nghĩa trang nhân dân Đông An Nhơn tại Núi Đất, xã Nhơn Phong với diện tích định hướng quy hoạch chung đô thị là 13,52 ha là khu vực dự trữ để xây dựng nghĩa trang phục vụ mai táng, cải táng cho xã Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh. Trên địa bàn thị xã An Nhơn hiện chưa có nhà tang lễ, việc hỏa táng được sử dụng chung tại Trung tâm hỏa táng Bình Định An Viên, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 3,23%. Giai đoạn năm 2025 - 2030, thị xã dự kiến xây dựng cơ sở hỏa táng tại Nghĩa trang nhân dân Nam An Nhơn tại xã Nhơn Tân.

VIII. QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; bảo đảm lực lượng, duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an toàn các hoạt động kỷ niệm trong các ngày Lễ, Tết trên địa bàn thị xã; hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quân sự - quốc phòng trọng tâm trong năm 2023; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 bảo đảm đạt chỉ tiêu được giao 306/306 (trong đó nghĩa vụ quân sự 275 công dân, nghĩa vụ công an nhân dân 31 công dân). Tổng kết công tác giáo dục quốc phòng- an ninh năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng - an ninh năm 2023. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thị xã và diễn tập chiến đấu các xã Nhơn Thọ, phường Bình Định, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng và Đập Đá trong khu vực phòng thủ năm 2023 theo kế hoạch đề ra. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu từ thị xã đến xã, phường và tại các đơn vị tự vệ; thường xuyên tuần tra kiểm soát, bảo vệ an toàn các mục tiêu, địa bàn trọng yếu trên địa bàn thị xã. Duy trì thường xuyên công tác huấn luyện cho các lực lượng theo kế hoạch đã đề ra; tổ chức rà soát và thực hiện các bước tiếp theo của công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024; hoàn thành công tác tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ có một phần thực binh năm 2023 theo đúng ý định và nghị quyết của cấp trên đề ra.

2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định, không xảy ra tình hình đột biến, phức tạp. Thường xuyên tăng cường công tác tuần tra, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn thị xã, nhất là trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị của thị xã, Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, Hội trại tòng quân diêm, Lễ giao quân năm 2023 và Lễ 30/4, 01/5, 02/9. Phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trên địa bàn thị xã. Ban hành kế hoạch Năm an toàn giao thông năm 2023. Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội tiếp tục được tăng cường.

IX. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

Trong những năm qua, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thị xã An Nhơn thường xuyên được củng cố, tăng cường. Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả. Công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra, công tác dân vận của các cấp ủy đảng được tăng cường, tạo nhiều chuyển biến. Trong đó, tập trung chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của đảng, pháp luật của nhà nước và những chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Tạo được sự đồng thuận cao trong đảng bộ, chính quyền của nhân dân. Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, tổ chức tốt các cuộc giám sát, tiếp xúc cử tri và các kỳ họp, nghị quyết ban hành có chất lượng và khả thi. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân có nhiều đổi mới, nhất là trong lĩnh vực cải cách hành chính, thu ngân sách và giải quyết vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm, giải phóng mặt bằng.

1. Thị ủy An Nhơn

a) Thường trực Thị ủy gồm 03 người: Bí thư Thị ủy; Phó Bí thư Thường trực Thị ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã; Phó Bí thư Thị ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã;

b) Các cơ quan thuộc Thị ủy:

Văn phòng Thị ủy, Ban Tổ chức Thị ủy, Ban Tuyên giáo Thị ủy, Ban Dân vận Thị ủy, Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã

a) Tổ chức Đảng: có 59 tổ chức đảng trực thuộc Thị ủy, trong đó có 19 Đảng bộ, 40 Chi bộ; toàn thị xã có 5.983 đảng viên; Ban Chấp hành Đảng bộ Thị ủy có 40 đồng chí, Ban Thường vụ Thị ủy có 11 đồng chí.

b) Hội đồng nhân dân thị xã có 34 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã có Chủ tịch, Phó Chủ tịch; các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế.

- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 07 đại biểu, chiếm 20,59%; đại học 26 đại biểu, chiếm 76,47%; trung cấp 01 đại biểu, chiếm 2,94%.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 16 đại biểu, chiếm 47,06%; trung cấp 17 đại biểu, chiếm 50,00%; chưa qua đào tạo 01 đại biểu, chiếm 2,94%.

c) Ủy ban nhân dân thị xã có 12 phòng, ban chuyên môn với 81 biên chế công chức, trong đó: nam 53 người, nữ 28 người; có 0 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 26 người, chiếm 32,1 %; đại học 55 người, chiếm 67,9%;

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 24 người, chiếm 29,63%; trung cấp 33 người, chiếm 40,74%; sơ cấp 15 người, chiếm 18,52%; chưa qua đào tạo 09 người, chiếm 28,04%.

3. Cán bộ, công chức cấp xã

a) Tổ chức đảng: Có 15 Đảng ủy xã, phường.

b) Hội đồng nhân dân xã, phường: Gồm 15 Hội đồng nhân dân xã, phường với tổng số 365 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 04 đại biểu, chiếm 1,1%; đại học 197 đại biểu, chiếm 53,9%; cao đẳng 60 đại biểu, chiếm 16,5%; trung cấp 19 đại biểu, chiếm 5,3%; trình độ khác 85 đại biểu, chiếm 23,2%.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 08 đại biểu, chiếm 2,2%; trung cấp 185 đại biểu, chiếm 50,7%; sơ cấp 100 đại biểu, chiếm 27,4%; chưa qua đào tạo 72 đại biểu, chiếm 19,7%.

c) Cán bộ, công chức cấp xã: 290 người, trong đó: nam 216 người, nữ 74 người; dân tộc thiểu số 0 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 09 người, chiếm 3,2%; đại học 249 người, chiếm 85,9%; cao đẳng 01 người, chiếm 0,3%; trung cấp 31 người, chiếm 10,6%.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 16 người, chiếm 5,5%; trung cấp 240 người, chiếm 82,8%; sơ cấp 21 người, chiếm 7,2%; chưa qua đào tạo 13 người, chiếm 4,5%.

d) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 162 người.

đ) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố đã bố trí là 220 người.

C. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Việc thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã và thị xã An Nhơn đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật tổ chức chính quyền địa phương và điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch, cụ thể:

1. Phù hợp với các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định đến năm 2025, An Nhơn là đô thị loại III và trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Bình Định. Đến năm 2030, An Nhơn là 01 trong 21 đô thị và là 01 trong 02 đô thị loại III thuộc tỉnh Bình Định, với định hướng là đô thị phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Nam tỉnh Bình Định; là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quy Nhơn và ngược lại, có các chức năng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông đa năng.

b) Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ xác định mục tiêu: Phát huy lợi thế vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế biển, xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng. Nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á. Trong đó, thị xã An Nhơn được xác định thuộc Tiểu vùng số 01 trong 02 vùng không gian phát triển của tỉnh Bình Định, thuộc trục hành lang kinh tế Đông - Tây dọc tuyến Quốc lộ 19, là một trong các trung tâm động lực vùng quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, được định hướng là một trong các trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh Bình Định; phát triển công nghiệp dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông vùng - quốc gia; phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế. Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các định hướng quy hoạch của Trung ương, của tỉnh xác định đến năm 2035, toàn tỉnh Bình Định sẽ có 18 đô thị, trong đó thị xã An Nhơn được định hướng là đô thị loại III và trở thành thành phố thuộc tỉnh trong giai đoạn trước năm 2025.

c) Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định xác định tính chất, mục tiêu đô thị An Nhơn là đô thị tiểu vùng số 1 theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh với chức năng là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam của tỉnh; đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận, định hướng phát triển công nghiệp trên lợi thế về đầu mối giao thông của Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Quốc lộ 19B; phát triển du lịch gắn với văn hóa, lịch sử Champa, Thành Hoàng Đế. Theo đó, khu vực nội thị của đô thị An Nhơn được mở rộng bao gồm 05 phường hiện hữu: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và 06 xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An; 04 xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân thuộc khu vực ngoại thị. Đồng thời, phạm vi rà soát đánh giá trình độ

phát triển cơ sở hạ tầng đô thị phù hợp với ranh giới các phường dự kiến thành lập (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên các xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An); phạm vi phân loại đô thị (đô thị loại III) phù hợp với ranh giới Quy hoạch chung đô thị An Nhơn và phù hợp với thành phố An Nhơn dự kiến thành lập thuộc tỉnh Bình Định.

2. Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các xã sau khi thành lập phường; bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước đối với khu vực đô thị đang phát triển mạnh mẽ và có tốc độ đô thị hóa cao (từ thị xã lên thành phố); bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định và thị xã An Nhơn theo quy hoạch, đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp; hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ theo hướng đô thị công nghiệp, văn minh hiện đại; tạo tiền đề và động lực phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của đô thị An Nhơn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

3. Việc thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định sẽ góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng và vùng duyên hải Trung Bộ nói chung.

4. Bảo đảm sự đồng thuận của nhân dân; bảo đảm sự đoàn kết, phù hợp với các yếu tố lịch sử, văn hóa của địa phương và tạo thuận lợi trong sản xuất, kinh doanh của người dân, thể hiện đầy đủ vị thế, thực tiễn phát triển sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn.

5. Đáp ứng các tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thị xã và thành lập thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 5, Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Đánh giá các tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn

1.1. Phường Nhơn Lộc

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn Lộc như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có quy mô dân số 10.388 người, trong đó: dân số thường trú là 10.368 người, dân số tạm trú quy đổi là 20 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có 12,27 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Lộc đạt 80,25 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 80,24 tỷ đồng. Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của xã Nhơn Lộc là 2,24% (năm 2021 là 2,49%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,81%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: Từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn Lộc là 7.336 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.203 người, chiếm tỷ lệ 84,56%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Lộc bảo đảm đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày

25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/1/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	02	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	4,09	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,27	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	550,17	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	20,50	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	4,14	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là ≥ 40%)	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	12,42	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	89,16	Đạt

Như vậy, phường Nhơn Lộc dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.2. Phường Nhơn An

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn An như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn An có quy mô dân số 11.663 người, trong đó: dân số thường trú là 11.637 người, dân số tạm trú quy đổi là 26 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn An có 8,92 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn An đạt 48,64 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 48,64 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của xã Nhơn An là 1,98% (năm 2021 là 2,33%; năm 2022 là 2,06% và năm 2023 là 1,55%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn An là 7.429 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.099 người, chiếm tỷ lệ 82,10%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn An bảo đảm đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
-----	------------------------------	-------------	----------	------------	----------

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	02	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,80	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,14	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	566,27	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	18,67	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	97,94	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,02	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là $\geq 40\%$)	99,97	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	8,50	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	81,15	Đạt

Như vậy, phường Nhơn An dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.3. Phường Nhơn Phúc

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn Phúc như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Phúc có quy mô dân số 11.689 người, trong đó: dân số thường trú là 11.659 người, dân số tạm trú quy đổi là 30 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Phúc có 10,45 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Phúc đạt 14,92 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 14,92 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của xã Nhơn Phúc là 2,01% (năm 2021 là 2,63%; năm 2022 là 2,09% và năm 2023 là 1,32%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn Phúc là 8.288 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.271 người, chiếm tỷ lệ 75,66%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Phúc bảo đảm đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	03	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,50	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,38	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	522,34	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	11,09	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	3,73	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là $\geq 40\%$)	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	4,20	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	86,32	Đạt

Như vậy, phường Nhơn Phúc dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.4. Phường Nhơn Hậu

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn Hậu như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có quy mô dân số 15.660 người, trong đó: dân số thường trú là 15.582 người, dân số tạm trú quy đổi là 78 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có 12,28 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Hậu đạt 58,04 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 58,04 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2020 - 2022) của xã Nhơn Hậu là 1,99% (năm 2021 là 2,50%; năm 2022 là 2,01% và năm 2023 là 1,45%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn Hậu là 9.914 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 7.442 người, chiếm tỷ lệ 75,07%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Hậu đã đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	04	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,13	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,86	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	414,21	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	13,19	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,62	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	6,12	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là $\geq 40\%$)	100	Đạt
12	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	10,25	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	80,75	Đạt

Như vậy, phường Nhơn Hậu dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.5. Phường Nhơn Thọ

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn Thọ như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có quy mô dân số 10.464 người, trong đó: dân số thường trú là 10.446 người, dân số tạm trú quy đổi là 18 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có 32,03 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Thọ đạt 13,84 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 13,84 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của xã Nhơn Thọ là 2,04% (năm 2021 là 2,38%; năm 2022 là 2,08% và năm 2023 là 1,67%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn Thọ là 7.419 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.199 người, chiếm tỷ lệ 83,56%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Thọ bảo đảm đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	02	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,60	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,25	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	581,36	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	18,49	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,29	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,58	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là ≥ 40)	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	5,13	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	81,05	Đạt

Như vậy, phường Nhơn Thọ dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.6. Phường Nhơn Phong

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023, kết quả đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhơn Phong như sau:

a) Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

- Quy định: Từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Phong có quy mô dân số 9.863 người, trong đó: dân số thường trú là 9.842 người, dân số tạm trú quy đổi là 21 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Phong có 8,20 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Chỉ tiêu 1. Cân đối thu chi ngân sách:

+ Quy định: Cân đối đủ.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Phong đạt 55,12 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 55,12 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Quy định: Đạt bình quân của thị xã.

+ Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của xã Nhơn Phong là 1,92% (năm 2021 là 2,26%; năm 2022 là 1,89% và năm 2023 là 1,60%), thấp hơn bình quân 03 năm của thị xã An Nhơn là 2,29% (năm 2021 là 3,01%; năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Quy định: từ 70% trở lên.

+ Hiện trạng: Năm 2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nhơn Phong là 7.054 người, trong đó, lao động phi nông nghiệp là 5.293 người, chiếm tỷ lệ 75,04%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Phong bảo đảm đạt theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 22/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn tại Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2024.

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	02	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,32	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân tập luyện và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,09	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	459,62	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 7	21,05	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	5,36	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100	Đạt

STT	Tiêu chuẩn/chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (đối với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ là $\geq 40\%$)	96,80	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	9,21	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	80,90	Đạt

Như vậy, phường Nhơn Phong dự kiến thành lập thuộc thị xã An Nhơn đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đánh giá các tiêu chuẩn thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các số liệu thống kê đến 31/12/2023; xem xét tổng quan, thị xã An Nhơn đã có những bước phát triển mạnh mẽ, hội đủ các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc tỉnh, cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 150.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, quy mô dân số thị xã An Nhơn là 208.396 người, trong đó: dân số thường trú là 207.615 người và dân số tạm trú quy đổi là 781 người.

Đánh giá: Đạt.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 150 km² trở lên.

b) Hiện trạng: Theo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn, tính đến ngày 31/12/2023, thị xã An Nhơn có 244,49 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

2.3. Tiêu chuẩn 3: Đơn vị hành chính trực thuộc

a) Về số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc

- Quy định: Từ 10 đơn vị trở lên.
- Hiện trạng: Thị xã An Nhơn có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

Đánh giá: Đạt.

b) Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

- Quy định: Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65% trở lên.
- Hiện trạng: Thị xã An Nhơn hiện có 05 phường trong tổng số 15 đơn vị hành chính cấp xã, đạt 33,33%. Sau khi thành lập 06 phường mới như đã nêu tại phần trên của Đề án thì thị xã An Nhơn sẽ có 11 phường trong tổng số 15 đơn vị hành chính cấp xã, tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 73,33%.

Đánh giá: Đạt.

2.4. Tiêu chuẩn 4: Đã được công nhận là đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III

Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 219/QĐ-BXD ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Đồng thời, phạm vi phân loại đô thị phù hợp với ranh giới quy hoạch chung đô thị An Nhơn và phù hợp với thành phố An Nhơn dự kiến thành lập (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị xã An Nhơn).

Đánh giá: Đạt.

2.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Cân đối thu chi ngân sách

- Quy định: Cân đối ngân sách thu đủ chi.
- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị xã An Nhơn năm 2023 đạt 2.285,26 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 2.113,46 tỷ đồng. Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

b) Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước

- Quy định: đạt từ 1,05 lần bình quân so với cả nước trở lên.
- Hiện trạng: năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của thị xã An Nhơn đạt 5,21 triệu đồng/người/tháng; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2023 đạt 4,95 triệu đồng/người/tháng (theo số liệu công bố năm 2023 của Tổng cục Thống kê). Như vậy, thu nhập bình quân đầu người/tháng của thị xã An Nhơn bằng 1,05 lần so với trung bình cả nước.

Đánh giá: Đạt.

c) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất

- Quy định: đạt bình quân 03 năm (2021 - 2023) của tỉnh Bình Định là 6,78% (năm 2021 đạt 4,31%; năm 2022 đạt 8,43% và năm 2023 đạt 7,61%).

- Hiện trạng: mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm (2021 - 2023) của thị xã An Nhơn đạt 13,67% (năm 2021 đạt 8,50%, năm 2022 đạt 16,51% và năm 2023 đạt 16,00%), lớn hơn bình quân 03 năm của tỉnh Bình Định là 6,78%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất

- Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bình Định.

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của thị xã An Nhơn là 2,29% (trong đó: năm 2021 là 3,01%, năm 2022 là 2,42% và năm 2023 là 1,43%), thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất (2021 - 2023) của tỉnh Bình Định là 3,59% (trong đó: năm 2021 là 3,13%, năm 2022 là 4,50% và năm 2023 là 3,13%).

Đánh giá: Đạt.

đ) Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

- Quy định: Từ 80% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2023, thị xã An Nhơn có cơ cấu kinh tế như sau: công nghiệp - xây dựng chiếm 71,49%; thương mại - dịch vụ chiếm 18,29%; nông - lâm - thủy sản chiếm 10,22%. Theo đó, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ của thị xã An Nhơn đạt 89,78% trong cơ cấu kinh tế.

Đánh giá: Đạt.

e) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị

- Quy định: Từ 80% trở lên.

- Hiện trạng: Tính đến ngày 31/12/2023, trong tổng số 145.487 người đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn thị xã An Nhơn thì có 109.203 người là lao động phi nông nghiệp, chiếm 75,06%. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế thuộc khu vực nội thị là 113.297 người, trong đó lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 90.999 người, chiếm 80,32%.

Đánh giá: Đạt.

Đánh giá chung: Thị xã An Nhơn đạt 5/5 tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Tỉnh Bình Định

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, tỉnh Bình Định có 6.066,40 km² diện tích tự nhiên⁶ và quy mô dân số 1.800.046 người⁷; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và 08 huyện: An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước và Vân Canh; 159 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: có 32 phường, 11 thị trấn và 116 xã. Tỷ lệ đô thị hóa là 39,21%⁸.

b) Địa giới hành chính tỉnh Bình Định: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp tỉnh Gia Lai; Nam giáp tỉnh Phú Yên; Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thị xã An Nhơn

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, thị xã An Nhơn có 244,49 km² diện tích tự nhiên⁹, quy mô dân số là 208.396 người¹⁰; có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 05 phường: Nhơn Thành, Đập Đá, Nhơn Hưng, Bình Định, Nhơn Hòa và 10 xã: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45,28%¹¹.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp huyện Tuy Phước; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp huyện Vân Canh và Tuy Phước; Bắc giáp huyện Phù Cát.

3. Xã Nhơn Lộc

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có 12,27 km² diện tích tự nhiên¹², quy mô dân số có 10.388 người¹³; có 06 thôn: Đông Lâm, Trường Cửu, An Thành, Tráng Long, Cù Lâm và Tân Lập.

⁶ Theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022.

⁷ Theo số liệu quản lý của Công an tỉnh Bình Định, tính đến 31/12/2023, tỉnh Bình Định có quy mô dân số 1.800.046 người, trong đó: dân số thường trú là 1.792.476 người và dân số tạm trú quy đổi là 7.570 người.

⁸ Theo số liệu quản lý của Công an tỉnh Bình Định, tính đến 31/12/2023, trong tổng số 1.800.046 người của tỉnh Bình Định thì có 705.873 người là dân số thành thị, chiếm 39,21% (705.873/1.800.046 người).

⁹ Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

¹⁰ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, thị xã An Nhơn có quy mô dân số 208.396 người, trong đó: dân số thường trú là 207.615 người và dân số tạm trú quy đổi là 781 người.

¹¹ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, trong tổng số 208.396 người của thị xã An Nhơn thì có 94.368 người là dân số đô thị, chiếm 45,28% (94.368/208.396).

¹² Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

¹³ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Lộc có quy mô dân số 10.388 người, trong đó: dân số thường trú là 10.368 người và dân số tạm trú quy đổi là 20 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân; Bắc giáp xã Nhơn Phúc và xã Nhơn Khánh.

4. Xã Nhơn An

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn An có 8,92 km² diện tích tự nhiên¹⁴, quy mô dân số có 11.663 người¹⁵; có 06 thôn: Trung Định, Thuận Thái, Thanh Liêm, Háo Đức, Tân Dân và Tân Dương.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Nhơn Hạnh và huyện Tuy Phước; Tây giáp phường Đập Đá; Nam giáp phường Nhơn Hưng và huyện Tuy Phước; Bắc giáp phường Nhơn Thành và xã Nhơn Phong.

5. Xã Nhơn Phúc

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Phúc có 10,45 km² diện tích tự nhiên¹⁶, quy mô dân số có 11.689 người¹⁷; có 08 thôn: Thái Thuận, Hòa Mỹ, Nhơn Nghĩa Tây, Nhơn Nghĩa Đông, Phụ Ngọc, Mỹ Thạnh, Thắng Công và An Thái.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Nhơn Khánh; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp xã Nhơn Lộc và huyện Tây Sơn; Bắc giáp xã Nhơn Mỹ và huyện Tây Sơn.

6. Xã Nhơn Hậu

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có 12,28 km² diện tích tự nhiên¹⁸, quy mô dân số có 15.660 người¹⁹; có 09 thôn: Ngãi Chánh, Vân Sơn, Thiết Trụ, Nam Tân, Bắc Thuận, Đại Hòa, Bắc Nhạn Tháp, Nam Nhạn Tháp và Thạnh Danh.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp phường Đập Đá và phường Nhơn Hưng; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Khánh và phường Nhơn Hưng; Bắc giáp phường Nhơn Thành.

7. Xã Nhơn Thọ

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có 32,03 km² diện tích tự nhiên²⁰, quy mô dân số có 10.464 người²¹; có 04 thôn: Thọ Lộc 1, Thọ Lộc 2, Ngọc Thạnh và Đông Bình.

¹⁴ Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

¹⁵ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn An có quy mô dân số 11.663 người, trong đó: dân số thường trú là 11.637 người và dân số tạm trú quy đổi là 26 người.

¹⁶ Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

¹⁷ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Phúc có quy mô dân số 11.689 người, trong đó: dân số thường trú là 11.659 người và dân số tạm trú quy đổi là 30 người.

¹⁸ Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

¹⁹ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Hậu có quy mô dân số 15.660 người, trong đó: dân số thường trú là 15.582 người và dân số tạm trú quy đổi là 78 người.

²⁰ Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp xã Nhơn Tân; Nam giáp huyện Vân Canh và huyện Tuy Phước; Bắc giáp xã Nhơn Lộc.

8. Xã Nhơn Phong

a) Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2022, xã Nhơn Phong có 8,20 km² diện tích tự nhiên²², quy mô dân số có 9.863 người²³; có 07 thôn: Liêm Lợi, Liêm Định, Tam Hòa, Kim Tài, Thanh Danh, Thanh Giang và Trung Lý.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Nhơn Hạnh; Tây giáp xã Nhơn An và phường Nhơn Thành; Nam giáp xã Nhơn An; Bắc giáp huyện Phù Cát.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHON VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHON THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Thành lập phường Nhơn Lộc thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn Lộc trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,27 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 10.388 người và 06 thôn của xã Nhơn Lộc.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn Lộc hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn Lộc: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp phường Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân; Bắc giáp phường Nhơn Phúc và xã Nhơn Khánh.

2. Thành lập phường Nhơn An thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn An trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 8,92 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.663 người và 06 thôn của xã Nhơn An.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn An hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn An: Đông giáp xã Nhơn Hạnh và huyện Tuy Phước; Tây giáp phường Đập Đá; Nam giáp phường Nhơn Hưng và huyện Tuy Phước; Bắc giáp phường Nhơn Thành và phường Nhơn Phong.

3. Thành lập phường Nhơn Phúc thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn Phúc trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 10,45 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.689 người và 08 thôn của xã Nhơn Phúc.

²¹ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Thọ có quy mô dân số 10.464 người, trong đó: dân số thường trú là 10.446 người và dân số tạm trú quy đổi là 18 người.

²² Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2023 của thị xã An Nhơn.

²³ Theo số liệu quản lý của Công an thị xã An Nhơn, tính đến 31/12/2023, xã Nhơn Phong có quy mô dân số 9.863 người, trong đó: dân số thường trú là 9.842 người và dân số tạm trú quy đổi là 21 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn Phúc hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn Phúc: Đông giáp xã Nhơn Khánh; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp phường Nhơn Lộc và huyện Tây Sơn; Bắc giáp xã Nhơn Mỹ và huyện Tây Sơn.

4. Thành lập phường Nhơn Hậu thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn Hậu trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,28 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 15.660 người và 09 thôn của xã Nhơn Hậu.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn Hậu hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn Hậu: Đông giáp phường Đập Đá và phường Nhơn Hưng; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Khánh và phường Nhơn Hưng; Bắc giáp phường Nhơn Thành.

5. Thành lập phường Nhơn Thọ thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn Thọ trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 32,03 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 10.464 người và 04 thôn của xã Nhơn Thọ.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn Thọ hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn Thọ: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp xã Nhơn Tân; Nam giáp huyện Vân Canh và huyện Tuy Phước; Bắc giáp phường Nhơn Lộc.

6. Thành lập phường Nhơn Phong thuộc thị xã An Nhơn

a) Thành lập phường Nhơn Phong trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 8,20 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.863 người và 07 thôn của xã Nhơn Phong.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nhơn Phong hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nhơn Phong: Đông giáp xã Nhơn Hạnh; Tây giáp phường Nhơn An và phường Nhơn Thành; Nam giáp phường Nhơn An; Bắc giáp huyện Phù Cát.

7. Thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định

a) Thành lập thành phố An Nhơn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 244,49 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 208.396 người và 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc của thị xã An Nhơn.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của thị xã An Nhơn hiện có.

c) Địa giới hành chính thành phố An Nhơn: Đông giáp huyện Tuy Phước; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp huyện Vân Canh và Tuy Phước; Bắc giáp huyện Phù Cát.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Tỉnh Bình Định

a) Tỉnh Bình Định không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc. Trong đó:

- Cấp huyện tăng 01 thành phố; giảm 01 thị xã;
- Cấp xã tăng 06 phường; giảm 06 xã.

Tỉnh Bình Định có 6.066,40 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 1.800.046 người; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và 08 huyện: An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước và Vân Canh; 159 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có: 38 phường, 11 thị trấn và 110 xã. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43,09%²⁴.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp tỉnh Gia Lai; Nam giáp tỉnh Phú Yên; Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thành phố An Nhơn

a) Thành phố An Nhơn sau khi được thành lập không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc so với thị xã An Nhơn, nhưng có tăng 06 phường (Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An) và giảm 06 xã (Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An).

Thành phố An Nhơn có 244,49 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 208.396 người; có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 11 phường: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Thành, Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An và 04 xã: Nhơn Hạnh, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 78,78%²⁵.

²⁴ Sau khi thành lập 06 phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn, trong tổng số 1.800.046 người của tỉnh Bình Định thì có 775.600 người là dân số đô thị (tăng 69.727 người), chiếm 43,09% (775.600/1.800.046).

²⁵ Sau khi thành lập 06 phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn, trong tổng số 208.396 người của thị xã An Nhơn thì có 164.095 người là dân số đô thị (tăng 69.727 người), chiếm 78,74% (164.095/208.396).

c) Địa giới hành chính thành phố An Nhơn: Đông giáp huyện Tuy Phước; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp huyện Vân Canh và Tuy Phước; Bắc giáp huyện Phù Cát.

3. Phường Nhơn Lộc

a) Phường Nhơn Lộc có 12,27 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 10.388 người; có 06 khu phố: Đông Lâm, Trường Cửu, An Thành, Tráng Long, Cù Lâm và Tân Lập.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn Lộc: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp phường Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân; Bắc giáp phường Nhơn Phúc và xã Nhơn Khánh.

4. Phường Nhơn An

a) Phường Nhơn An có 8,92 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 11.663 người; có 06 khu phố: Trung Định, Thuận Thái, Thanh Liêm, Háo Đức, Tân Dân và Tân Dương.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn An: Đông giáp xã Nhơn Hạnh và huyện Tuy Phước; Tây giáp phường Đập Đá; Nam giáp phường Nhơn Hưng và huyện Tuy Phước; Bắc giáp phường Nhơn Thành và phường Nhơn Phong.

5. Phường Nhơn Phúc

a) Phường Nhơn Phúc có 10,45 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 11.689 người; có 08 khu phố: Thái Thuận, Hòa Mỹ, Nhơn Nghĩa Tây, Nhơn Nghĩa Đông, Phụ Ngọc, Mỹ Thạnh, Thắng Công và An Thái.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn Phúc: Đông giáp xã Nhơn Khánh; Tây giáp huyện Tây Sơn; Nam giáp phường Nhơn Lộc và huyện Tây Sơn; Bắc giáp xã Nhơn Mỹ và huyện Tây Sơn.

6. Phường Nhơn Hậu

a) Phường Nhơn Hậu có 12,28 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 15.660 người; có 09 khu phố: Ngãi Chánh, Vân Sơn, Thiết Trụ, Nam Tân, Bắc Thuận, Đại Hòa, Bắc Nhạn Tháp, Nam Nhạn Tháp và Thạnh Danh.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn Hậu: Đông giáp phường Đập Đá và phường Nhơn Hưng; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Khánh và phường Nhơn Hưng; Bắc giáp phường Nhơn Thành.

7. Phường Nhơn Thọ

a) Phường Nhơn Thọ có 32,03 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 10.464 người; có 04 khu phố: Thọ Lộc 1, Thọ Lộc 2, Ngọc Thạnh và Đông Bình.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn Thọ: Đông giáp phường Nhơn Hòa; Tây giáp xã Nhơn Tân; Nam giáp huyện Vân Canh và huyện Tuy Phước; Bắc giáp phường Nhơn Lộc.

8. Phường Nhơn Phong

a) Phường Nhơn Phong có 8,20 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số có 9.863 người; có 07 khu phố: Liêm Lợi, Liêm Định, Tam Hòa, Kim Tài, Thanh Danh, Thanh Giang và Trung Lý.

b) Địa giới hành chính phường Nhơn Phong: Đông giáp xã Nhơn Hạnh; Tây giáp phường Nhơn An và phường Nhơn Thành; Nam giáp phường Nhơn An; Bắc giáp huyện Phù Cát.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN

1. Tác động đến quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường: Nhơn Lộc, Nhơn An, Nhơn Phúc, Nhơn Hậu, Nhơn Thọ, Nhơn Phong trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của 06 xã phù hợp với quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn. Theo đó, về nguyên tắc sẽ không tác động bất lợi đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, quản lý đất đai, không làm phát sinh kinh phí hành chính hay tăng chi ngân sách do tăng biên chế. Tổ chức chính quyền đô thị ở phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, đô thị, thống nhất quản lý quy hoạch.

Hoạt động quản lý của 06 phường sau khi được thành lập ít bị xáo trộn đến đời sống dân cư, hay làm ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như không có tác động xấu đến di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của các phường. Mô hình chính quyền phường mới được thành lập sẽ giúp công tác quản lý nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử,... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công; tạo điều kiện nâng cao năng lực, chất lượng cán bộ, nâng cao nhận thức tư tưởng, tạo sự thống nhất, đoàn kết trong bộ máy quản lý.

Hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn được tăng cường, chuyển dịch mô hình quản lý chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền cơ sở.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Việc thành lập 06 phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác quản lý chuyển đổi từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã hiện nay sẽ gặp khó khăn do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã - phường). Do đó, cần nâng cao hiệu quả của

công tác quản lý hành chính Nhà nước, tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Sau khi các xã chuyển thành phường sẽ không còn một số chức danh người hoạt động không chuyên trách, vì thế có thể làm ảnh hưởng đến tâm tư của một số cá nhân, Ủy ban nhân dân thành phố An Nhơn sau khi được thành lập sẽ có phương án sắp xếp hợp lý, bảo đảm quyền lợi cho cán bộ.

Đồng thời, việc thay đổi đơn vị hành chính từ xã lên phường sẽ làm thay đổi về địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức, các giấy tờ cá nhân, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch; do đó từng bước phải thực hiện thay đổi giấy tờ, địa chỉ từ xã thành phường cho phù hợp. Ủy ban nhân dân thành phố và các phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, tổ chức trong việc cấp đổi các giấy tờ này; bảo đảm tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho người dân, cần tăng cường công tác quản lý, cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ dân.

c) Giải pháp

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dân cư, hình thành bản đồ dữ liệu số để hỗ trợ cho việc quản lý hành chính đô thị, hình thành chính quyền điện tử nhằm hiện thực hóa việc giao tiếp giữa công dân với chính quyền hoàn toàn trên môi trường mạng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, bảo đảm tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao.

2. Tác động đến kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

Thành lập 06 phường sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - tiểu công nghiệp, thương mại và đặc biệt là dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả và sử dụng lực lượng lao động có chất lượng cao, thúc đẩy cơ sở kỹ thuật hạ tầng hiện đại, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, thu hút mạnh đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục thu hút lực lượng lao động có trình độ, linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm như: lao động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp, lao động hoạt động vận tải, giải quyết công ăn việc làm, làm giảm bớt lao động dư thừa, đóng góp cho sự phát triển kinh tế phường và thị xã.

Việc thành lập các phường sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị xã. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền

với phát triển công nghiệp mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thị kết nối với ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân địa phương. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Bên cạnh đó việc thành lập phường cũng tạo điều kiện giao lưu và giữ gìn văn hóa các vùng miền, làm phong phú hơn văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa hiện đại.

Các phường được thành lập là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất. Việc giành quỹ đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được ưu tiên, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập bình quân đầu người. Sự phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp sẽ thu hút lao động tập trung quanh vùng tạo thành các khu định cư mới, điều này cũng sẽ tác động đến môi trường, vì vậy cần có các định hướng, giải pháp thu hút đầu tư công nghệ cao, thân thiện với môi trường và các giải pháp khác. Đồng thời, kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, làm tăng quy mô, mật độ dân số, làm thay đổi tập quán, lối sống của dân cư.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập 06 phường sẽ có tác động tích cực về kinh tế - xã hội, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm, thu nhập cho người lao động; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cao, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ từ trong nước và ngoài nước.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi thành lập các phường cũng sẽ có những khó khăn nhất định. Một số hạ tầng giao thông chưa theo kịp yêu cầu nên người dân sẽ gặp không ít khó khăn trong việc đi lại, giao dịch hành chính.

Nguồn lao động chủ yếu là sự gia tăng cơ học về dân số của quá trình đô thị hóa vốn đã ở mức cao tại các xã. Đồng thời, để phát triển mục tiêu cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp địa phương phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế cho phù hợp với thực tiễn.

Kinh tế phát triển, mọi yêu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội chưa đáp ứng tốt như đường giao thông, nhà ở xã hội, vườn hoa, công viên, cung ứng dịch vụ, các vấn đề xã hội, các dịch vụ vui chơi giải trí, khám chữa bệnh. Do đó, các phường cần đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, tăng các dịch vụ thương mại phục vụ, mở rộng trường học, trạm y tế nhà văn hóa, vườn hoa và nâng cao đời sống cho người dân.

Mặt khác, cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn hạn chế. Một số chế độ chính sách còn nhiều bất cập; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyên dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

c) Giải pháp

Thực hiện các giải pháp phát triển mạnh mẽ hơn nữa thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đồng thời kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt, từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng.

3. Tác động đến môi trường

a) Mặt tích cực

Quá trình xây dựng và phát triển các phường sau khi thành lập sẽ tạo nên diện mạo mới gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa diễn ra, tạo điều kiện và nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... công tác chăm sóc sức khỏe và phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

Quá trình đô thị hóa cũng sẽ tạo ra sự thay đổi cả về vật chất lẫn tinh thần của người dân; người dân trong khu vực đô thị sẽ được cung cấp các dịch vụ một cách đầy đủ hơn, với tiêu chuẩn cao hơn và đa dạng hơn, tạo một động lực mới để tiếp tục vươn lên, với định hướng phát triển mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như: tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ; đời sống văn hóa, tinh thần của người dân sẽ được tiếp tục nâng cao...

Nguồn ngân sách cũng như việc huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường được tăng cường, các công trình hạ tầng kỹ thuật

(đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, thu gom rác thải...) sẽ được đầu tư bảo đảm cảnh quan môi trường khang trang sạch sẽ; chất lượng môi trường từng bước được cải thiện; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Sau khi thành lập, định hướng tổng thể phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân và giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Các phường được thành lập góp phần thúc đẩy dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học từ các ngành công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn, sẽ gây ra nhiều vấn đề phải giải quyết như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường cùng với đó số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí.

Hoạt động cải tạo, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông,... sẽ phát sinh bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh nếu đơn vị thi công không thực hiện các giải pháp giảm thiểu bụi triệt để.

Các khu đô thị, khu dân cư tập trung nếu không có hệ thống hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt bảo đảm, không tương xứng với tốc độ phát triển sẽ tiềm ẩn nguy cơ ngập úng vào mùa mưa, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí...

Nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần gây tác động xấu đến vấn đề an ninh lương thực.

c) Giải pháp

Cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã duy trì tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa của thành phố An Nhơn sau khi thành lập. Kinh tế phát triển giúp nâng cao đời sống văn hóa xã hội cho nhân dân góp phần bảo đảm an ninh trật tự được tốt hơn. Nguồn thu ngân sách tăng lên tạo cơ sở cho kinh phí đầu tư an ninh quốc phòng.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, thu hút các nhà đầu tư, tạo ra

nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đổ về góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư. Dân số tăng cao là nguồn nhân lực cho công tác bảo đảm hậu cần và dự bị động viên. Diện tích đất tăng cũng tạo quỹ đất cho việc bố trí thể trận phòng thủ và diễn tập bảo vệ an ninh quốc phòng được tốt hơn.

Với việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy nhà nước từ xã thành phường sẽ góp phần nâng hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân không ngừng được nâng lên góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông. Số đơn vị phường tăng lên, được tăng cường đội ngũ công an chính quy, thuận lợi cho việc bảo đảm an ninh trật tự xã hội tại cơ sở. Công tác quốc phòng được quan tâm, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi các phường được thành lập, lưu lượng người nước ngoài và người từ các địa phương khác đến hợp tác, làm ăn, sinh sống, làm việc tại địa bàn tăng cao; việc thu hút đầu tư sẽ rất mạnh mẽ, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sẽ tác động đến một số bộ phận nhân dân, từ đó đòi hỏi lực lượng công an phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tham gia nhiều với tải trọng lớn; các khu công cộng được hình thành nhiều hơn; các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự phát triển.

c) Giải pháp

Lực lượng công an phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các dịch vụ kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; các đối tượng cư trú, lưu trú, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an toàn cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn.

5. Tác động đến kiến trúc đô thị cảnh quan

a) Mặt tích cực

Tỉnh và thành phố tăng cường quản lý quy hoạch; xây dựng cơ bản và tiếp tục đầu tư, triển khai các khu đô thị hiện đại và điểm nhấn kiến trúc đồng bộ tạo cảnh quan đô thị cho các phường.

Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh,... là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng đô thị ra các khu nội thị mới có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự phát triển cân đối giữa các khu vực nội thị và ngoại thị. Nâng cao ý thức của người dân về văn minh đô thị, văn minh thương mại và giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị trên địa bàn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của sự phát triển đô thị. Mặt khác, nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất giữa các phường, xã trong thành phố.

Bên cạnh đó, việc quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ dân bảo đảm chỉ giới xây dựng, kiến trúc cảnh quan, hình thành các tuyến phố chuyên doanh cần quan tâm quản lý chặt chẽ và tuyên truyền thực hiện sâu rộng.

c) Giải pháp

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Huy động các nguồn lực, tập trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước,... phát triển các phường từng bước bảo đảm hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành lập thành phố An Nhơn sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất, cơ cấu ngành nghề; tổ chức sinh hoạt xã hội; tổ chức không gian kiến trúc xây dựng; thu hút nguồn lực đầu tư; phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; đô thị An Nhơn cùng với thành phố Quy Nhơn và đô thị Hoài Nhơn sẽ là các đô thị chủ lực, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định nói riêng và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói chung.

1. Tác động đến quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

Việc thành lập thành phố An Nhơn là cơ sở để kiện toàn đội ngũ lãnh đạo các cấp, các đơn vị, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành tiến tới tiêu chuẩn hóa các chức vụ lãnh đạo; đổi mới các khâu công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển

cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ; hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.

Thành lập thành phố An Nhơn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số thị xã An Nhơn, do vậy tổ chức bộ máy của các cấp ủy Đảng, chính quyền được giữ nguyên và ổn định như hiện nay, không làm tăng biên chế. Đồng thời, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao hơn nữa trong quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Việc thành lập thành phố An Nhơn sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây dựng mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử,... giúp giải quyết công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý Nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng, nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Do yêu cầu đô thị hóa, số lượng giao dịch hành chính của thành phố An Nhơn vốn đã cao sẽ tăng nhanh hơn nữa, nhất là ở những lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, hộ tịch,...; nhưng với việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao, lề lối làm việc được cải tiến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch hành chính của công dân, cũng như quản lý của cơ quan Nhà nước. Việc thành lập thành phố sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức. Đồng thời, áp lực về các dịch vụ công sẽ gia tăng do người dân và các tổ chức sẽ có nhu cầu thay đổi địa chỉ, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, giấy tờ đăng ký kinh doanh,... từ đó kéo theo việc mất thời gian để chuyển đổi giấy tờ.

c) Giải pháp

Sau khi thành lập, thành phố sẽ phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thay đổi giấy tờ, địa chỉ, giấy phép đăng ký kinh doanh,... cho các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn theo quy định, sớm ổn định đời sống, tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, giảm tối đa tỷ lệ

văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở đó, hình thành hệ thống thông tin điện tử của chính quyền, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội.

Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới phù hợp với chức năng, mô hình đô thị sau khi thành lập; đồng thời phục vụ người dân được tốt hơn.

2. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập thành phố An Nhơn tạo tác động tích cực tới phát triển kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh Bình Định nói chung và thành phố An Nhơn nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, tốc độ phát triển kinh tế về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào sản xuất và quản lý. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các ngành, lĩnh vực phát triển chủ lực. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của người dân. Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa và thiên nhiên; đầu tư phát triển thể dục, thể thao, các nhu cầu an sinh và trật tự an toàn xã hội. Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đó là chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh hơn nữa tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của thành phố vốn đang ở mức cao; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Hệ thống hạ tầng đô thị sẽ được đầu tư đồng bộ, văn minh hiện đại hơn. Tình hình quốc phòng, an ninh trật tự được tăng cường và củng cố hơn nữa.

Thành lập thành phố An Nhơn sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch mạnh mẽ hơn nữa cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra nhiều lợi thế về việc làm; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ trong và ngoài nước; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thị kết nối với ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận.

Khi thành lập thành phố, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, mức sống và chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển sẽ góp

phần tăng thu ngân sách của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để tăng mức đầu tư cho phúc lợi xã hội, bảo đảm tốt hơn công tác an sinh xã hội cho người dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng đô thị An Nhơn đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị của một số người dân còn hạn chế.

c) Giải pháp

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Áp dụng rộng rãi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, văn phòng điện tử và một cửa điện tử. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Duy trì thường xuyên chế độ giao ban hàng tuần. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, vận động Nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội, đấu tranh xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối trật tự công cộng.

3. Tác động đến đời sống người dân

a) Mặt tích cực

Sau khi thành phố An Nhơn được thành lập sẽ tạo sức hút lớn hơn nữa đối với các nhà đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; góp phần chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người dân, giữ nguồn nhân lực dồi dào tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế ngay tại quê nhà. Đồng thời sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi sự phân bố dân cư. Khi thành phố An Nhơn được thành lập, nhiều công trình phúc lợi xã hội sẽ được đầu tư xây dựng góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Khi thành phố An Nhơn được thành lập, một số thủ tục hành chính liên quan đến những giấy tờ quan trọng của người dân cần phải được điều chỉnh các

loại giấy tờ về cư trú, căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... bước đầu sẽ gây xáo trộn đời sống Nhân dân.

c) Giải pháp

Để tránh xáo trộn trong việc điều chỉnh một số giấy tờ cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố An Nhơn phối hợp thực hiện từng bước. Công an thành phố triển khai kế hoạch tổ chức cấp đổi hoặc điều chỉnh các loại giấy tờ cho người dân, tổ chức theo đúng quy định. Các loại giấy tờ về cư trú, căn cước công dân,... vẫn có giá trị pháp lý của đơn vị hành chính cũ thì vẫn tiếp tục được sử dụng, lưu hành, chỉ thay đổi khi người dân có nguyện vọng. Các chi phí thực hiện để chuyển đổi giấy tờ, địa chỉ,... Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hỗ trợ cho người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn để bảo đảm sớm hoàn thành và đạt hiệu quả cao nhất. Việc chuyển đổi được thực hiện trong thời gian nhanh nhất, tại điểm tập trung do Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố An Nhơn thông báo; có thể cử công chức đến tận nơi để thay đổi giấy tờ cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có nhu cầu.

4. Tác động đến môi trường

a) Mặt tích cực

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, An Nhơn có nhiều lợi thế nhưng cũng đối mặt với những vấn đề về môi trường. Vì vậy, An Nhơn luôn xác định công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lực đầu tư. Sau khi thành lập thành phố sẽ nâng tầm quan tâm về bảo vệ môi trường cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền, nhà đầu tư và Nhân dân trong vấn đề bảo vệ môi trường. Thành phố sẽ đầu tư nguồn lực, bao gồm tài chính, khoa học công nghệ và nhân sự,... từng bước cải thiện môi trường nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh các ngành công nghiệp dẫn đến lượng khí thải, nước thải tăng lên và có những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, mất cân bằng hệ sinh thái. Bên cạnh đó, tài nguyên đất bị khai thác phục vụ xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước; cùng với nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất ngày càng tăng, vấn đề ô nhiễm nước mặt và nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau do nước công nghiệp, nước thải sinh hoạt, tình trạng ngập úng ao hồ bị san lấp để xây dựng các công trình hạ tầng. Do vậy, sau khi thành lập thành phố An Nhơn cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường.

b) Giải pháp

Quan tâm, nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động đến môi trường.

Đẩy mạnh đầu tư các công trình xử lý môi trường, ưu tiên sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Tiến hành trồng dải cây xanh xung quanh khu vực xử lý chất thải sinh hoạt tập trung, nhằm ngăn ngừa sự phát tán bụi, khí ra môi trường xung quanh đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái khu vực xử lý.

Khẩn trương xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn nhằm chia sẻ trách nhiệm cho cộng đồng, từng bước giảm tải lên ngân sách của Nhà nước chi cho dịch vụ này. Nghiên cứu theo hướng đa thành phần tham gia, cùng với các công cụ kinh tế như phí ô nhiễm, thu thuế các bãi chôn nhằm giảm lượng chất thải và chi phí đối với sản phẩm. Tổ chức mạng lưới thu gom, phân loại, tái sử dụng các chất thải nhằm làm sạch môi trường, đem lại lợi ích kinh tế, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí xử lý. Xử lý chất thải độc hại bằng quá trình hóa lý, sinh học, tách các chất độc hại ra khỏi rác.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trên địa bàn về vấn đề bảo vệ môi trường sống xung quanh kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu đô thị, địa điểm tham quan như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung và thải ra sông, suối, kênh, rạch trên địa bàn.

5. Tác động đến quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Sau khi thành phố An Nhơn được thành lập, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương sẽ vào cuộc đồng bộ, góp phần nâng cao vị thế, bộ mặt của An Nhơn xứng tầm với sự phát triển kinh tế - xã hội; là cơ sở để An Nhơn tiếp tục thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển, tiềm lực về quân sự, quốc phòng được tăng cường, củng cố, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ; góp phần xây dựng thế trận phòng thủ tỉnh Bình Định vững chắc cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động quân sự, quốc phòng trên địa bàn và khu vực.

Các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Thành lập thành phố An Nhơn thì số lượng công an chính quy sẽ bố trí nhiều hơn, nên phải bổ sung đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và trang thiết bị phục vụ công tác và nguồn lực ban đầu bảo đảm ổn định tổ chức và hoạt động.

An Nhon đang và sẽ là điểm đến hấp dẫn của người lao động từ khắp các địa phương trong cả nước về làm ăn, sinh sống, đây cũng là nơi mà các đối tượng phạm pháp dễ dàng hoạt động nên dễ phát sinh các tệ nạn xã hội, tác động đến việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

c) Giải pháp

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong công tác quốc phòng, an ninh; làm cho mọi người dân có đủ kiến thức quốc phòng, an ninh và hiểu rõ những thách thức tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

Thường xuyên tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị về công tác quốc phòng, an ninh. Quan tâm xây dựng, củng cố quân sự, quốc phòng gắn xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng và an ninh nông thôn. Bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế - chính trị; quốc phòng, an ninh; các sự kiện chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại diễn ra trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm; phòng, chống, kiểm soát ma túy, giải quyết các tệ nạn xã hội, kiềm chế tội phạm gắn với các phong trào quần chúng, như phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

6. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Thành lập thành phố trên cơ sở nguyên trạng thị xã nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới (trừ bố trí thêm công an chính quy). Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thành phố sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, sau khi thành lập thành phố, khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế sẽ tăng nhanh, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, từ đó có nguồn lực tiếp tục cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Khi thành phố được thành lập, giá trị đất đai tăng cao dưới tác động của việc đầu tư mạnh mẽ từ nguồn lực xã hội hóa. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách. Việc

thành lập thành phố cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa khu phố,... Vì vậy, cần phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý cho từng dự án, công trình và giai đoạn phát triển của thành phố An Nhơn.

c) Giải pháp

Hiện tượng giá đất tăng cao không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân người dân hay nhà đầu tư mà nó còn để lại hệ lụy đối với sự phát triển của địa phương, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, công bố công khai thông tin về quy hoạch, tiến độ triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án bất động sản, đặc biệt là các dự án lớn và việc sáp nhập thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính,... tại địa phương để minh bạch thông tin, ngăn chặn hiện tượng đẩy giá để trục lợi bất hợp pháp là hết sức cần thiết.

Trong giai đoạn tới, thành phố An Nhơn cần xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án bảo đảm tính khả thi trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, cần xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công (tỉnh, thành phố, xã, phường) và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu tư công. Tranh thủ mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, Nhân dân để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của địa phương, góp phần thay đổi diện mạo đô thị tiến tới đồng bộ, kết nối liên thông và hiện đại. Cùng với đó, thành phố cần tạo điều kiện và có phương án giải quyết các thủ tục, giấy tờ trong công tác hành chính; tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng,...

7. Tác động đến kiến trúc đô thị và cảnh quan

a) Mặt tích cực

Việc thành lập thành phố là cơ sở để An Nhơn hoàn thiện Quy hoạch chung đô thị An Nhơn đến năm 2035, Chương trình phát triển đô thị An Nhơn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt. Là điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm bảo đảm theo tiêu chuẩn thành phố trong thời gian tới như: thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp điện, viễn thông; phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại; nâng cấp, mở rộng, xây mới các nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí, trường học,... nhằm giải quyết nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho Nhân dân, là tác nhân thúc đẩy nâng cao trình độ dân trí của người dân. Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

Các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thực hiện theo đúng quy hoạch, tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, kiến trúc hiện đại (hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống thu gom nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cấp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin đi trong hào kỹ thuật,...) sẽ tạo ra diện mạo đô thị khang trang, sạch đẹp hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đang rất nhanh trên địa bàn An Nhơn làm tăng trưởng nhanh chóng các ngành công nghiệp dẫn đến sự biến mất của các mảnh xanh, mặt nước; thay đổi kiến trúc và cảnh quan không gian ở; có thể làm biến đổi kiến trúc cảnh quan công trình văn hóa - di tích. Do vậy, cần phải định hướng phát triển theo hướng bền vững, đồng bộ các vấn đề về kinh tế, kiến trúc, xã hội.

c) Giải pháp

Cùng với quá trình đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế, công tác quy hoạch phải liên tục đi cùng để bảo đảm cuộc sống ổn định, tạo lập môi trường tốt cho người dân, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường do các hoạt động sản xuất công nghiệp. Các tỷ lệ và cơ cấu đất đai, tài nguyên, sức lao động phải cân bằng; đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, đồng thời giữ gìn được cảnh quan, không làm mất đi tính thuần khiết của những không gian văn hóa.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt, từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng, khai thác. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch chung đô thị.

Cần phải xác định rõ phát triển đô thị An Nhơn theo hướng bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề về môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội. Do vậy, các ngành chức năng của thành phố cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ tuyên truyền, vận động đến ra quân tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm lấn chiếm, sử dụng hành lang vỉa hè để kinh doanh buôn bán; các cá nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông cũng như xử lý triệt để các sai phạm của các đơn vị trong quá trình triển khai xây dựng các công trình nhằm lập lại trật tự công cộng, trật tự đô thị trên các tuyến phố, góp phần xây dựng đô thị An Nhơn ngày càng văn minh, hiện đại hơn.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH PHỐ AN NHƠN

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH PHỐ AN NHƠN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển kinh tế - xã hội, không gian đô thị An Nhơn phải đặt trong mối quan hệ tổng thể với các địa phương trong, ngoài tỉnh Bình Định; phù hợp với

định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định; phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn đến năm 2035.

b) Xây dựng thành phố An Nhơn có cơ sở kinh tế vững chắc, hạ tầng đồng bộ và hiện đại, có môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu về vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển hài hòa giữa đô thị, nông thôn, con người và thiên nhiên; bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Phát huy cao nhất tiềm năng lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực; xây dựng thành phố An Nhơn trở thành đơn vị hành chính có vị trí quan trọng trong tổng thể nền kinh tế tỉnh Bình Định.

d) Tập trung nhân lực, tài lực, vật lực, trí lực cho việc tái cơ cấu kinh tế của thành phố trên cơ sở bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững; phát triển kinh tế xanh, xây dựng nông thôn mới, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ và thân thiện với môi trường. Phát triển kinh tế theo hướng chất lượng, phát triển các ngành theo chiều sâu, có sức cạnh tranh cao, bền vững. Tập trung đầu tư và thu hút các nguồn lực phát triển cho các ngành kinh tế có lợi thế gắn với chuỗi sản xuất hàng hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

đ) Tập trung phát triển lợi thế cạnh tranh trên các lĩnh vực, ngành kinh tế; coi trọng và phát huy các lợi thế về nông nghiệp, công nghiệp, phát triển mạnh kinh tế dịch vụ; hướng đến xây dựng cơ cấu kinh tế với các ngành kinh tế chủ lực làm trọng tâm và phát triển đa dạng các loại hình và ngành, nghề kinh doanh, có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình phát triển kinh tế, xã hội trong nước và ngoài nước theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, ổn định và bền vững. Khuyến khích, thu hút sự hưởng ứng, tham gia tích cực của người dân và các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân (trong nước và nước ngoài) để huy động tối đa và sử dụng ngày càng hiệu quả hơn các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

e) Phát triển kinh tế kết hợp với quan tâm nâng cao chất lượng của mọi mặt trong đời sống xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị của các di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch theo hướng hiệu quả và bền vững.

g) Phát triển thành phố An Nhơn theo hướng bền vững, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, cải cách hành chính, củng cố hệ thống chính trị, bảo vệ an ninh quốc phòng, nền hành chính vững mạnh.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu

- Phát triển kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp gắn liền với phát triển đô thị, dịch vụ; chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh

ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao năng suất lao động; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân gắn với chăm lo, xây dựng và phát triển con người theo hướng văn minh, tiến bộ; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm đạt chuẩn đô thị loại III; nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, chất lượng cuộc sống của nhân dân, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tập trung nâng cấp đô thị, huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện toàn bộ các tiêu chí đô thị loại III. Đầu tư và kêu gọi đầu tư các dự án phát triển thương mại - dịch vụ, phát triển các khu đô thị đồng bộ, hiện đại trong phạm vi giữa Quốc lộ 1 và tuyến tránh; nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông chính và ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật; xây dựng mới một số tuyến giao thông có tính chất động lực.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch. Tiếp tục phát huy lợi thế Khu công nghiệp Nhơn Hòa; tăng cường thu hút các ngành nghề sản xuất công nghệ cao, ít ô nhiễm môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng cao vào các cụm công nghiệp; phát triển vùng thương mại - dịch vụ trọng điểm dọc bờ sông Trường Thi, dọc Quốc lộ 1 và tuyến tránh để tạo lan tỏa phát triển chung. Xây dựng chợ Bình Định mới đạt chuẩn chợ hạng 1, đầu tư nâng cấp một số chợ trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động gắn xây dựng đô thị và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quản lý và điều hành tốt hoạt động tài chính - ngân sách địa phương. Huy động các nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện tốt công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tiết kiệm chi ngân sách, ưu tiên chi đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ tài chính và biên chế cho các cơ quan hành chính và sự nghiệp công lập theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất, nhất là đất ở, đất công ích, đất đấu giá quyền sử dụng đất. Chú trọng đúng mức công tác bảo vệ môi trường, nhất là kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện các quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục - thể thao, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân. Chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Từng bước đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng tiềm lực khu vực phòng thủ ngày càng vững mạnh toàn diện. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương

của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, tận tụy với công việc, gắn bó với nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Chỉ tiêu kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 15%, trong đó: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng: 15 - 15,5%; thương mại - dịch vụ tăng: 18,5 - 19%; nông - lâm - ngư nghiệp tăng: 1,5 - 2%.

+ Cơ cấu kinh tế: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: trên 65%; thương mại - dịch vụ: trên 27%; nông - lâm - ngư nghiệp: dưới 8%.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm: 22.000 tỷ đồng.

+ Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 gấp 2 lần so với năm 2020.

+ Thu ngân sách nhà nước từ kinh tế phát sinh trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 11 - 13%.

- Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

+ Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 giảm còn dưới 2%.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt từ 95% trở lên.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%.

+ Tỷ trọng lao động phi nông nghiệp toàn đô thị trên 80%.

+ Giải quyết việc làm trên 2.000 lao động/năm.

- Chỉ tiêu kết cấu hạ tầng đô thị:

+ Đến năm 2030, thành phố An Nhơn có hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hợp lý và hiện đại, tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên

kết giữa các phương thức vận tải giữa đô thị và nông thôn và giữa An Nhơn với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

+ Bảo đảm 100% người dân có nhà ở với tiện nghi sinh hoạt cần thiết phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội của thành phố. Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt tiêu chuẩn. Nhà ở, đất ở khu vực nông thôn được quy hoạch hợp lý, có môi trường sống tốt và điều kiện làm việc thuận tiện theo tiêu chí đô thị loại III, hướng đến đô thị loại II, văn minh, hiện đại và thân thiện.

+ Hiện đại hoá mạng lưới điện bảo đảm vận hành hiệu quả, an toàn (đến năm 2030 có 100% hệ thống cáp dẫn điện ở khu vực đô thị trung tâm và các phường được ngầm hoá). Chiếu sáng đô thị và nông thôn phủ kín trên địa bàn.

+ Hạ tầng viễn thông phát triển hiện đại, mật độ thuê bao internet đạt và trên 80% năm 2030.

+ Hệ thống cấp nước đồng bộ bảo đảm tiêu chuẩn cấp nước sạch sinh hoạt khu vực đô thị đáp ứng nhu cầu nước sạch cho dân cư, sản xuất và dịch vụ. 100% dân số sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó, 85% dân số nội thị được sử dụng nước sạch.

+ Hình thành các vành đai xanh. Phát triển mạng lưới vườn hoa, cây xanh, công viên trên địa bàn thành phố.

+ Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số trục phố chính đến năm 2025 đạt trên 70%.

- Chỉ tiêu môi trường:

+ Bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên (trước hết là quỹ đất, tài nguyên nước mặt và nước ngầm), cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững.

+ Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đúng quy định: đạt 80% cho toàn đô thị, trong đó, khu vực nội thị đạt từ 90% trở lên.

II. NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ AN NHƠN SAU KHI THÀNH LẬP

1. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững

a) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch

Tiếp tục phát huy lợi thế Khu công nghiệp Nhơn Hòa; chủ động quy hoạch sắp xếp lại ngành nghề sản xuất các cụm công nghiệp hiện có sang chức năng dân dụng hỗn hợp hoặc công nghiệp sạch; từng bước di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thị và quy hoạch chuyển đổi ngành nghề sản xuất tại các cụm công nghiệp Gò Đá Trắng, Bình Định, Thanh Liêm. Tập trung thu hút

các ngành nghề sản xuất công nghệ cao, ít ô nhiễm môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng cao vào các cụm công nghiệp.

Xây dựng kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng gắn xử lý tốt công tác môi trường và phát triển các làng nghề đạt tiêu chí làng nghề hiện hành, theo hướng giữ gìn nét độc đáo riêng của từng làng nghề An Nhơn. Đầu tư xây dựng điểm trung bày giới thiệu sản phẩm, khu sản xuất trải nghiệm; phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn; khôi phục, phát triển lễ hội, sinh hoạt văn hóa truyền thống ở các làng nghề gắn với phát triển du lịch. Hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở, hộ sản xuất làng nghề đầu tư máy móc, thiết bị, cải tiến mẫu mã, liên kết trong sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là sản phẩm đặc trưng phục vụ du lịch và xuất khẩu.

Tiếp tục thực hiện phát triển vùng thương mại - dịch vụ trọng điểm dọc bờ sông Trường Thi, dọc tuyến Quốc lộ 1 và tuyến tránh để tạo lan tỏa phát triển chung. Hình thành hai trung tâm thương mại ở các phường Bình Định, Đập Đá và các khu thương mại - dịch vụ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Phù Cát, Khu Công nghiệp Nhơn Hòa. Xây dựng mới chợ Bình Định đạt chuẩn chợ hạng 1, đồng thời quy hoạch chuyển đổi chợ Bình Định cũ sang mục đích công cộng; đầu tư nâng cấp chợ An Thái (Nhơn Phúc), chợ Nhơn Mỹ, chợ Cảnh Hàng (Nhơn Phong). Chuyển đổi bến xe An Nhơn thành khu dịch vụ - thương mại cao cấp; xây dựng mới bến xe kết hợp bãi đậu xe, chợ đầu mối nông sản theo quy hoạch.

b) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, liên kết sản xuất các sản phẩm có lợi thế gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, liên kết sản xuất, bảo đảm vệ sinh môi trường. Kêu gọi đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, kết hợp chế biến bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển rừng, khuyến khích trồng rừng cây gỗ lớn.

c) Thực hiện các chính sách đầu tư, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và liên kết, hợp tác phát triển

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đầu tư vào các hoạt động công ích, dịch vụ công, đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chăm lo phát triển kinh tế tập thể với các hình thức thích hợp (hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm cùng sở thích). Tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã, phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất

02 hợp tác xã điển hình tiên tiến; thành lập một số hợp tác xã chuyên ngành. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Tích cực liên kết, hợp tác sản xuất với các tổ chức trong và ngoài tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động.

d) Quản lý và điều hành tốt hoạt động tài chính - ngân sách địa phương

Quản lý, khai thác tốt các nguồn thu trên địa bàn. Huy động các nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện tốt công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tiết kiệm chi ngân sách, ưu tiên chi đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tăng cường công tác giám sát thi công các công trình xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách, ngăn chặn lãng phí, thất thoát vốn. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ tài chính và biên chế cho các cơ quan hành chính và sự nghiệp công lập theo quy định.

đ) Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

Nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất 5 năm, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo hướng tập trung, tránh phân tán, ưu tiên cho các phường, các khu quy hoạch phát triển đô thị. Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và quản lý chặt chẽ việc cho thuê đất. Tập trung chỉnh lý biến động đất đai. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất, nhất là đất ở, đất công ích, đất đấu giá quyền sử dụng đất. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện các quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường. Thường xuyên rà soát, đánh giá các dự án, cơ sở sản xuất, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường trong các cụm công nghiệp, khu dân cư để có biện pháp xử lý kịp thời. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải để bảo đảm vệ sinh môi trường.

2. Phát triển giáo dục - đào tạo, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ trên địa bàn thành phố

a) Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; phấn đấu đến năm 2025 có 100% trường tiểu học và 50% trường trung học cơ sở tổ chức dạy 02 buổi/ngày. Giữ vững và tiếp tục xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các bậc học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Tập trung đổi mới quản lý giáo dục; xây dựng cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và xã, phường trong công tác phát triển giáo dục ở địa phương. Thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong tình hình mới. Chú trọng các hoạt động giáo dục

nhân cách, đạo đức, kỹ năng sống, ý thức tôn trọng pháp luật và ý thức công dân cho học sinh; tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong trường học. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài; phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với nhu cầu và điều kiện, trước hết ở bậc học mầm non. Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, mở rộng các loại hình “xã hội học tập”.

b) Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò của khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; đặt hàng nghiên cứu khoa học trong các trường học, ngành y tế và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ làm công tác khoa học - công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi có nhiều đóng góp cho địa phương. Nâng cao năng lực quản lý và ứng dụng khoa học - công nghệ cho cán bộ quản lý các ngành nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ cấp cơ sở (tập trung vào công tác chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ thông qua mô hình ứng dụng, nhân rộng mô hình có hiệu quả kinh tế - xã hội). Tăng cường công tác thông tin, phổ biến kiến thức khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành và giải quyết công việc của các cơ quan.

3. Phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

a) Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục - thể thao, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân

Đầu tư xây dựng nhà văn hóa gắn với quảng trường trung tâm thành phố. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa; bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích tiêu biểu được xếp hạng; khôi phục và phát huy giá trị nhân văn của các lễ hội truyền thống địa phương. Tiếp tục lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xếp hạng các di tích lịch sử - văn hóa; đồng thời tranh thủ các nguồn lực đầu tư tôn tạo, khôi phục một số di tích lịch sử trên địa bàn.

Tập trung xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng nông thôn mới. Rà soát, bổ sung và triển khai thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước ở khu dân cư; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của nhân dân trong xây dựng văn minh đô thị và nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông; từng bước đưa các hoạt động này đi vào

nền nếp, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội tham gia các hoạt động văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông. Có giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các nhà văn hóa xã, thôn.

Phát triển thể thao với nhiều loại hình đa dạng, phong phú. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển văn hóa, thể thao. Phân đầu đến năm 2025: khu vực trung tâm thành phố có 2 - 3 khu vui chơi giải trí dành cho trẻ em; 100% xã, phường, thôn, khu phố có khu thể thao đạt chuẩn; mỗi xã, phường xây dựng được 01 cụm văn hóa - thể dục thể thao đa chức năng.

b) Chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án đào tạo, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tập trung phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp tạo việc làm thông qua việc tiếp tục cho vay vốn giải quyết việc làm. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, tạo mọi điều kiện đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trên lĩnh vực tạo việc làm, trong đó chú trọng đến việc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất, kinh doanh có cam kết về giải quyết việc làm tại địa phương, ngành nghề cần tuyển dụng.

c) Từng bước đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư nâng cấp Trung tâm Y tế thành phố bảo đảm phục vụ việc khám và chữa bệnh của người dân trên địa bàn và các vùng phụ cận. Tạo điều kiện cho một số phòng khám đa khoa tư nhân bảo đảm nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Chủ động đề xuất tỉnh có chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong ngành y tế về công tác tại thành phố.

Giữ vững 100% trạm y tế xã, phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế. củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế từ thành phố đến xã, phường; bảo đảm cơ sở vật chất, nguồn nhân lực y tế từ thành phố đến cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân với chất lượng phục vụ ngày càng cao. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn dịch bệnh. Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, các chương trình mục tiêu về phòng, chống một số bệnh dịch nguy hiểm.

d) Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đối tượng chính sách, người có công với nước; đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc chăm lo các đối tượng bảo trợ xã hội và thực hiện các chủ trương của Chính phủ về hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo hỗ trợ học sinh, sinh viên có

hoàn cảnh khó khăn được vay ưu đãi để học tập, trợ giúp pháp lý cho người nghèo; vận động hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công với cách mạng và nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo. Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ phụ nữ, học sinh, sinh viên khởi nghiệp. Tăng cường công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; thực hiện các biện pháp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với đặc điểm tình hình thành phố; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

4. Tập trung xây dựng và phát triển đô thị

a) Nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch

Tập trung triển khai thực hiện quy hoạch chung đô thị An Nhơn; xây dựng kế hoạch thực hiện gắn rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch hiện có, nhất là các phường mới thành lập. Thực hiện tốt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị gắn quy hoạch kế hoạch sử dụng đất. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển đô thị An Nhơn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị bảo đảm hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III. Triển khai các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt. Tổ chức công bố, công khai cắm mốc giới ngoài thực địa; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Quan tâm đào tạo cán bộ làm công tác quy hoạch; nâng cao nhận thức của lãnh đạo các địa phương về công tác lập và thực hiện quy hoạch.

b) Tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thành phố đồng bộ, hiện đại

Do chịu tác động lớn bởi thủy văn, phương châm xây dựng và phát triển đô thị An Nhơn theo hướng “làng trong phố, phố trong làng”, từng bước hình thành khu đô thị đồng bộ, hiện đại với không gian giữa đường sắt Bắc - Nam và tuyến tránh Quốc lộ 1, quản lý chặt chẽ các hành lang thoát lũ. Xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình hạ tầng xã hội chung cho toàn đô thị. Tập trung kêu gọi đầu tư các dự án phát triển thương mại - dịch vụ giữa Quốc lộ 1 và tuyến tránh. Đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc, văn hóa, thể thao tiêu biểu và phát triển cây xanh công cộng khu vực nội thị, các khu vui chơi tại các công viên, hồ sinh thái. Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông chính và ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật; đồng thời triển khai đầu tư xây dựng mới một số tuyến giao thông có tính chất động lực theo quy hoạch chung góp phần hoàn thiện hệ thống giao thông đối ngoại, đối nội, thúc đẩy phát triển mạnh về kinh tế - xã hội.

Mở rộng mạng lưới cấp nước sạch cho toàn đô thị; xây dựng mạng lưới thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải cho khu vực các phường nội thị của thành phố. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ đô thị trên địa bàn, nhất là năng lực thu gom rác thải. Phối hợp cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống chiếu sáng toàn đô thị, hệ thống chiếu sáng các hẻm nội thị và đường làng, ngõ xóm, phân

đầu đạt tỷ lệ chiếu sáng 90% trở lên. Từng bước ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị, trước mắt tập trung khu vực nội thị, nhất là các khu đô thị mới. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm các xã, cụm xã, các khu đô thị vệ tinh Cảnh Hàng (Nhơn Phong), Nam Tượng (Nhơn Tân), Gò Quánh (Nhơn Mỹ) bảo đảm kết cấu đồng bộ.

5. Tăng cường quốc phòng, an ninh và công tác nội chính

a) Về quốc phòng, an ninh

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng tiềm lực khu vực phòng thủ thành phố ngày càng vững mạnh toàn diện; kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng, an ninh, nhất là ở các xã, phường, phấn đấu 100% đối tượng được bồi dưỡng theo quy định.

Hàng năm, bảo đảm một phần kinh phí cho đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình thuộc về quốc phòng, an ninh và bảo dưỡng các công trình chiến đấu hiện có. Xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu, công tác tham mưu, đề xuất của ban chỉ huy quân sự từ thành phố đến cơ sở. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm đủ số lượng, có độ tin cậy cao, phấn đấu thực hiện chỉ tiêu phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ 30% trở lên (riêng dân quân đạt 25%); giữ vững 100% chi bộ quân sự có cấp ủy; đảng viên là thôn đội trưởng, khu đội trưởng đạt từ 90% trở lên; đảng viên là quân nhân dự bị 9% trở lên; 100% chỉ huy trưởng, chỉ huy phó được đào tạo chuẩn hóa theo quy định của ngành,... Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, tham gia nghĩa vụ công an nhân dân hàng năm, bảo đảm chỉ tiêu trên giao; đẩy mạnh thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đi vào chiều sâu; huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân tham gia vào các chương trình phòng, chống tội phạm; ngăn chặn, kiềm chế tội phạm, giảm thiểu tai nạn giao thông, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thị xã.

Hỗ trợ đầu tư kinh phí phục vụ nhiệm vụ khoa học - công nghệ, phương tiện công tác, chiến đấu cho lực lượng công an, quân đội, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Cùng cố các tổ chức quần chúng, lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; xây dựng lực lượng quân đội, công an trong sạch, vững mạnh; chăm lo cải thiện đời sống cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

b) Công tác nội chính

Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, công tác cải cách tư pháp; hoạt động của các cơ quan thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Tăng cường công tác nắm tình hình chấp hành pháp luật trên địa bàn thành phố, tập trung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực bức xúc, nổi cộm. Thực hiện nghiêm túc quy trình xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo theo luật định. Thường xuyên rà soát, phân loại, xử lý đơn thư phát sinh và tồn đọng để xây dựng kế hoạch giải quyết, chú trọng đơn thư phức tạp và đông người. Phần đầu hàng năm giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố đạt tỷ lệ trên 90% và Ủy ban nhân dân xã, phường đạt tỷ lệ trên 85%.

Tăng cường chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, các nghị định của Chính phủ, nhất là những nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh, thành phố sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân đa dạng về hình thức. Thực hiện quy tắc ứng xử theo những tiêu chuẩn đạo đức, lối sống, tác phong của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức đã được ban hành.

6. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

a) Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức:

Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng; kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng nhiều hình thức phù hợp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, tâm trạng và dư luận xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc nảy sinh ở cơ sở. Ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chú trọng phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị. Chú trọng tổng kết, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; khắc phục tính hình thức trong xây dựng các mô hình.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên:

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy theo tinh thần cải cách hành chính trong Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc; tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng, vai trò lãnh đạo tập thể và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được phân công. Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết, chỉ thị có trọng tâm, trọng điểm gắn với tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đối với cấp dưới và kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức, cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển thành phố; trong đó tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ bảo đảm có chất lượng, kế thừa và phát triển, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có chuyên môn về lĩnh vực quản lý kinh tế, phát triển đô thị. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là thông qua công tác luân chuyển để đào tạo cán bộ nâng cao năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch. Thực hiện tốt công tác đánh giá, bổ nhiệm cán bộ, bảo đảm phát huy tốt năng lực, sở trường. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi vị trí công tác gắn với kịp thời thay thế những cán bộ năng lực, tinh thần trách nhiệm yếu, phẩm chất đạo đức kém, vi phạm kỷ luật. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ và giải quyết chính sách đối với cán bộ.

Tập trung kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt gắn với đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở; tạo sự chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện việc đánh giá chất lượng cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên hàng năm đúng thực chất, tránh hình thức; kịp thời củng cố tổ chức đảng yếu kém; kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ thiếu sự đoàn kết thống nhất. Tăng cường tạo nguồn và nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; quan tâm phát triển đảng viên trong lực lượng đoàn viên thanh niên, công nhân các công ty, xí nghiệp, dân quân, dự bị động viên, quần chúng ưu tú trong các phong trào hành động cách mạng của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; hạn chế tình trạng đảng viên bỏ sinh hoạt đảng dẫn đến phải xóa tên. Tăng cường giám sát đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú và quy định về những điều đảng viên không được làm. Phần đầu hàng năm có 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 20% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, đưa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đi vào nề nếp. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng. Phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của chính quyền, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới. Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động tham mưu, giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm chất lượng, hiệu quả; thực hiện tốt 06 nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, nhiệm vụ do cấp ủy giao.

b) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân vào dự thảo các chương trình, dự án, đề án trước khi trình hội đồng nhân dân. Nâng cao chất lượng các kỳ họp, các hoạt động giám sát, các cuộc tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát và nắm bắt ý kiến, nguyện vọng cử tri của đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Tăng cường hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp. Tiếp thu và trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo hướng mở rộng dân chủ, thiết thực, hiệu quả, kịp thời.

Tập trung kiện toàn bộ máy của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân sau bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, nhất là trên các lĩnh vực: quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, tài chính - ngân sách,... Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chỉ đạo giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, tận tụy với công việc, gắn bó với nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, phấn đấu nằm trong top 3 cấp huyện.

Kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển đô thị; đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính công thành phố nhằm thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng sự hài lòng của người dân; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện cơ chế

“Một cửa liên thông” từ thành phố đến các xã, phường; phấn đấu đến năm 2025 có 100% cơ quan hành chính nhà nước liên thông thực hiện cơ chế một cửa trực tuyến mức độ 3; 80% thủ tục hành chính giải quyết trước thời gian quy định; 100% cơ quan nhà nước kết nối liên thông hệ thống văn phòng điện tử và thực hiện chứng thực điện tử, chữ ký số; 100% các văn bản, tài liệu chính thức được trao đổi và lưu chuyển qua mạng điện tử; 100% các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; 100% cán bộ, công chức từ thành phố đến xã, phường đạt chuẩn theo quy định; 100% cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cơ chế tài chính theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và tinh thần thái độ phục vụ nhân dân trong cơ quan, đơn vị, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 95% sự hài lòng của người dân và tổ chức khi giải quyết các thủ tục hành chính.

c) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền theo hướng công khai các quy định và trách nhiệm, thủ tục hành chính trong giải quyết công việc. Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân; giải quyết kịp thời, hiệu quả quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục thực hiện việc công khai cam kết của tập thể, cá nhân người đứng đầu để quần chúng nhân dân tham gia giám sát thực hiện. Tích cực xây dựng lực lượng cốt cán ở cơ sở; gương mẫu thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện phân công cấp ủy viên phụ trách công tác dân vận của cấp ủy; tổ chức 100% đảng viên đăng ký thực hiện công việc dân vận cụ thể (trừ những đảng viên được miễn sinh hoạt, đảng viên chuyên sinh hoạt tạm thời ở nơi khác). Củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ dân vận thôn, khu phố.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát cơ sở, đa dạng hóa các hình thức tập hợp, sinh hoạt hội viên, đoàn viên; hàng năm, số cơ sở Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trên 90%; hội viên, đoàn viên tham gia sinh hoạt đạt 76% trở lên. Phát huy vai trò tham mưu và làm nòng cốt trong việc nắm bắt tư tưởng, tâm trạng các tầng lớp nhân dân gắn thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường xây dựng và kịp thời nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo”. Nâng cao chất lượng các hội quần chúng trên địa bàn thành phố, bảo đảm hoạt động hiệu quả.

C. NHU CẦU NGUỒN VỐN VÀ GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. NHU CẦU NGUỒN VỐN

Căn cứ danh mục dự án ưu tiên đầu tư, ước tính tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố An Nhơn giai đoạn đến năm 2025 là 22.000 tỷ đồng. Cơ cấu vốn đầu tư như sau:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách TW quản lý và bố trí, hỗ trợ khoảng 300 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới khoảng 25 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh quản lý và bố trí, hỗ trợ khoảng 500 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách thành phố khoảng 2.475 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư phát triển của xã, phường khoảng 1.200 tỷ đồng;
- Vốn kêu gọi đầu tư, xã hội hóa đầu tư và vốn đầu tư trực tiếp khác khoảng 17.500 tỷ đồng.

II. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

1. Giải pháp về nguồn vốn

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Trung ương và của tỉnh, huy động vốn từ các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội. Trong xây dựng kết cấu hạ tầng, phấn đấu đến năm 2025, thực hiện việc nâng cấp mạnh mẽ hơn nữa hạ tầng kỹ thuật về giao thông, viễn thông và công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Bố trí ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng và các dịch vụ xã hội. Nguồn vốn ngân sách cho phát triển hạ tầng phải được sử dụng bố trí tập trung cho các công trình trọng điểm, giải quyết nhu cầu đầu tư đối với các dự án, công trình ít mang lại lợi ích kinh tế tài chính trực tiếp.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động của mỗi cá nhân, đơn vị kinh tế tại thành phố An Nhơn. Khuyến khích, tạo lòng tin và định hướng các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu cụ thể mà quy hoạch tổng thể đã đề ra.

- Đối với vốn từ ngân sách Trung ương: Vốn ngân sách Trung ương triển khai thực hiện các dự án cấp quốc gia và cấp vùng đi qua địa bàn thành phố An Nhơn, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới. Nguồn vốn này đã được bố trí theo quy hoạch được phê duyệt.

- Vốn ngân sách tỉnh đầu tư trên địa bàn thành phố An Nhơn bao gồm: đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, môi trường; các dự án hạ tầng xã hội gồm y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao, văn hóa

thông tin,... Các dự án này nằm trong thành phần các dự án quy hoạch ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và được bố trí kinh phí theo lộ trình đầu tư.

- **Vốn doanh nghiệp:** Vốn doanh nghiệp chủ yếu đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, một số dự án về hạ tầng có thể huy động vốn doanh nghiệp theo hình thức xã hội hóa. Huy động nguồn vốn doanh nghiệp vào đầu tư các công trình hạ tầng giao thông theo nhiều hình thức khác nhau. Tạo điều kiện, cơ chế thuận lợi để thu hút vốn tư nhân cùng với nhà nước tham gia đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư (PPP), khuyến khích xã hội hóa đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn. Tăng cường nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư để xây dựng mới, duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn và chỉnh trang đô thị.

- **Vốn từ các thành phần sản xuất tư nhân và hộ gia đình:** Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tư nhân trong bỏ vốn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, mở rộng các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh.

- **Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển:** Nguồn vốn này tùy thuộc vào khả năng phát triển sản xuất. Vốn tín dụng đầu tư dài hạn, vốn tín dụng từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia sẽ tập trung cho một số đơn vị sản xuất kinh doanh theo đối tượng ưu tiên, nhất là các doanh nghiệp Nhà nước làm ăn có hiệu quả thuộc các ngành công nghiệp và dịch vụ sản xuất hàng hóa xuất khẩu,... Đồng thời các doanh nghiệp phải vay vốn trung và dài hạn, huy động vốn tự có, vốn cổ phần các hình thức liên doanh liên kết,... để tạo nguồn cho đầu tư phát triển.

- **Nguồn vốn ODA:** Rà soát lại các hạng mục thu hút đầu tư với những ngành nghề, sản phẩm đang có sức cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với nhu cầu của tỉnh với các mức khuyến khích đầu tư hấp dẫn. Trong đó, đặc biệt dành ưu tiên cho các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà thành phố có lợi thế so sánh.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường cán bộ có năng lực về công tác tại địa phương, nhất là cán bộ quản lý trên các lĩnh vực. Có chính sách để thu hút các nhà quản lý giỏi, các chuyên gia khoa học, công nhân có tay nghề cao làm việc tại địa phương. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ.

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua mạng lưới đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm các cơ sở đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà nước và doanh nghiệp đầu tư, doanh nghiệp tự đào tạo, liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua liên kết đào tạo đối với các ngành, lĩnh vực khả năng đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định còn hạn chế.

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua hình thức doanh nghiệp tự đào tạo, đào tạo theo đơn đặt hàng. Tạo dựng mối quan hệ liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp với trường đại học, trường dạy nghề trên

địa bàn và vùng đề đào tạo nhân lực đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp về các ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Hàng năm, có đề xuất, định hướng cho các cơ sở đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp gắn với cơ chế ưu đãi kèm theo và chế độ tuyển dụng sau khi tốt nghiệp và ưu tiên lao động trong diện bị thu hồi đất quy hoạch khu công nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới hoàn thiện và phát triển hệ thống các trường nghề, liên kết chặt chẽ với các khu, cụm công nghiệp, gắn trường học với doanh nghiệp. Phát triển hệ thống các cơ sở đào tạo nhằm cung cấp nguồn lao động có trình độ cho các khu, cụm công nghiệp; thực hiện đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh.

- Huy động mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo nguồn nhân lực.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ

Sớm có hướng dẫn cụ thể về công tác bảo vệ và giám sát môi trường trong các khu, cụm công nghiệp từ giai đoạn quy hoạch đến giai đoạn đầu tư xây dựng hạ tầng, giai đoạn triển khai các dự án, giai đoạn hoàn chỉnh xây dựng trong các khu, cụm công nghiệp,... Các dự án mở rộng KCN và kinh doanh hạ tầng KCN phải có báo cáo tác động môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt; cần có quy định trách nhiệm phối hợp giữa các bên trong công tác lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phối hợp kiểm tra giám sát và xử lý các vấn đề môi trường trong khu, cụm công nghiệp.

Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường trong sản xuất; xúc tiến đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp. Thu hút và phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng vốn, kỹ thuật, khoa học công nghệ cao, các ngành công nghiệp phụ trợ nhằm tạo lập môi trường sản xuất hiện đại, tạo được nhiều giá trị gia tăng, ưu tiên phát triển công nghiệp có hàm lượng giá trị gia tăng cao, sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên liệu,... Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

4. Giải pháp về phát triển đô thị thông minh, hiện đại gắn với chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ số

Trong giai đoạn 2016 - 2020, An Nhơn đã đạt kết quả nổi bật trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị. Kết quả, An Nhơn được công nhận đô thị loại III năm 2021. Điều này đã góp phần làm cho hạ tầng kinh tế - xã hội của thị xã ngày càng đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy đô thị An Nhơn phát triển theo hướng thông minh, hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân trên địa bàn.

An Nhơn đang trên đà tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển đô thị năng động. Thành phố vị trí địa lý rất thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội và đô thị, là đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn, có mối liên kết chiến lược với quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Bắc Tây Nguyên, khu vực nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, đầu mối giao

thông quan trọng của vùng. Điều đó đặt thành phố trước nhiều cơ hội cũng như thách thức trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai. Do đó, cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở cần phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện đề án Nâng cao chất lượng phát triển đô thị thị xã An Nhơn giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo nhằm phấn đấu xây dựng đô thị An Nhơn thông minh, hiện đại và phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sống của người dân trên địa bàn.

Về hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống giao thông chính đô thị theo trục dọc Bắc - Nam và trục ngang Đông - Tây; thoát nước mưa các khu vực phía Đông; đầu tư nâng cấp nhà máy cấp nước tập trung tại khu vực xã Nhơn Tân; tập trung đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, tiếp tục quy hoạch một số nghĩa trang nhân dân. Đến năm 2025, thành phố thực hiện xây dựng mới các trạm cấp điện, đồng thời nâng cấp công suất trạm hiện hữu để đáp ứng nhu cầu phụ tải điện trên địa bàn thành phố; phát triển hạ tầng mạng cáp ngoại vi, hạ tầng mạng thông tin di động và triển khai các ứng dụng, hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước của địa phương, nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp, phù hợp với quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị và định hướng xây dựng đô thị thông minh.

Về hạ tầng xã hội, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở theo quy hoạch, kế hoạch; bảo tồn, tôn tạo di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng trên địa bàn và phát triển du lịch gắn với công tác quản lý hiệu quả ở các di tích lịch sử văn hóa; đẩy mạnh xã hội hóa đối với các bậc giáo dục, nâng cấp hệ thống y tế. Mặt khác, thành phố sẽ chú trọng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự đô thị và phát triển đô thị,...

Xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ số, trong đó tập trung các giải pháp nhằm cảnh báo sớm để hạn chế các thiệt hại, thiên tai, bão lũ, cũng như đề xuất các khuyến nghị, giải pháp, các vấn đề trực tiếp liên quan đến đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân; kiểm soát và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đô thị như cây xanh, mặt nước tự nhiên, nỗ lực để đô thị xanh hơn, sạch hơn, đáng sống hơn, bền vững hơn; đa dạng hóa nguồn lực cho thực hiện các ý tưởng, sáng kiến, nỗ lực xây dựng và phát triển đô thị thông minh.

Với những giải pháp trên cùng quyết tâm của chính quyền địa phương và nhân dân, tin tưởng rằng trong giai đoạn tiếp theo, đô thị An Nhơn sẽ ngày càng phát triển, sớm hoàn thành và nâng chất các tiêu chí đô thị loại III, hướng đến đô thị loại II trong tương lai, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh Bình Định.

5. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Thực hiện các chính sách của Nhà nước, tạo sân chơi bình đẳng đối với đầu tư trong nước và ngoài nước, cũng như giữa các khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, để các doanh nghiệp có khả năng góp vốn đầu tư.

- Sử dụng linh hoạt các hình thức huy động vốn, bao gồm BOT (xây dựng - khai thác - chuyển giao), BT (xây dựng - chuyển giao), PPP (đối tác công tư), khuyến khích áp dụng các hình thức hợp đồng như tổng thầu chìa khóa trao tay, EPC; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương cho phát triển hạ tầng trên địa bàn An Nhơn.

- Tăng cường giám sát triển khai có hiệu quả Quỹ Bảo trì và Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có cơ chế tài chính, kế toán đúng luật pháp hiện hành.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách quản lý và khai thác có hiệu quả giá trị tăng thêm của đất đai sau khi đã được tiếp cận với cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị khác, bảo đảm thu hồi hợp lý phần giá trị tăng thêm bổ sung cho ngân sách thành phố, tạo nguồn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách để giải phóng mặt bằng và thi công các công trình giao thông trọng điểm, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị có sử dụng chung mặt bằng để từng bước hoàn chỉnh mạng lưới cơ sở hạ tầng giao thông theo quy hoạch, tránh đầu tư dàn trải, phát huy được hiệu quả ngay sau khi đưa vào sử dụng.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ AN NHƠN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị

Giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thị xã hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Đối với các phường mới thành lập

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đồng thời, thành phố sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã hiện tại. Thành phố sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho

phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức Địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

3. Đối với các phường, xã còn lại

Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế quy định của Đảng và Nhà nước.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp và tổ chức thôn, khu phố

a) Đơn vị sự nghiệp

- Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở ở các phường mới thành lập và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố An Nhơn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay; giữ tên các trường học đến hết năm học 2023 - 2024 để bảo đảm sự ổn định; việc đổi tên các trường theo địa danh phường, thành phố sẽ thực hiện trong các năm học tiếp theo.

- Tổ chức Trung tâm y tế, Trạm y tế thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của Trung tâm y tế, Trạm y tế trên địa bàn.

b) Tổ chức thôn, khu phố

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ quyết định chuyển các “Thôn” hiện nay thành các “Khu phố” theo quy định.

II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG AN THÀNH PHỐ AN NHƠN VÀ CÁC PHƯỜNG MỚI THÀNH LẬP

1. Tổ chức bộ máy Công an thành phố

- Công an thành phố do Trưởng Công an thành phố chỉ huy, không quá 05 Phó Trưởng Công an thành phố.

- Tổ chức bộ máy Công an thành phố gồm 09 Đội nghiệp vụ: Đội Tham mưu, Đội An ninh, Đội Chính trị - Hậu cần, Đội Điều tra tổng hợp, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy, Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Đội Cảnh sát giao thông - trật tự, Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

2. Tổ chức bộ máy Công an các phường mới thành lập

Ngày 30/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3960/QĐ-UBND về ban hành Đề án “Điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã” trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến nay, lực lượng chỉ huy Công an các xã dự kiến thành lập phường đã được bố trí Công an chính quy theo quy định. Do đó, sau khi thành lập các phường, Công an tỉnh sẽ tiếp tục bố trí lực lượng công an chính quy về các phường để bảo đảm số lượng và không làm tăng biên chế của ngành.

Tổ chức bộ máy Công an các phường: Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An sau khi thành lập:

- Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường do Trưởng Công an phường chỉ huy, có không quá 03 Phó Trưởng Công an phường. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

- Tổ chức bộ máy Công an phường, gồm: Tổ Tổng hợp; Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

- Biên chế của Công an các phường sau khi thành lập:

Theo Quyết định số 755/QĐ-CAT-PX01 ngày 02/4/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Định về việc ấn định biên chế cho Công an các đơn vị, địa phương đến năm 2026, thì “đến hết năm 2025, bố trí số cán bộ tối thiểu bằng biên chế ấn định cho Công an cấp xã” (08 biên chế đối với 06 xã thành lập phường). Do đó, Công an thành phố sẽ bố trí từ 08 đến 10 cán bộ Công an chính quy và giữ nguyên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở về số Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Trụ sở làm việc:

Hiện trụ sở làm việc của Công an các xã Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Hậu, Nhơn An đã hoàn thiện và dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2024; đồng thời, trụ sở làm việc của Công an xã Nhơn Thọ, Nhơn Phong dự kiến hoàn thiện trong năm 2025. Qua rà soát diện tích trụ sở làm việc của Công an các xã thì diện tích trụ sở làm việc của Công an xã Nhơn Phúc là 1.500 m², Nhơn Lộc là 1.700 m², Nhơn Thọ là 1.500 m², Nhơn Phong là 1.700 m², Nhơn Hậu là 1.500 m², Nhơn An là 1.500 m², bảo đảm diện tích đất tối thiểu đối với Công an phường là 500 m² theo Quyết định số 7978/QĐ-BCA-H02 ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân.

Trụ sở làm việc độc lập của Công an các phường Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phong, Nhơn Hậu, Nhơn An mới thành lập đến hết năm 2025 đã cơ bản hoàn thiện xong. Do đó, khi thành lập các phường thì vẫn giữ nguyên trụ sở làm việc độc lập của Công an xã trước đó bố trí làm việc trụ sở làm việc của Công

an phường. Ngoài ra, trong những năm tới, trụ sở Công an thành phố và các phường sẽ được nâng cấp và mở rộng để đáp ứng tình hình thực tế trên địa bàn.

III. THÀNH LẬP (ĐỔI TÊN) TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ AN NHƠN

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện lập Đề án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố An Nhơn theo quy định, báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định.

IV. THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI CÁC LOẠI GIẤY TỜ

Để tránh xáo trộn trong việc điều chỉnh một số giấy tờ cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố An Nhơn sau khi thành lập phối hợp thực hiện từng bước. Công an thành phố triển khai kế hoạch tổ chức cấp đổi hoặc điều chỉnh các loại giấy tờ cho người dân, tổ chức theo đúng quy định. Các loại giấy tờ về cư trú, căn cước công dân,... vẫn có giá trị pháp lý của đơn vị hành chính cũ thì vẫn tiếp tục được sử dụng, lưu hành, chỉ thay đổi khi người dân có nguyện vọng. Các chi phí thực hiện để chuyển đổi giấy tờ, địa chỉ,... Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hỗ trợ cho người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn để bảo đảm sớm hoàn thành và đạt hiệu quả cao nhất. Việc chuyển đổi được thực hiện trong thời gian nhanh nhất, tại điểm tập trung do Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố An Nhơn thông báo; có thể cử công chức đến tận nơi để thay đổi giấy tờ cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có nhu cầu.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã An Nhơn trong việc phát huy mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Thành lập thành phố An Nhơn có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của tỉnh Bình Định nói chung và thị xã An Nhơn nói riêng. Tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân An Nhơn tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất của địa phương; góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn có tốc độ phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ của tỉnh Bình Định trong thời gian qua.

Việc thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định là thực sự cần thiết, là nhu cầu khách quan, phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của thị xã trong thời gian qua, tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, tạo tiền đề cho An Nhơn hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước. Bên cạnh đó, việc thành lập các phường và thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị xã An Nhơn là phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035, Chương trình phát triển đô thị An Nhơn đến năm 2035 và các định hướng quy hoạch các cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn không làm mất đi vị thế chiến lược của An Nhơn mà còn tăng cường, củng cố hơn nữa trong thế trận phòng thủ, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đô thị. Đây cũng là cơ hội thuận lợi giúp đẩy mạnh và phát huy mạnh mẽ hơn nữa những lợi thế, tiềm năng sẵn có để An Nhơn bứt phá vươn lên, phát triển bền vững, vì mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho người dân trên địa bàn; bảo đảm chất lượng đô thị theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đáp ứng nguyện vọng thiết tha của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Định nói chung và thị xã An Nhơn nói riêng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập các phường thuộc thị xã An Nhơn và thành lập thành phố An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND thị xã An Nhơn;
- Lưu: VT, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Tuấn